TRƯỞNG LÃO NI KỆ (Therīgāthā)

Kinh Tiểu Bộ - Tập 1 (VNC PHVN, 2021)

TRƯỞNG LÃO NI KỆ (Therīgātha)

Dịch giả Hòa thương THÍCH MINH CHÂU

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU TRƯỞNG LÃO NI KỆ CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU

Quyển Các bài kệ của Trưởng lão Nỉ (Therīgāthã) ghi chép những bài kệ (gãthã) của 73 Tỷ-kheo-ni. Những bài kệ này được xem là do các Tỷ-kheo-ni nói lên, hoặc nói lên quả chứng của mình, hoặc nói lên sự sung sướng phấn khởi của mình khi chứng được đạo quả, hoặc nói lên những phương pháp tu hành mình đã tự thực hành để được giác ngộ, giải thoát. Bài kệ cũng nói lên những khó khăn đã được vượt qua, những khó khăn cần phải đối trị, để cuối cùng được giác ngộ, giải thoát. Bảy mươi ba vị Tỷ-kheo-ni này đều là những vị đã chứng quả A-la-hán do các nghiệp lành đời trước, do sự tinh tấn tu hành hiện tại, và đánh đổ thành kiến cho rằng nữ nhân không thể chứng được quả vị A-la-hán. Môi Tỷ-kheo-ni là một hình ảnh tích cực tu hành, tinh tân, đôi trị với những cám dỗ của dục lậu, hữu lậu, kiến lậu và vô minh lậu; đối trị với các thành kiến xã hội đè nặng lên giới nữ5 làm nổi bật thành quả các nữ nhân vẫn có thể giác ngộ, giải thoát, nếu các vị này kiên trì tu hành, cương quyết đi theo con đường Giới - Định - Tuệ của đạo Phật. Quyển Trưởng lão Ni kệ gồm có 16 chương, từ chương 1 kệ cho đến chương 40 kệ và con số các bài kệ lên đến 524 bài kệ tất cả. Trong các bài kệ và sự tích, chúng tôi dịch chữ "nàng", thực sự có gò ép, vì để chỉ các vị này khi còn là cư si, khi còn trẻ, cho đến khi xuất gia, khi thành vị Tỷ-kheo-ni, khi thành Trưởng lão Ni. Ngoài ra, con số 73 Trưởng lão Ni không nhất thiết là chỉ có 73 vị, vì khi nói đến Patãcãrã và các đệ tử của Patãcărã lên đến hơn 500 vị, nhirng chỉ kể đơn vị đệ tử của Patãcãrã là một vị mà thôi.

(Lời Giới thiệu Trưởng lão Ni kệ, 1982)

DẪN LUẬN TRƯỞNG LÃO NI KỆ (THERlGÂTHẢ) . về từ ngữ và bản dịch Trưởng lão Ni kệ (P. Therīgãthã, s. Síhavirīgãíhã, H.f)là bản văn thứ 9 của Kỉnh Tiểu bộ (Khuddaka Nikãya,)1 thuộc hệ thống Kinh tạng Pãli, là hợp tuyển thi ca gồm 524 bài thi kệ tu tập và chứng đắc của 73 Trưởng lão Ni. Trưởng lão Ni kệ được xem là tuyên tập thi ca băng văn bản sớm nhât của cộng đồng phụ nữ Ấn Độ trong thời cổ đại. Gọi là 73 Trưởng lão Ni chỉ là cách nói tượng trưng. Trên thực tế, số lượng các Trưởng lão Ni trong Trưởng lão Ni kệ có hơn 600 vị, vì có những kệ ngôn theo nhóm Tỷ-kheo-ni của nữ Tôn giả Patãcãrã 30 vị (Thĩg V: 11721),2 có nhóm 500 vị (Thĩg. VI: 127-32). Có một số Trưởng lão Ni không rõ danh tánh, khác với Trưởng lão Tăng kệf các kệ ngôn đều được xác định danh tánh của người nói. Khái niệm ubài ke”(ke tập) trong văn học Pãli là Qígãthữ\ thường được dịch trong Hán Việt là "tụng thi”()"ke tụng”()hoặc “ke ng6n“().Theo cấu trúc thi ca trong văn học Pãli, mỗi bài kệ thường có 4 hoặc 6 câu (pãda), Mỗi câu có số âm tiết khác biệt, thông thường là 8, 9,10,11 hoặc 13 âm tiết. Bản dịch tiếng Anh đầu tiên của Trưởng lão Ni kệ là Psalms of

the Early Buddhist, I. Psalms of the Sisters (Thanh vịnh của Phật giảo nguyên thủy. Thánh vịnh của các vị)do c. A. F. Rhys Davids dịch (London: PTS, 1909). Quyển thứ hai có tựa đề là Elders' Verses'. Therĩgãthã (Thi kệ của các Trưởng lão M), còn được gọi là "Thi kệ của chư Ni Phật giáo Nguyên thủý^ (Poems of Early Buddhist Nuns), do K. R. Norman dịch (London: PTS, 1971). Quyển The First Buddhist Women: Translations and Commentaries on the Therigatha (Cac phụ nữ Phật giáo đầu tiên: Các bản dịch và chủ thích về Trưởng lão Ni kệ) do Susan Murcott dịch (Berkey: Parallax press, 1991). Quyển Selections from Songs of the Elder Sisters (Đạo ca của các Trưởng lão Ní) do Francis Booth dịX 2009

1 Tác phẩm tương tự bên Tăng đoàn là "Trưởng lão kệ" (Theragãthã,4)còn gọi là Trưởng lão (' 2 Cách ghi chú trong bản này ỉà chương, sau đó ỉà số thứ tự bài kệ. Ví dụ trên, chương VI, kệ 117 đến 121.

Bản dịch tiếng Anh của nhóm Access to Insight có tựa đề: Therỉgatha: Verses of the Elder Nuns (Therĩgãthã: Các thi kệ của Trưởng lão Ni), 2013.3 Quyển Poems of the Elders: An Anthology from the Theragãthã & Therĩgãthã (Thi ca của các Trưởng lão: Tuyển tập từ Trưởng lão Tăng kệ và Trưởng lão Ni kệ) do Bhikkhu Thanissaro dịch năm 2015 thực chất chỉ tuyển chọn 32 kinh thơ của Trưởng lão Ni kệ và 88 kinh thơ của Trưởng lão Tăng kệ. Quyển Therĩgãthã: Poems of the First Buddhist Women (Trưởng lão Ni kệ: Thi ca của những phụ nữ Phật giảo đầu tiên) do Charles Hallisey dịch (Cambridge, Massachusetts: Harvard University, 2015). Quyển Voices of Early Buddhist Nuns: A Dharmalogical Approach to the Therĩgãthã (Tiêng nói của các Tỷ-kheo-ni đâu tiên: Tiêp cận từpháp ngữ Trưởng lão Ni kệ), Luận văn Thạc sĩ của Meg Doshin Gawler đệ trình tại Institute of Buddhist Studies, Berkeley-California, 2017. Quyển TherĩgãthãpăỊỈ - Book of Verses ofElder Bhikkhunỉs (Trưởng lão Ni kệ: Tập thơ của các Trưởng lão Nỉ) do Anagarika Mahendra dịch (Roslindale, MA: Dhamma Publishers, 2017). Quyên Verses ofthe Senior Nuns (Thi kệ của Trưởng lão Ní) do Bhikkhu Sujato và Jessica Walton dịch, 2019. về bản dịch tiếng Việt, ngoài bản dịch thi ca của Hòa thượng Thích Minh Châu xuất bản năm 1982 có tựa đề Trưởng lão Ni kệ. được sử dụng chính trong Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam. còn có bản dịch văn xuôi Trưởng lão Ni kệ của Tỳ-khưu Indacanda, 2011.4 về tác giả và niên đại về tác giả? phần lớn các bài thi kệ trong Trưởng lão Nỉ kệ là của các Trưởng lão Ni trong thời đức Phật, bao gồm các vị Thánh đệ tử Tỳ-kheo-ni lớn từ thời đức Phật đến kỳ kết tập kinh điển lần thứ III dưới triều Vua Asoka. Bắt nguồn từ tiếng Magadhi bằng khẩu truyền, các kệ tụng xướng ngâm này phản ánh cuộc đời và kinh nghiệm tu học của Ni đoàn Phật giáo sớm nhất trong lịch sử văn minh nhân loại. Trong số 10 vị Thánh Ni lớn của đức Phật, Trưởng lão Ni kệ chỉ có 9 vị, không đề cập nữ Tôn giả Yasodharã, mẹ của Tôn giả Rãhula. Nổi tiếng nhất giữa các Trưởng lão Ni có nữ Tôn giả Mahãpạjãpatĩ Gotamĩ (Thĩg. VI: 157-62), vốn là Hoang hậu của Vua Suddhodana (Tịnh Phạn), mẹ kế của đức Phật, vị Tỷ- kheo-ni đầu tiên nhiều hạ lạp nhất trong Ni đoàn, là một bậc Thánh Ni gương mẫu. Nữ Tôn giả Khemã (Thĩg. VI: 139-44) vốn la ái phi của Vua Bimbisãra (Tần-bà-sa-la) nước Magadha

(Ma-kiệt-đà), nổi tiếng về trí tuệ đệ nhất như Ngài Sãriputta (Xá-lợi-phất). Nữ Tôn giả uppalavanụã (Liên Hoa sắc) (Thĩg. XI: 224-35) có nhan sắc tuyệt đẹp, khi xuất gia nổi tiếng về thần thông đệ nhất

như Ngài Moggallãna (Mục-kiền-liên). Nữ Tôn giả Dhammadinnã (Pháp Lạc) vốn là người vợ xinh đẹp? hiền thục của Trưởng giả Visãkha, khi xuất gia nổi tiếng về thuyết pháp đệ nhất (Thĩg. I: 12) như Ngài Punna Mantãniputta (Phú- lâu-na). Nữ Tôn giả Patãcãrã (Thĩg. V: 112-16) vốn là con gái của một thương gia phú hộ ở Sãvatthi, nước Kosala, khi xuất gia nổi tiếng về trì luật đệ nhất như Ngài upli, và thường an ủi, chia sẻ bằng cả tấm lòng đến với những phụ nữ có hoàn cảnh bi thương, bất hạnh. Nữ Tôn giả Kisã Gotamĩ là một người mẹ từng bị khổ đau khi con trai mất (Thĩg. X: 213-23),5 sau khi xuất gia nổi tiếng về hạnh mặc thô y. Nữ Tôn giả Bhaddã Kundalakesã (Thĩg. V: 107-11)56 nổi tiếng đệ nhất về thắng trí nhạy bén. Nữ Tôn giả Sonã (77/zg. V: 102-06)7 vốn sanh trong gia đình quý tộc ở Sãvatthi, nữ Tôn giả có đến 10 người con, sau đó bị con cái hất hủi, khinh rẻ, thất vọng, chán chường nên xuất gia, khi đi tu nổi tiếng về đệ nhất tinh tấn. Nữ Tôn giả Sundarĩ Nandã vốn là công chúa xinh đẹp của dòng họ Thích-ca, khi xuất gia nổi tiếng về thiền định đệ nhất (Thĩg. V: 82-6). Cũng có một vài bài kệ của các nữ Tôn giả do nghiệp lực đời quá khứ, trước khi đi tu từng sống bằng nghề kỹ nữ, nhưng khi xuất gia trở thành bậc Thánh Ni đắc đạo như nữ Tôn giả Addhakãsi (Thĩg. 1:25-6), nữ Tôn giả Vimalã (Thĩg. V: 72-6), nữ Tôn giả Ambapãlĩ (Thĩg. XIII: 252-70). Trong Trưởng lão Ni kệ có một vài nữ Tôn giả nói lên những kệ ngôn giống nhau như kệ 19 của nữ Tôn giả Abhirũpa Nandã giống với kệ 82 của nữ Tôn giả Sundarĩ Nandã; kệ 21 của nữ Tôn giả Jenta giống với kệ 45 của nữ Tôn giả Uttamã khác; kệ 22 của nữ Tôn giả Jentã giống với kệ 160 của nữ Tôn giả Mahãpạjãpatĩ Gotamĩ; kệ 42 của nữ Tôn giả Uttamã giống với kệ 169 của nữ Tôn giả VIjayã; hai kệ 52, 53 của nữ Tôn giả Ubbiiĩ giống với kệ 131, 132 của 500 nữ Tôn giả dưới sự dẫn dắt của nữ Tôn giả Patãcãrã; hai kệ 58, 59 của nữ Tôn giả Selã giống với kệ 141, 142 của nữ Tôn giả Khemã và kệ 234, 235 của nữ Tôn giả Patãcărã; các kệ 59, 62, 142, 235 của các nữ Tôn giả Selã, Somã? Khem Uppalavannã giống nhau; các kệ 188, 195, 203 của các nữ Tôn giả Cãlã? upacãlã, Sĩsupacãlã giông nhau và ba nữ Tôn giả còn có 3 kệ khác giông nhau là 187, 194, 202; kệ ll7 của 30 nữ Tôn giả dưới sự lãnh đạo của nữ Tôn giả Patãcãrã giống với kệ 175 của nữ Tôn giả Uttarã; kệ 186 của nữ Tôn giả Cãlã giống với kệ 193 của nữ Tôn giả Upacãlã. Có nhiều bài kệ khá giống nhau, chỉ khác nhau l hoặc 2 từ trong câu; hoặc có những bài kệ có nội dung giống với câu kệ trên một ít, hoặc giống câu kệ dưới một ít. Cũng có nhiêu nữ Tôn giả trùng tên nói các bài kệ khác nhau như các nữ Tôn giả Muttã, Tissã, Punnã, Sãmã, Ưttamã, Subhã. Một số kệ ngôn là lời dạy của đức Phật đối với các nữ Tôn giả, được các vị Trưởng lão Ni thường đọc lại,

5 Xem Dh. V. 278. 6 Xem 4 I. 25.

7Xemm. V. H5.

lấy đó làm pháp tu của riêng mình (Thĩg. I: 1-6, 8-10, 14, 16; Thĩg. II: 19- 20, 35-6; III: 51; Thĩg. IV: 82-5; Thig. VI: 163-8; Thĩg. XIII: 364-6. Có một số bài kệ là lời của thiên nhân tán thán hạnh thuyết pháp tuyệt diệu của nữ Tôn giả Sukkã (Thĩg. III: 54-5). Cũng có một số bài kệ (Thĩg. III: 57, 60; Thĩg. VI: 139; Thĩg. VII: 183, 190; Thĩg. VIII: 197; Thĩg. xì: 230) do Ác ma nói vơi các Trưởng lão Ni vì muốn ngăn chặn, chống phá sự tu tập của các vị và một số kệ là lời giáo hóa của các vị Trưởng lão Ni cho Ác ma (Thĩg. III: 58, 59, 61, 62; Thĩg. VI: 140-4; Thĩg. VII: 184-8,191-5; Thĩg. VII: 198-203; Thĩg.Xl: 231-5). Có những bài kệ diễn tả cuộc đối thoại giữa nữ Tôn giả Subhã và thanh niên ăn chơi vì say mê sắc đẹp của vị Thánh Ni nên chặn đường trêu ghẹo (Thĩg. XIV: 368-401). Trong Trưởng lão Ni kệ, dù không nhiêu nhưng cũng có một vài bài kệ với xuất xứ khá đặc biệt5 như bài kệ do Trưởng lão Tăng Abhaya thuyết pháp cho mẹ và bà xuất gia, chứng Thánh quả9 sau đó được nữ Tôn giả thuật lại (Thĩg. II: 33). Hay như những bai kệ là lời khiển trách của người mẹ đã chứng Thánh quả khi người con trai đến tinh xá thăm mẹ, và người con trai sau đó cũng chứng Thánh quả, đến gặp mẹ và nói lên những lời kệ tán thán mẹ mình (Thĩg. IX: 204-12). Cũng có những bài kệ là lời đối đáp của một nữ nô lệ và ông chủ Bà-la-môn, nhờ khuyên ông chủ Bà-la-môn của mình tin theo Chánh pháp, quy y với đức Phật nên sau đó được thoát khỏi kiếp nô lệ, được ông chủ cho đi xuất gia, thành tựu tam minh, chứng quả A-la-hán, còn ông chủ sau này cũng xuất gia và thành tựu được tam minh (Thĩg. XII: 236-51). Có những bài kệ là lời của đôi vợ chồng Upaka và Cãpã trước và sau khi đi xuất gia (Thĩg. XIII: 292-312). Có những bài kệ do các nữ Tôn giả thuật lại lời nói trước kia của cha, của mẹ, của vị hôn phu, trong đó, có người cũng đã xuất gia và chứng đắc Thánh quả, nhưng cũng có người còn sống đời tại gia (Thĩg. XIII: 271-3, 286-7, 289-91), (Thĩg. XIIL 313-4, 317, 320-38), (Thig. XVI: 464-6, 485-6). Có những bài kệ được các vị kết tập sáng tác để giới thiệu thêm về tiểu sử của Trưởng lão Ni, nêu duyên khởi của thi kệ được ra đời (Thĩg. XV: 402-4), và còn có bài kệ do các vị Tỷ-kheo thêm vào để tán dương Thiên chủ Sakka đã đến đảnh lễ nữ Tôn giả Subhã? con người thợ vàng (Thĩg. XIII: 367). Có thể khẳng định rằng Trưởng lão Ni kệ được biên tập và bổ sung suốt 300 năm kể từ khi đức Phật nhập Vô dư Niết-bàn, nên các nữ Tôn giả trong tác phẩm bao gồm các Thánh Ni thời đức Phật cho đến thời Đại đế Asoka. Một số bài thi kệ trong Trưởng lão Nỉ kệ xuất hiện trong phần thứ 5 của Kinh Tương ưng bộf cụ thể là phần uCác bài kinh có liên hệ Tỷ-kheo-ni (Bhikkhunĩ Samyuttă). Một số bài thi kệ khác xuất hiện trong tác phẩm Thánh nhân kỷ sự (Apadãna) thuộc Kinh Tiểu bộf theo đó, phần viết về nữ Tôn giả Therĩapadãna (Trưởng lão Ni kỷ sự) chứa các bài kệ của 40 Tỷ-kheo-ni kể vê các câu chuyện kiêp trước. Phâm Người tôi thăng (Etadaggavaggă) trong

DẢN LUẬN TRƯỞNG LÃO NI KỆ 1077

Kinh Tăng chi bộ (Anguttara Nikãya) cũng có nêu công hạnh nổi bật của 13 Tôn giả Tỷ-kheo-ni. về số lương và nội dung của các bài thỉ kệ Cũng giống với cấu trúc của Trưởng lão Tăng kệ, các bài kệ trong Trưởng lão Nỉ kệ được sắp xếp thành các nhóm có cùng số lượng. Với 524 bài kệ được phân bổ trong 16 chương, mỗi chương có số lượng bài kệ khác nhau. Các nữ Tôn giả chỉ có 1 thi kệ được xêp trong chương I. Tương tự, các nữ Tôn giả có 2 thi kệ được xêp trong chương II; cứ như thê, 3 thi kệ xêp trong chương

III, cho đến 9 thi kệ được xếp trong chương IX. Không GÓ nhóm 10 kệ, 13 kệ, 14 kệ, 15 ke, cho nên, chương X là nhóm 11 thi kệ, chương XI là nhóm 12 thi ke, chương XII là nhóm 16 thi kệ. Chương XIII là nhóm 20 thi kệ5 chương XIV là nhóm 30 thi kệ, chương XV là nhóm 40 thi kệ. Lira ý, đối với các nhóm 20, 30, 40 thi kệ chỉ có tính tương đối và gộp chung là chính yếu5 không nhât thiêt tương ứng với sô lượng các thi kệ trực thuộc trong nhóm đó. Chương XVI có 75 ke, đây là nhóm lớn có nhiều thi kệ nhất. về nội dung, giống với Kinh Pháp cú, Kinh Phật thuyết như vậy, Kỉnh tập. Trưởng lão Tăng kệf các bài kệ trong Trưởng lão Ni kệ được xem là những giáo lý Phật giáo ít bị biên tập nhât, phản ánh trung thành với triêt học ứng dụng của đức Phạt nhất. về thế giới quan, một số bài kệ nói về thuyết duyên khởi, tương quan, y A tương duyên, tương thuộc, không có nguyên nhân đâu tiên. Vê nhân sinh quan, một số bài kệ nói về tầm quan trọng của việc làm người, con người chịu trách nhiệm về những gì mình đã làm, đang làm và sẽ làm. về xã hội quan, các thi kệ thể hiện chủ trương công bằng, dân chủ, bình đẳng giai cấp và bình đẳng giới, về đạo đức quan, một số bài kệ dạy về cách ngăn ngừa và từ bỏ điều ác, phát triển điều thiện, giữ tâm ý thanh tịnh, tinh thần vị tha. về giải thoát quan, các thi kệ trình bày kinh nghiệm tu tập hóa giải khổ đau, giác ngộ, giải thoát của các nữ Tôn giả, chứng đắc quả Thánh A-la-hán như các vị Trương lão Tăng. Trưởng lão Nỉ kệ còn phản ánh nôi khô đau của con người, đặc biệt là người phụ nữ trước sự sanh lão bệnh tử của kiếp con người. Khi vô thường đến, mất đi những người thân yêu của mình, họ đau khô, tuyệt vọng đên điên loạn. Song, nhờ thiện nghiệp đã gieo trồng từ nhiều kiếp trước nên họ gặp được Phật pháp, xuất gia và sau khi trở thành các vị Tỷ-kheo-ni thì nỗi khổ đau đó chấm dứt. Họ trở nên năng động trong học Phật, tu Phật, làm Phật sự và giáo hóa nhân sinh. Đọc Trưởng lão Ni kệ giúp chúng ta tôn trọng tiêm năng và năng lực tâm linh cũng như những đóng góp to lớn của Ni đoàn nói chung và phụ nữ Phật

giáo nói riêng. Trưởng lão Ni kệ là minh chứng hùng hồn về chủ trương bình đẳng giới của đức Phật, góp phần giải phóng phụ nữ ra khỏi văn hóa “trpng nam khinh nữ" trong tôn giáo và xã hội Ấn Độ cổ đại. Mỗi vị trong tổng số 73 vị Trưởng lão Ni là tấm gương chói sáng về trải nghiệm tâm linh và kinh nghiệm tu tập. Các vị đã làm chủ và vượt qua bản thân, dứt trừ nỗi khổ niềm đau, tu luyện và phát triển trọn vẹn ba giá trị cao quý (trí tuệ, đạo đức và thiền định). Nhờ đó, người nữ trở về và sống với nhân phẩm cao quý của mình, góp phần mang lại hạnh phúc cũng như đóng góp to lớn cho gia đình, cộng đông, xã hội, quôc gia, châu lục và toàn câu.

TR Hồ Chí Minh, ngày 01 thảng 6 năm 2021 TT. TS. Thích NhậtTừ (Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam)

CHƯƠNG I MỘT KỆ (EKAKANIPATA)

§1. KỆ NGÔN CỦA MỘT TRƯỞNG LÃO NI KHÔNG BIÉT TÊN (Ảnnatarãtherĩgãthẳý (Thĩg. 123; ThĩgA. 1) 1. Hãy ngủ trong an lạc, Hỡi cô thân đẫy đà, Đắp phủ trong tấm y, Chính mình tự làm lấy, Lòng tham cô lắng dịu, Như ghè khô trong lò. Trong thời đức

Phật hiện tại, cô được sanh trong một gia đình ở Vesãli (Tỳ-xá-ly). Vì thân hình đẫy dà, cô được gọi là "nàïïg đẫy dà" Cô trở thành người vợ trung thành của một người quý tộc. Khi bậc Đạo sư đến Vesãli, cô tin tưởng giáo pháp của đức Phật và trở thành một nữ cư sĩ. Khi cô nghe Trưởng lão Ni Mahãpajãpatĩ Gotamĩ thuyết pháp, cô muốn xuất gia và thưa với chồng ý nguyện của cô. Người chồng không cho nên cô tiếp tục làm tròn bổn phận, suy tư đến những lời dạy vi diệu của giáoj)háp và chú tâm đến thiền quán. Rồi một ngày kia, khi đang ở trong bếp và nâu món ăn5 một ngọn lửa mạnh bừïiệ cháy và thiêu tât cả món ăn với những tiêng cháy xèo xèo, cô lấy đó làm đê mục đê thiền quán vê tánh vô thường của sự vật và chứng được quả Bất lai. Rồi cô không đeo các đồ trang sức nữa. Người chồng hỏi duyên cớ, cô trả lời rằng cô không thể sống trong gia đình được nữa. Người chồng đưa cô đến Trưởng lão Ni Mahãpạiãpatĩ Gotamĩ và bằng lòng để cô xuất gia. Mahãpajãpatĩ làm lễ xuất gia cho cô và đưa cô đến yết kiến đức Phật. Bậc Đạo sư giải thích về đề mục thiền quán của cô và nói lên bài kệ này. Khi chứng quả A-la-hán, cô lặp lại bài kệ này và bài kệ trở thành bài kệ của mình.

§2. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI MUTTÃ (Muttãtherĩgữthẩỹ (Thĩg. 123; ThĩgA. 8) Bài kệ này Thế Tôn thường nói lên để khích lệ Muttã khi cô còn đang học tập: 2. Hỡi này giải thoát Ni, Hãy giải thoát các ách, Như mặt trăng thoát khỏi, Miệng hàm của Răhu,

1 Xem Ap. II. 514, Mandapadãyikãtherĩapadãna (Ký sự về Trưởng lão Nỉ Mandapadãyỉkă). 2 Xem Ap. II. 514, Sankamanatthãtherĩapadãna (Kỷ sự về Trưởng lão Ni Sankamanatthã).

Với tâm tư giải thoát, Khỏi nợ nần trói buộc, Hãy thọ hưởng món ăn, Do khất thực đem lại. Đây là bài kệ của Giới học nữ Muttã. Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh làm con gái của một Bà-la-môn có danh vọng ở Sãvatthi. Đen năm hai mươi tuổi, các điều kiện đã chín muồi, cô xuất gia dưới sự hướng dẫn của Mahãpạjãpatĩ Gotamĩ và học tập thiền quán. Một hôm, sau khi khất thực và đã làm các phận sự đối với các Trưởng lão Ni xong, cô tìm một chỗ thanh vắng để ngồi thiền, tập trung tư tưởng vào nội tâm. Rồi bậc Đạo sư ngồi trong hương phòng ở tinh xá phóng ra hào quang, xuất hiện trước mặt cô và nói lên bài kệ trên. Còn cô vững tin với lời giáo giới ấy, không bao lâu sau chứng được quảA-la-hán và khi chứng quả nói lên lại bài kệ này. Sau khi tu hành thành dạt, được đề nghị lên hàng giáo phẩm và cô đã đọc bài kệ này khi sắp sửa mạng chung.

§3. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI PUNNA (Punnãtherĩgãthă) (Thĩg. 123; ThĩgA. 9) Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh làm con một gia đình trưởng giả ở Sãvatthi và tên là Punnã. Khi cô đến hai mươi tuổi và nghiệp duyên thuần thục, cô nghe Mahãpajãpatĩ thuyết pháp và xuất gia. Sau khi trở thành một Giới học nữ, cô bắt đầu tu tập thiền quán, và bậc Đạo sư từ nơi hương phòng của Ngài phóng hào quang và nói lên bài kệ này: 3 Hỡi này thành mãn Ni, Hãy tràn đầy Chánh pháp, Như mặt trăng tròn đầy, Trong ngày rằm trăng tròn, Hãy tràn đầy trí tuệ, Phá tan khối si ám. Sau khi nghe bài kệ này, thiên quán được tăng trưởng và cô chứng quảA-la- hán. Bài kệ này nói lên lòng phấn khởi và xác chứng chánh trí của cô.

§4. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI TISSÃ (Tissũthengãthẩ) (Thĩg. 123; ThĩgA. 11) Bài kệ sau này là của Tissã, một Giới học nữ trải qua nhiều thời đức Phật đã tích lũy các công đức; và trong thời đức Phật hiện tại, cô được tái sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) trong gia đình quý tộc Thích-ca, được tuyển vào nội cung của Bô-tát. Cô cùng với Mahãpajãpatĩ xuất gia và tu tập thiên quán. Bậc Đạo sư hiện ra trước cô và nói lên bài kệ: 4. Tissã, hãy học tap, Học trong những học pháp, Chớ để cho các ách, Vượt khỏi chi phối cô. Hãy sống không liên hệ, Mọi ách không trói buộc, Sông giữa thê giới này, Không có các lậu hoặc. Và cô nghe bài kệ này, được tăng trưởng thiền quán và chứng quảA-la-hán. Sau đó cô thường đọc lên bài kệ này.

TRƯỞNG LÃO NI KỆ 1081

§5. KỆ NGÔN CỦA MỘT TRƯỞNG LÃO NI TISSÃ KHÁC (AnnatarãtissãtherĩgãthẩÝ (Thĩg. 123; ThĩgA. 12) 5. Tissã, hãy cột tâm, Tập trung trên các pháp, Chớ để từng sát-na, Uổng phí vượt khỏi cô. Những sát-na đã qua, Họ sâu muộn, đau khô, Khi họ bị rơi vào, Trong cảnh giới địa ngục.

§6. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI DHĨRÃ (Dhữtherĩgãthă) (Thĩg. 124; ThĩgA. 12) 6 Dhĩrã, hãy cảm xúc, Những cảm chứng đoạn diet, Tịnh chỉ các vọng tưởng, Là chơn chánh an lạc, Hãy thuận hướng Niết-bàn, Ach an ôn vô thượng.

§7. KỆ NGÔN CỦA MỘT TRƯỞNG LÃO NI DHĨRÃ KHÁC (Annatadhĩrãtherĩgãthăý (Thĩg. 124; ThĩgA. 13) 7. Dhĩrã, hãy kiên trì, Năm giữ các thiện pháp, Hỡi này Tỷ-kheo-ni? Các căn được tu tập. Hãy mang cái thân này, Là cái thân cuối cùng, Sau khi đã chiến thắng, Ác ma nữ quân lực, Sau khi đã chiến thắng, Ác ma với quân lực.

§8. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI MITTÃ (Mittãtherĩgãthă) (Thĩg. 124; ThĩgA. 13) 8. Hỡi này Mittã bạn, Với lòng tin xuất gia, Hãy tu tập rèn luyện, Hân hoan với bạn lành, Hãy tu tập rèn luyện, Trong các pháp hiền thiện, CÔ găng đạt cho được, An ổn khỏi ách nạn.

§9. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI BHADRÃ (Bhadrãtherĩgãthă) (Thĩg. 124; ThĩgA. 13) Hỡi Bhadrã hiền thiện, Với lòng tin xuất gia, Hãy sông vui hoan hỷ, Trong các pháp hiên thiện. Hãy tu tập rèn luyện, Trong các pháp chí thiện, Cố gắng đạt cho được, An ổn khỏi ách nạn.

3 Từ kệ 5-10, xem ThĩgA. 12. Tham chiếu: Thạg. V. 981; Dh. V. 315; Pháp củ kinh 3 4pịa ngục phẩm,^ (r.04. 0210.30. 057Qa05); Xuất diệu kinh(r.04. 0212.6. 0649a06); Pháp tập yếu tụng kinh “Ai lạc phẩm,,(r.04. 0213.5. 0779c23). 4 Bản CST viết Vĩrãtherĩgãthã. Bản PTS viết Annatadhĩrã.

1082 KINH TIỂU Bộ

§10. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI UPASAMÃ (Upasamãtherĩgãthă) (Thĩg. 124; ThĩgA. 13) 10. Hỡi upasamã, Hãy vượt dòng nước mạnh, Dòng nước khó vượt qua, Bị thần chết chi phối. Hãy mang cái thân này, Là cái thân cuối cùng, Sau khi đã chiến thắng, Ác ma với quân lực. Sáu Tỷ-kheo-ni này, câu chuyện giống như Tissã (§4) trừ Dhĩrã, được gọi là một Dhĩrã khác. Cô không được bài kệ nào đọc cho cô9 nhirng cô cảm thấy dao động

khi được nghe lời Phật dạy. Dựa trên những lời dạy này, cô tinh tấn thiền quán, và khi chứng được quả A-la-hán, cô nói lên niềm hoan hỷ của mình. Các Tỷ-kheo-ni khác cũng tương tự như vậy.

§11. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI MUTTÃ (Muttãtherĩgãthẩ) (Thĩg. 123; ThĩgA. 13) Nhờ tích lũy các thiện nghiệp dưới thời các đức Phật khác, Muttã được sanh ở Kosala, con gái của một Bà-la-môn nghèo tên là Oghãtaka. Khi đến tuổi trưởng thành, cô phải làm vợ một người Bà-la-môn còm9 nhưng cô thưa với chồng rằng cô không thể sống trong gia đình và được chồng bằng lòng cho xuất gia. Trong khi tu tập thiền quán, tâm tư cô vẫn chạy theo các đối tượng ở ngoài. Do vậy, cô kiên trì tự chế ngự và đọc lên bài kệ của mình. Cô tinh tấn thiền quán cho đến khi chứng được quả A-la-hán. Rồi hân hoan, cô lặp lại bài kệ: 11. Lành thay giải thoát Ni! Ta thật khéo giải thoát, Giải thoát ra khỏi được, Ba vật còm và cong, Thoát cối xay, cái chày, Thoát ông chồng lưng còm. Hỡi này, giải thoát Ni! Ta thoát được sống chết, Những gì dẫn tái sanh, Được nhổ lên tận gốc.

§12. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI DHAMMADINNÃ (Dhammadinnãtherĩgãthẩ)5 (Thĩg. 124; ThĩgA. 15) Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh trong một gia đình ở Rajagaha (Vương Xá) và trở thành vợ của Visãkha, một người có địa vị trong xã hội. Một ngày kia, chông cô đi nghe đức Phật thuyêt pháp, chứng được quả Bât lai. Khi Visãkha về, Dhammadinnã đưa tay ra đỡ chồng lên gác nhimg người chồng không nắm tay và không nói gì với cô trong bữa ăn chiều. Cô hỏi chồng duyên cớ? người chồng nói không phải vì lỗi của cô, nhưng nay vì đã hiểu được Chánh pháp nên không còn những cử chỉ như trước nữa. Người chồng trả quyền tự do cho cô, một là ở lại gia đình chồng, hai là lấy tiền bạc rồi về lại gia đình cha mẹ; nhưng cô không chịu và xin được xuất gia. Visãkha đưa cô

5 Xem Ap. II. 567, Dhammadinnãtherĩapadãna (Kỷ sự về Trưởng lão Ni Dhammadinna).

đên chô các Tỷ-kheo-ni trong một chiêc kiệu vàng. Được cho phép xuât gia, cô xin sông nhập that, không muôn sông chung đụng ôn ào và đi đên một tinh xá ở làng. Tại đấy, nhờ những thiện nghiệp quá khứ, cô chế ngự thân, miệng, ý, chứng được quả A-la-hán với tứ vô ngại giải: Nghĩa vô ngại giải, pháp vô ngại giải, từ vô ngại giải, biện tài vô ngại giải. Rồi cô đi về Rậjagaha (Vương Xá) với các Tỷ-kheo-ni. Visăkha, chồng cũ của cô đến hỏi pháp cô như đã được diên tả ương Tiêu kinh Phương quảng^ cô trâ lời rất rõ ràng, đúng đắn các câu hỏi của Visãkha và được đức Phật tán thán. Cô trở thành vị Thuyết pháp đệ nhất trong hàng Tỷ-kheo-ni. Chính trong khi cô ở lại một tinh xá trong làng và cô nói lên bài kệ này: 12. Trong ai lòng ước muôn, Đạt được quả Vô sanh, Được sanh khởi tỏa rộng? Đầy tràn cả tâm ý, Tâm không bị trói buộc, Trong các dục chi phối, Vị ấy được tên gọi, Là bậc Vào dòng trên.6 7

§13. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI VISÃKHÃ (Vỉsãkhãtherĩgãthãị (Thĩg. 124; ThĩgA. 20) Câu chuyện của Visãkhã cũng giống như câu chuyện của Dhĩrã. Sau khi chứng quả

A-la-hán, cô suy tư trên lạc giải thoát và nói lên chánh trí của mình đã chứng được để khuyến khích bạn đồng tu. 13. Hãy làm, hãy thực hành, Đúng theo lời Phật dạy, Và sau khi làm xong, Không có lòng ăn năn, Hãy gấp rửa chân sạch, Và ngồi xuống một bên.

§14. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI SUMANÃ (Sumanãtherĩgãthẩ) (Thĩg. 124; ThĩgA. 20) Câu chuyện của cô giống như chuyện của Tissã. Đức Phật phóng hào quang, hiện ra ngồi trước mặt cô và nói lên bài kệ này: 14. Sau khi thấy các giới, Với cái nhìn đau khổ, Chớ có đi trở lại, Vào con đường tái sanh. Hãy từ bỏ5 xả ly, Lòng dục trong sanh hữu, Sống đời sống hành trì, Ta mát lạnh tịch tịnh.

§15. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI UTTARẢ (Ưttarãtherĩgãthẩ) (Thĩg. 125; ThĩgA. 21) Câu chuyện của Uttarã cũng giống như câu chuyện của Tissã (§4). Và khi cô chứng quả A-la-hán, cô nói lên bài kệ này:

6 Xem M. I. 299, CữỊavedallasutta (Tiểu kinh Phương quảng), số 45. 7 Những vị đã đoạn tận 5 hạ phần kiết sử, được hóa sanh vào các tầng trời cao hơn cho đến khi lên được Sắc Cưu Cánh thiên irồi từ đay nhập Niết-bàn.

15. Ta đã chê ngự được, Thân, miệng và tâm tư, Ta chinh phục khát ái, Cho đến tận gốc rễ, Ta sống được mát lạnh, Trong tịch tịnh? an lặng.

§16. KÊ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI SUMANÃ XUẤT GIA KHI TUÔI GIÀ (Vuddhapabbajitasumanathengatha) (Thĩg. 125; ThĩgA. 22) Trong thời đức Phật hiện tại, cô sanh ở Sãvatthi, là chị của vua xứ Kosala. Sau khi nghe đức Phật thuyết pháp, bắt đầu với bốn chữ: "C6 bốn loại trẻ tuổi không nên khinh thường...9\8 cô khởi lên lòng tin, thọ tam quy và ngũ giới. Vì mắc hầu hạ bà ngoại, cô không xuất gia được. Sau khi bà ngoại mất, cô cùng đi với vua tới tinh xá, đem theo nhiều màn, nhiều vải cúng dường Giáo hội. Nghe bậc Đạo sư thuyết pháp, cô chứng được quả Bất hoàn và xin được xuất gia. Thế Tôn thấy được sự trưởng thành trong trí tuệ của cô nên nói lên bài kệ này: 16. Hỡi này, lão Ni kia, Hãy an lạc nằm nghỉ, Đăp phủ trong tâm y, Chính tự mình làm lây, Lòng tham người an tịnh, Người mát lạnh tịch tịnh. Khi đức Phật nói xong, cô chứng được quả A-la-hán với thấu ữiệt pháp, thấu triệt nghĩa. Trong sự sung sướng nội tâm, cô lặp lại những câu kệ này và chúng trở thành lời tuyên bố chánh trí của cô. Rồi cô được xuất gia ngay.

§17. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI DHAMMÃ (Dhammãtherĩgãthă) (Thĩg. 125; ThĩgA. 23) Sau khi chât chứa công đức trong nhiêu đời, cô được sanh trong một gia đình quyên quý dưới thời đức Phật hiện tại. Sau khi lây chông, cô được cảm hóa theo đạo Phật, xin xuất gia nhưng người chồng không bằng lòng. Cô chờ cho đến khi người chồng mất mới xuất gia. Một hôm, sau khi khất thực, trên con đường vê tinh xá5 cô mât thăng băng bị ngã. Dùng sự kiện ây đê thiên quán, cô chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Trong sự vui sướng, cô nói lên bài kệ: 17. Sau khi khất thực xong, Yêu sức, chông trên gậy, Với chân tay run rẩy, Ta ngã trên mặt dất, Thấy nguy hiểm của thân, Tâm ta được giải thoát.

§18. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI SANGHÃ (Sanghãtherĩgãthẩ) (Thĩg. 125; ThĩgA. 24) Cuộc đời của cô giông như cuộc đời của Tỷ-kheo-ni Dhĩrã? nhưng bài kệ của cô như sau:

8 Xem s. I. 68.

18. Bỏ gia đình xuất gia, Ta từ bỏ con cái?
Từ bỏ gia súc quý, Từ bỏ tham và sân,
Còn đối với vô minh, Ta sống hạnh viễn ly.
Sau khi chinh phục được, Tận gốc cả tham ái,
Ta được sống mát lạnh, Tịch tịnh và an lặng.
CHƯƠNG II HAI KỆ (PUKANIPẴTA)

§19. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI ABHIRŨPA NANDÃ (AbhirũpanandãtherĩgãthăÝ (Thĩg. 125; ThĩgA. 24) Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở Kapilavatthu, con gái vợ chính của Vua Khemaka, dòng họ Thích-ca (Sakya), tên là Nandã. Vì cô rất đẹp nên được tên là Abhirũpa Nandã (Nandã đẹp). Ngày cô lựa Carabhũta làm chồng, thời Carabhũta mạng chung và cha mẹ cưỡng bức cô xuất gia. Sau khi đã xuất gia, cô vẫn tự kiêu với sắc đẹp của mình, và sợ bậc Đạo sư quở trách, cô lẫn tránh Ngài. Thế Tôn biết được hạnh cô đã thuần thục nên bảo Mahãpajãpatĩ quy tụ mọi Tỷ-kheo-ni lại để Ngài dạy bảo, cô nhờ người khác đi thế. Đức Phật không chấp nhận nên cô phải đến dự. Đức Phật hóa sanh một nữ nhân rất đẹp, nhưng dần dần bị già nua, yếu hèn và cô bị xúc động mạnh. Rồi đức Phật nói với cô những bài kệ như sau: 19. Này Nandã, hãy nhìn, Tâm thân chô quy tụ, Nhiều bệnh hoạn, bất tịnh, Đầy hôi hám, thối nát? Tâm cô hãy tu tập, Quán tri tánh bất tịnh, Đạt cho được nhât lâm, Tâm tư khéo thiền định. 20. Hãy tu tập vô tướng, Hãy bỏ mạn, tùy miên,12 Do thắng tri được mạn, Cô sẽ sống an tịnh. Khi Thế Tôn nói xong, cô chứng quả A-la-hán. Ngài nói lại cho cô những bài kệ này, cô xem các bài kệ là lời tuyên bố chánh trí của mình.

§20. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI JENTA ụentãtherĩgãthă) (Ttũg 125; ThĩgA. 27) Câu chuyện vê đời sông quá khứ và hiện tại của cô giông như câu chuyện của Nandã xinh đẹp nhimg cô sanh ở Vèsãli, trong một gia đình hoàng tộc Licchavi. Cô chứng quả A-la-hán khi nghe bậc Đạo sư thuyết pháp. Và khi suy nghĩ đến sự biến đổi trên tự thân, cô sung sướng nói lên bài kệ này:

1 Xem Thĩg. V. 82; Ap. II. 543, 608. 2 Có 7 tùy miên: Tham, sân, kiến, nghi, mạn, hữu ái, vô minh.

21. Chính bảy giác chi3 này, Là đường đạt Niết-bàn, Tất cả, ta tu tập, Như lời đức Phật dạy.4 22. Ta thấy được Thế Tôn, Đây thân ta cuối cùng, Vòng sanh tử đoạn tận, Nay không còn tái sanh.56

§21. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI MẸ CỦA SUMANGALA (Sumangalamātātherīgāthă) (Thīg. 126; ThīgA. 28) Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh vào một gia đình nghèo và được gả lấy một người đan mây làm chồng. Cô sanh được một người con trai tên Sumangala, sau trở thành bậc Trưởng lão và chứng quả A-la-hán. Cô không được biết tên và được gọi là một Trưởng lão Ni không có tên hay mẹ của Sumangala. Cô trở thành một Tỷ-kheo-ni và một hôm, nghĩ đến sự đau khổ khi còn là cư sĩ, cô cảm thấy xúc động; và với thiền quán được phát triển, cô chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ? nghĩa tín thọ, cô nói lên bài kệ như sau: 23. Hỡi thiện giải thoát Ni, Lành thay khéo giải thoát! Ta được khéo giải thoát, Khỏi cái chày giã gạo, Ta không còn xấu hổ, Với ông chồng đan dù, Với xoong chảo nâu ăn, Với nghèo đói tồi tàn. 24. Chặt đứt được tham sân, Ta sông không tham sân, Ta đi đến gốc cây, Ôi, an lạc ta thiền!

§22. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI ADDHAKĀSI (Addhakāsitherīgāthẩý (Thīg. 126; ThīgA. 30) Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở xứ Kāsi, con của một công dân giàu có và danh tiếng. Nhimg vì ảnh hưởng khẩu nghiệp của đời trước, cô trở thành một kỹ nữ. về sau, cô xuất gia và được làm lễ xuất gia với một vị đại diện đặc biệt, được ghi trong tập CũỊavagga (Tiểuphẩm). CÔ muôn đi đên Sāvatthi đê được xuât gia nhưng bị dân ăn chơi ở Benares chặn đường không cho cô đi. Cô cho người đến hỏi ý kiến Thế Tôn và Thế Tôn cho phép cô được xuất gia với một vị đại diện đặc biệt. Rồi cô nhứt tâm quán tưởng và không bao lâu chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ? nghĩa tín thọ. Rồi cô nói lên bài kệ như sau: 25. Tiền lạc thú của ta, Không thua thuế Kāsi? Sau khi so sánh gia, Thôn trưởng định giá vậy.

3 Bảy giác chi: Niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, xả giác chi.

4 Xem Thīg. V. 45.

5 Xem Thīg. V. 160.

6 Xem Ap. II. 610, Addhakāsỉtherĩapadāna (Ký sự về Trưởng lão Ni Addhakāsĩ).

26. Nay ta lại nhàm chán, Chính sắc đẹp của ta, Ta chán ngây săc ây, Ta không còn luyến tiếc. Ta không còn liên tục, Chạy theo vòng luân hồi, Ba minh7 ta chứng được, Thành tựu lời Phật dạy.

§23. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI CITTĀ (Cittātherīgāthẩý (Thīg. 126; ThīgA. 33) CÔ được sanh vào một gia đình ưutửở Rajagaha (Vương Xá). Khi đên tuôi trưởng thành, cô nghe bậc Đạo sư thuyết pháp ở cửa thành Rặịagaha, trở thành một tín nữ và được Mahãpạjãpatĩ cho xuất gia. Sau khi cô vê già, trong khi leo núi Linh Thứu, với thiên quán được phát triên, cô chứng quảA-la-hán. Suy nghĩ đến kết quả này, cô nói lên bài kệ: A

27. Dâu ta có mỏi mệt, Bệnh hoạn, quá yếu đuối, Dựa trên gậy, ta di, Ta leo lên đỉnh núi. 28. Với đại y vắt ngang, Với bình bát lộn ngược, Ta dựa mình tảng dá, Phá tan khối si ám.

§24. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI METTIKẢ (Mettikãthengãthăỷ (Thĩg. 126; ThĩgA. 35) CÔ được sanh làm con một gia đình Bà-la-môn quyên quý ở Rậjagaha. Đời cô cũng giống như đời của Cittã, chỉ khác là cô leo một ngọn núi khác, đối diện với núi Linh Thứu. Suy tư trên quả chứng của minh, cô nói lên bài kệ: 29. Dầu ta có đau đớn, Sức yêu, tuôi trẻ qua, Dựa trên gậy? ta di, Ta leo lên đỉnh núi. 30. Với đại y vắt ngang, Với bình bát lộn ngược, Ta ngồi trên tảng đá? Tâm ta được giải thoát, Ba minh chứng đạt được, Thành tựu lời Phật dạy.

§25. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI MITTẢ (Mittãtherĩgãthă)^ (Thĩg. 126; ThĩgA. 36) Cô được sanh ra frong gia đình Công chúa Sakya (Thích-ca) ở Kapilavatthu, từ bỏ gia đình, xuất gia cùng với Mahãpajãpatĩ. Rồi sau những năm tháng tu

7 Túc mạng minh: Nhớ lại các đời trước; Thiên nhãn minh: Thấy được sự sống chết của chúng sanh; Lậu tận mmh: Đoạn tận lạu hoặc. 8 Xem Ap. II. 515, Nalamãlỉkãtherĩapadãna (Kỷ sự về Trưởng lão Nỉ Naḷamãlikã).

9 Xem Ap. II. 513, Mekhaỉãdãyìkãtherĩapadãna (Kỷ sự về Trưởng lão Nỉ Mekhalãdãyikã). 10 Xem s. I. 209, Sãnusutta (Kinh Sãnu); A. I. 142, Catumahãrãḷasutta (Kinh Bổn bậc Đại vương)', A. I. 143, Dutỉyacatumahãrậḷasutta (Kỉnh thứ hai về bốn bậc Đại vươngỴ Vv. 15, 23, 26, 28, 29, 30, 54, 77; Pv. 83, Revatĩpetavatthu (Chuyện ngợ quỷ Revatĩ); Ap. II. 515, Ekapinậapãtadãyikãtherĩapadãna (Ky sự về Trưởng lão Ni Ekapindapatadayika)', J. IV. 97, 139.

hành cân mân, cô chứng được quả A-la-hán. Nghĩ đên thành quả của minh, cô hoan hỷ nói lên những bài kệ này: 31. Ngày mười bốn, ngày rằm, Ngày tám mỗi nửa tháng, Ngày thân túc nguyệt phân, Ta thọ trì tám giới. 32. Ta gìn giữ trai giới, Khiến chư thiên hoan hỷ? Mỗi ngày ăn một bữa, Cạo dâu, đăp đại y, Ta đâu muốn thiên giới, Ta nhiếp phục tâm khổ.

§26. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI MẸ CỦAABHAYÃ (Abhayãmãtutherĩgãthă) iỴ (Thĩg. 127; ThĩgA. 39) Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh làm một hoa khôi ở Ụjjenĩ? tên là Padumavatĩ. Vua Bimbisãra ở Magadha nghe tiếng và muốn gặp cô. Với sự giúp đỡ của vị giáo sĩ của vua, vua được gặp cô và cô có thai với vua. Vua bảo khi nào đứa trẻ lớn thì đưa vào cung. Cô sinh được một đứa con trai, đặt tên là Abhayã (Vô Uy). Khi được bảy tuôi, cô gửi con trai đên Vua Bimbisãra; vua thương yêu và nuôi dưỡng đứa trẻ với các người con khác của vua. Sau này đứa trẻ lớn lên tin theo đạo Phật, xuất gia như đã được tường trình trong Trưởng lão Tăng kệ. về sau, mẹ của Abhayã nghe Abhayã thuyết pháp, cũng xin xuất gia và sau một thời gian tu hành, chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Cô nhớ lại những câu kệ do con cô giảng cho cô và thêm vào những bài kệ của chính cô: 33. Hỡi thân mẫu thân yêu! Từ bàn chân trở lên, Từ đầu tóc trở xuống, Hãy quán sát thân này, Thân này thật bất tịnh, Thật hôi hám thối tha. 34. Ta an trú như vậy, Mọi tham dục nhổ sạch, Nhiệt não được đoạn trừ, Ta mát lạnh, tịch tịnh.

§27. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI ABHAYÃ (Abhayãtherĩgãthă)n (Thĩg. 127; ThĩgA. 41) Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở Ujjenĩ? tại một gia đình quyền quý và trở thành bạn thân với mẹ của Abhayã. Khi nghe mẹ của Abhayã xuất gia, Abhayã vì thương quý bà của cô nên cùng xuất gia theo, cùng ở tại Rặjagaha (Vương Xá). Một hôm5 cô đi đến một khu vườn để quán bất tịnh. Bậc Đạo sư ở tại hương phòng, Ngài hiện cho cô thấy đối tượng cô muốn thiền quán. Thấy hình ảnh ấy, cô hốt hoảng. Bậc Đạo sư phóng hào quang hiện ra như ngồi trước mặt cô và nói lên bài kệ:

11 Xem Ap. n. 516, Katacchubhĩìdđiãdãyikãtherĩapadãna (Kỷ sự về Trưởng lão Ni Katacchubhikkhãdãyĩkă). 12 Xem Ap. II. 517, Sattuppalamãlikãtherĩapadãna (Ký sự về Trưởng lão Ni Sattuppalamãlikã).

TRƯỞNG LÃO NI KỆ 1091

35. Hỡi này Vô úy Ni! Thân này thật mỏng manh, Chính ở đây phàm phu, ưa thích, thường tham đắm. Ta sẽ bỏ thân này, Tỉnh giác và chánh niệm, 36. Chú tâm không phóng dật? Ta gắng thoát pháp khổ, Ái diệt, ta chứng dạt, Thành tựu lời Phật dạy. Khi bậc Đạo sư nói xong, cô chứng quả A-la-hán; hoan hỷ, cô hướng các bài kệ về nội tâm như là những bài kệ nói lên cho mình.

§28. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI SÃMẢ (Sãmữtherĩgãthẩ) (Thĩg. 127; ThĩgA. 44) Do làm các thiện sự trong các đời trước, nên trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở Kosambĩ, trong một gia đình có danh vọng. Khi Sãmãvatĩ, bạn thân của cô chết, vì quá đau khô cô xuất gia. Nhưng vì không nhiếp phục được nỗi đau khổ đối với cái chết của bạn, cô không hiểu rõ được con đường Thánh đạo. Một hôm, khi ngôi nghe Tôn giả Ananda thuyết pháp, cô chứng được pháp nhãn và bảy ngày sau cô chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Suy tư đến quả chứng của mình, cô nói lên những bài kệ này: 37. Bốn lần và năm lần, Ta ra khỏi tinh xá, Nhimg tâm không an tịnh, Không nhiếp phục được tâm.13 38. Nhưng đến đêm mùng tám9 Ái được ta nhổ sạch, Chú tâm không phóng dật, Ta gắng thoát pháp khổ, Ái diệt, ta chứng đạt, Thành tựu lời Phật dạy.

13 Xem Thĩg. V. 42, 169.

CHƯƠNG III BAKE (TIKANIPATA)

§29. KỆ NGÔN CỦA MỘT TRƯỞNG LÃO NI SÃMÃ KHÁC (Aparãsãmãtherĩgãthẩ)1 (Thĩg. 127; ThĩgA. 45) Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh trong một gia đình quý tộc ở Kosambĩ, cô cũng trở thành người bạn của Sãmãvatĩ; khi Sãmãvatĩ chết di, vì quá đau khô cô xuất gia. Trong hai mươi lăm năm, cô không nhiếp phục được tâm cô, cho đến khi trở về già, cô nghe được một bài thuyết pháp, tu tập thiền quán, chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Suy tư đến quả chứng này? cô nói lên bài kệ: 39. Đã được hăm lăm năm, Từ khi ta xuất gia, Ta không thắng tri tâm, Không được tâm thăng bằng. 40. Tâm không được an tịnh, Không nhiếp phục được tâm, Do vậy ta dao động, Nhớ đến lời Phật dạy. 41. Chú tâm không phóng dật, Ta gắng thoát pháp khổ, Ái diệt, ta chứng dạt, Thành tựu lời Phật dạy, Hôm nay đêm mùng bảy, Khát ái được khô cạn.

§30. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI ƯTTAMÃ (Uttamãtherĩgãthă)1 2 (TJũg. 128; ThĩgA. 46) Sau nhiều đời làm việc lành, cô được sanh trong nhà một triệu phú ở Sãvatthi, trong thời đức Phật hiện tại. Khi lớn tuổi, cô nghe Patãcãrã thuyết pháp và xin xuất gia. Cô rất nỗ lực nhrnig chưa chứng được quả vị thiền quán. Patãcãrã biết được tâm trạng của cô, nên thuyết giảng cho cô và nhờ vậy cô chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Suy tư trên quả chứng, cô nói lên sự hoan hỷ của cô. 42. Bốn lần và năm lần, Ta ra khỏi tinh xá? Nhimg tâm không an tịnh, Không nhiếp phục được tâm.3

1 Xem Ap. II. 524, SaḶalapupphikãtherĩapadãna (Kỷ sự về Trưởng lão Ni Salalapupphỉkã), 2 Xem Ap. II. 522, Ekũposathìkãtherĩapadãna (Ký sự về Trưởng lão Ni Ekuposathikã). 3 Xem Thĩg. V. 37, 169.

43. Ta đến Tỷ-kheo-ni, Với ta đồng tín nữ, Cô thuyết pháp cho ta, Với uẩn, xứ và giới. 44. Nghe xong pháp cô thuyêt, Như cô đã dạy ta, Bảy ngày ngồi kiết-già, Ta thọ hưởng hỷ lạc, Mùng tám ta duỗi chân, Phá tan khối si ám. Bài kệ trở thành lời tuyên bố về chánh trí của cô.

§31. KỆ NGÔN CỦA MỘT TRƯỞNG LÃO NI UTTAMẢ KHÁC (Aparãuttamãtherĩgãthẩy (Thĩg. 128; ThĩgA. 49) Trong thời đức Phật hiện tại5 cô được sanh vào gia đình Bà-la-môn có danh tiếng ở Kosala. Đến tuổi trưởng thành, khi đang đi ở làng quê? cô nghe bậc Đạo sư thuyết pháp, cô xuất gia chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Suy tư trên quả chứng, cô nói lên bài kệ: 45. Bảy pháp giác chi này, Con đường đạt Niêt-bàn, Tất cả, ta tu tập, Như lời đức Phật dạy.456 46. Do quán không, vô tướng, Ta đạt quả mong muốn, Ta thành con gái Phật, Sanh ra từ miệng Ngài, Luôn luôn ta hoan hy, Trong an lạc Niết-bàn. 47. Mọi dục được đoạn diệt, Dục trời và dục người, Vòng sanh hữu đoạn tận, Nay không còn tái sanh.

§32. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI DANTIKẢ (Pantìkãtherĩgãthăỷ (Thĩg. 128; ThĩgA. 51) Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở Sãvatthi, trong gia đình vị giáo sĩ nhà vua. Khi đến tuổi trưởng thành, cô trở thành tín nữ ở Jetavana (Kỳ Viên) và về sau xuất gia, dưới sự chỉ đạo của Mahãpạjãpatĩ. Một thời, khi đang ở Rậjagaha (Vương Xá), cô leo lên núi Linh Thứu; và sau buổi ăn, khi đang còn ngôi nghỉ, cô thây một người nài điêu khiên một con voi, và nhờ vậy cô chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. về sau, vô cùng hân hoan với quả chứng của mình, cô nói lên bài kệ như sau: 48. Ra khỏi ngôi tinh xá, Để nghỉ trưa ban ngày, Trên đỉnh núi Linh Thứu, Ta thây một con voi, Dâm nước xong đi lên? Trên bờ một con sông. 49. Một người câm cái móc, Yêu cầu đưa chân lên, Con voi duỗi chân ra, Và người leo lên voi.

4 Xem Ap. II. 525, Modakadãyỉkãtherĩapadãna (Ký sự về Trưởng lão Nỉ Modakadãyikã). 5 Xem Thĩg. V. 21. 6 Xem Ap. II. 528, Nalamãlỉkãtherĩapadãna (Ký sự về Trưởng lão Ni NaḶamãlikã).

50. Thấy voi chưa nhiếp phục, Đi đến được nhiếp phục, Ta thấy nó vâng chịu, Theo quyền lực của người, Như vậy ta định tâm, Đi vào trong rừng ấy.

§33. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI UBBIRĨ (Ubbirítherĩgãthă)7 (Thĩg. 129; ThĩgA. 53) Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở Sãvatthi, trong một gia đình khá giả quyền quý. Cô rất đẹp và sanh được người con gái cũng rất đẹp, đặt tên là Jivã. Vua thấy đứa con gái, rất lấy làm hài lòng và đưa cô lên làm hoàng hậu. Nhxmg rồi đứa con gái Jivã bị chết, và bà mẹ ngày nào cũng đi đến nghĩa địa đê than khóc. Một hôm, cô đi đên yêt kiên bậc Đạo sư, nhưng rôi cô đi ra bờ sông Aciravatĩ và đứng than khóc. Bậc Đạo sư thây vậy liên đên với cô và hỏi: -Tại sao cô khóc? Cô đáp: Bạch Thế Tôn, con khóc đứa con gái của con. rr^-| rr^ A A _ _ / • The Ton noi: Tại nghĩa địa này có đến tám vạn bốn ngàn con gái của cô bị thiêu. Vậy cô khóc than cho ai! Rồi chỉ cho cô thấy chỗ đất các người bị chết, Thế Tôn nói lên bài kệ: 51. Hỡi cô Ubbiĩĩ, Cô khóc trong rừng sâu, Khóc than: uOi Jivã9 Con gái thân của t6i!" Hãy tự mình hồi tính, Hỡi này Ubbirĩ! Trong bãi đốt thân này, Tất cả tám vạn tư, Người đông tên Jivã5 Cô khóc Jivã nào? Cô suy tư vớie trí tuệ2 trên pháp bậc_ Đạo sư dạy. Nhờ thiên quán được tác y động từ những lời dạy tôt đẹp của bậc Đạo sư và tự mình đạt được những điêu kiện cân thiêt, cô chứng được quả cao nhât, quảA-la-hán và trình bày quả vị tôi thượng đạt được, cô nói lên bài kệ sau: 52. Mũi tên khó nhìn thấy, Đâm dính nơi tâm ta, Chắc chắn đã được Ngài, Nhổ lên khỏi tâm ta, Sầu muộn vì con gái? Đã được chấm dứt hẳn.8 53. Nay mũi tên được nhổ, Mọi ham muốn lắng dịu, Ta đi đến quy y, Bậc Mâu-ni Ẩn Si, Quy y Ba ngôi báu, Phật, Pháp và chúng Tăng.9

7 Xem Ap, II. 525, Ekãsanadãyỉkãtherĩapadãna (Kỷ sự về Trưởng lão Ni NaỊamãlikã). 8Xem7%zg. V. I3l. 9 Xem Thig. V. 132.

§34. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI SUKKÃ (SukkãtherĩgãthẩÝ^ (Thĩg. 129; ThĩgA. 57) Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh vào một gia đình quyền quý ở Rặjagaha (Vương Xá) và được đặt tên là Sukkã (Sáng Suốt). Khi đến tuổi trưởng thành, cô phát tâm tin Phật ở trong gia đình của cô và trở thành một tín nữ. về sau, cô được nghe Dhammadinnã thuyết pháp và quá cảm xúc bởi bài thuyêt pháp, cô xuât gia với Dhammadinnã. Sau khi tu thiên quán, cô chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Hướng dẫn cho năm trăm Tỷ-kheo-ni bên cạnh tu học, cô trở thành một vị thuyết pháp giỏi. Một ngày kia, sau khi đi vào Vương Xá khất thực, ăn xong, toàn thể Ni chúng trở về tinh xá của Tỷ-kheo-ni. Tại dấy, Sukkã thuyết pháp cho toàn thê Ni chúng, thuyêt hay đên nôi các Tỷ-kheo-ni như cảm thây được nhận từ cô những lời pháp mật ngọt thấm nhuần với nước bất tử. Tất cả đều ngồi nghe, hoàn toàn im lặng, nhiệt tâm tín thành. Rồi một vị thần cây, đứng ở cuôi sân nghe pháp, quá xúc động bởi lời thuyêt giảng, nên đi ra khỏi Vương Xá, vừa đi vừa tán thán hạnh thuyết pháp tuyệt diệu của cô và nói như sau: 54. Hỡi này người Vương Xá, Các người đã làm gi, Giống như người nằm mê, Bị say vì uống mật, Các người không hầu hạ, Sukkã thuyết lời Phật. Chúng tôi nghĩ bậc trí, Uống được nước cam lồ, Dòng nước thật thuần tịnh, Không gì chướng ngại nổi, Chẳng khác kẻ đi đường, Đón nhận nước trời mưa. Khi nghe thần cây

nói vậy, dân chúng lấy làm phấn khởi và đi đến chăm chú nghe cô thuyết pháp. Sau một thời gian vào cuối cuộc đời, khi đang sửa soạn từ giã cuộc đời, cô muôn nói lên pháp môn cô dạy đưa đên giải thoát như thê nào, cô tuyên bố như sau về chánh trí của cô: 56. Hỡi này cô Sukkã, Người con của ánh sáng! Được ly tham, định tĩnh, Nhờ ánh sáng Chánh pháp, Mang thân này cuôi cùng, Sau khi thắng ma quân.

§35. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI SELÃ (Selãtherĩgãthã)11 (Thĩg. 129; ThĩgA. 61) Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh làm công chúa con vua nước ÃỊavĩ, tên là Selã. Cô cũng được biết với tên là ÃỊavikã (người nước ÃỊavĩ). Khi đến tuổi trưởng thành, bậc Đạo sư cảm hóa được vua cha, làm lễ xuất gia cho vua và10 11

10 Xem s. I. 212, Pathamasukkãsutta (Kỉnh thứ nhất về Sukkă); Ap. II. 605, Sukkãtherĩapadãna (Ký sự về Trưởng lão Nỉ Sukkã). 11 Xem Ap. II. 527, Pancadĩpỉkãtherĩapadãna (Ký sự về Trường lão Ni Pancadĩpỉkã).

cùng đi đến ÃỊavĩ. Selă chưa lập gia đình, cùng đi với phụ vương nghe thuyết pháp và trở thành một tín nữ. về sau cô xuất gia, chuyên tu thiền quán và cuối cùng nhờ thiện duyên tôt đẹp, nhờ trí tuệ được triên khai, cô nhiêp phục được thân hành, khẩu hành, ý hành và chứng được quả A-la-hán. về sau trở thành một Trưởng lão Ni, cô ở Sãvatthi. Một hôm, cô đi ra khỏi Sâvatthi để nghỉ ban ngày tại Andhavana và ngồi dưới một gốc cây. Ác ma muốn phá sự an tịnh độc cư của cô, dưới hình thức là một người lạ mặt, đến với cô và nói như sau: 57. Cô sẽ không thoát khỏi, Thoát ly khỏi đời này, Như vậy hạnh viễn ly, Cô dùng để làm gì? Hãy thọ hưởng dục lạc, Chớ bứt rứt về sau. Rôi cô suy nghĩ: CÍĐây là Ac ma muôn ngăn chặn ta không được hưởng Niết-bàn. Nó không biết ta đã chứng quả A-la-hán. Vậy nay ta hãy làm cho nó mở mắt" và cô nói lên bài kệ: 58. Các dục giống gươm giáo, Chém nát các uẩn ta5 Những dục mà ngươi gọi, Là lạc thú cuộc đời. 59. Ngày nay dục lạc ây, Với ta không hấp dẫn,12 Ở tất cả mọi nơi, Hỷ lạc được đoạn tận, Khối tối tăm mù ám, Đã bị làm tan nát. Hỡi này kẻ Ác ma! Ngươi hãy biết như vậy? Ngươi chính là Ác ma, Ngươi đã bị bại trận.1314 15

§36. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI SOMÃ (Somătherĩgãthấ)Ỵ4 (Thĩg. 129; ThĩgA, 66) Trong thời đức Phật hiện tại, cô sanh ra là con gái vị giáo sĩ của Vua . _ . • AV.vC 2. • Bimbisãra (Bình-sa) và được đặt tên là Somã. Khi đên tuôi trưởng thành, cô trở thành một tín nữ, vê sau cô xuât gia, và nhờ triên khai thiên quán, cô chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Ở tại Sãvatthi, một ngày kia, cô đi vào rừng Andhavana để nghỉ ban ngày và ngồi dưới một gốc cây. Ác ma đến và muốn phá sự an tịnh độc cư của cô, tàng hình không cho cô thấy và nói lên như sau: 60. Địa vị khó chứng dạt, Chỉ Thánh nhân chứng dạt, Trí nữ nhân hai ngón,15 Sao hy vọng chứng đạt. Rồi cô quở trách Ác ma:

12 Xem Thĩg. V. 141, 234. 13 Xem Thig. V. 61-2, 142, 188, 195, 203, 235. 14 Xem s. I. 129, Somãsutta (Kinh Somã). 15 Nữ nhân lúc nấu cơm và muốn biết cơm chín hay chưa, liền lấy hai ngón tay bóp hột cơm, nên ở đây dùng từ "hai ngón,, theo nghĩa này vậy.

61-62. Nữ tánh chướng ngại gì, Khi tâm khéo thiền định, Khi trí tuệ triển khai, Chánh quán pháp vi diệu, Ở tất cả mọi nơi, Hỷ lạc được đoạn tận, Khối tối tăm mù mịt, Đã bị làm tan nát. Hỡi này kẻ Ác ma! Ngươi hãy biết như vậy, Ngươi chính là Ác ma, Ngươi đã bị bại trận.16

16 Kệ 61-2, xem Thīg. V. 59, 142, 188, 195, 203, 235.

CHƯƠNG IV BỐN KỆ (CATUKKANIPATA)

§37. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI BHADDẢ KĀPILĀNĪ ỤShaddākāpỉlānīthengữthă)1 (Thīg. 130; ThīgA. 67) Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh trong gia đình Bà-la-môn? dòng họ Kosiya, ở Sāgala.1 2 sống trong giàu sang, lớn lên cô được gả làm vợ một nhà quý tộc tên là Pipphali, ở làng Mahātittha. Khi người chồng xuất gia, cô cũng giao lại tài sản cho bà con rồi đi xuất gia. Cô trú tại Titthiyārāma năm năm? sau đó được Mahāpajāpatī cho thọ Đại giới. Nhờ triên khai thiên quán, cô chứng được quả A-la-hán. về sau, cô trở thành một vị Ni có trí tuệ đặc biệt nhớ về các đời sống quá khứ do có hạnh nguyện trong quá khứ. Trong khi bậc Đạo sư ở Jetavana (Kỳ Viên) ấn chứng cho các Tỷ-kheo-ni, cô được Ngài tán thán là vị Ni có biệt tài đệ nhất nhớ biết về đời sống quá khứ. Một ngày kia, cô nói lên những bài kệ về kinh nghiệm quá khứ và tán thán công hạnh của Trưởng lão Kassapa: 63. Con được thừa tự Phật, Ca-diêp3 khéo thiên định, Biết được đời quá khứ, Thấy cõi trời, đọa xứ. 64. Ẩn sĩ đoạn diệt sanh, Thắng trí được thành tựu, Cùng với Ba minh này, Là Phạm chí Ba minh. 65. Cũng vậy cô Bhaddā, Người xứ Kapila, Cô là bậc Ba minh, Đã đoạn được sự chết, Mang thân này cuối cùng? Sau khi thắng ma quân. 66. Thấy nguy hại ở đời, Hai chúng tôi xuất gia. Chúng tôi chế ngự được, Đoạn tận các lậu hoặc, Cảm xúc thành mát lạnh, Được tịch tịnh giải thoát.

1 Xem M. II. 133, Brahmāyusutta (Kỉnh Brahmāyu), số 91; M. II. 196, Vāsetthasutta (Kinh Vāsetthà), số 98; s. I. 166, Ággikasuĺía (Kinh Người thờ lửa); s. I. 173, Devahitasutta(Kinh Devahita); A. L 163, Tikannasutta (Kinh Tikaụnà)', Dh. V. 423; It. 98, Tevijjasutta (Kình Ba minh); Sn, 115, Vāsetthasutta (Kỉnh Vāsettha); Ap. II. 51^. Bhaddakāpilānītherĩapadāna (Kỷ sự về Trưởng lão Ni Bhadda Kāpiỉānĩ); Phập củ Ázw/ỉJ4Phạm chí phẩm,^ (T.04. 0210.35. 0572b20); Xuất diệu kinh <4Phamchi pham,(7.04. 0212.34. 0768cl4); Pháp tập yếu tụng kinh ^Phạm chi phẩm^, (.021333. 0798a01). 2 Sāgala, đây là kinh đô của dân tộc Maddā. 3 Theq tập Apadāna, Mahākassapa tức ỉà Pippali chồng cô và cũng là chồng luôn trong ba đòá nên cô mới đề cạp đến Kassapa trong bai kệ của cô?

CHƯƠNG V NĂM KỆ (PANCAKANIPATA)

§38. KỆ NGÔN CỦA MỘT TRƯỞNG LÃO KHÔNG BIÉT TÊN (Annatarātherĩgāthăỷ (Thīg. 130; ThīgA. 75) Trong thời đức Phật hiện tại, cô sanh ở Devadaha và trở thành người nữ điều dưỡng cho Mahăpajāpatī. Cô tên là Vāddhesi nhưng tên gia tộc cô không được biết đến. Khi chủ cô xuất gia, cô cũng xin xuất gia theo. Nhưng trong hai mươi lăm năm, cô bị các dục chi phối ám ảnh, không thiền định được dầu cho đến một sát-na. Cô than vãn tình trạng của cô cho đến khi cô được nghe Dhammadinnā thuyết pháp. Rồi tâm cô

xa lánh các dục, cô tu tập thiền định và cuối cùng chứng được Sáu thắng trí. Suy tư trên quả chứng của mình, cô nói lên bài kệ: 67. Đã được hai lăm năm, Từ khi ta xuất gia, Cho đến búng ngón tay, Tâm ta không lắng dịu. 68. Tâm không được an tịnh, Vì đây ứ dục tham, Ta giơ tay khóc than, Ta đi vào tinh xá. 69. Ta đến vị Ni ấy, Đồng tín nữ với ta, Cô thuyết pháp cho ta, Vê uân, xứ và giới. 70. Nghe pháp cô giảng dạy, Ta ngồi vào một bên, Ta biết đời quá khứ, Thiên nhãn được thanh tịnh, Với trí biết tâm người, Lỗ tai được thanh tịnh.12 71. Ta chứng Thần túc thông, Ta đạt được Lậu tận, Sáu thắng trí ta chứng, Lời Phật dạy đã làm.

§39. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI VIMALÃ (Vỉmalãtherĩgãthấ) (Thĩg. 131; ThĩgA. 76) Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở Vesãli, làm con gái một người bán sắc đẹp sinh sống. Cô được đặt tên là Vimalã. Khi cô lớn lên, suy tư với

1 Xem Thag. V. 405. 2 Kệ 70-1, xem Thĩg. V. 227-28.

những tư tưởng uế nhiễm, cô thấy Tôn giả Mahãmoggallãna đang đi khất thực ở Vesãli, cô cảm thấy thương yêu Tôn giả và đi theo về tinh xá để cám dỗ. Có người nói cô được các ngoại đạo xúi giục nên làm như vậy. (Tôn giả chỉ trích hành động không tôt đẹp của cô và thuyêt pháp cho cô như đã được ghi trong Trưởng lão Tăng ke cô cảm thấy xấu hổ và trở thành một tín nữ), về sau, cô xuât gia, tinh tân tu tập và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Nghĩ đên quả chứng của mình, cô phấn khởi nói lên bài kệ: 72. Say mê với giai cap, Với dung săc tuôi xuân, Với danh xưng, danh vọng, Ta ỷ lại tuổi trẻ, Đối với những người khác, Ta khinh bỉ, khinh thường. 73. Thân này ta trang điểm, Ta khêu gợi kẻ ngu, Ta đứng trong khung cửa, Tại cửa hàng buôn săc, Như thợ săn ác độc, Đang gieo đặt bẫy mồi. 74. Ta khoa trương trang sức, Phô bày nhiều chỗ kín, Để châm biếm nhiều người, Ta làm nhiều ảo thuật. 75. Hôm nay ta khất thực, Đâu trọc, đăp đại y, Ta ngôi dưới gôc cây, Ta chứng định Không tầm. 76 Mọi khổ ách đoạn tận, Cả cõi trời, cõi người, Quăng bỏ mọi lậu hoặc, Ta mát lạnh, tịch tịnh.

§40. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI SĨHÃ (Sĩhãtherĩgãthă) (Thĩg. 131; ThĩgA. 78) Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở Vesãli, con gái một người chị của võ tướng Sĩha. Do vậy, cô được đặt tên là Sĩhã, như tên người cậu của cô. Khi đến tuổi trưởng thành, cô nghe bậc Đạo sư thuyết pháp cho người cậu Sĩhã, trở thành một tín nữ và được phép cha mẹ cho xuât gia. Khi cô tu tập thiền quán, cô không thể chặn đứng tâm tư cô chạy theo những ngoại vật khả ý. Bảy năm bị giày vò, cô kết luận: "Làm sao ta thoát khỏi nếp sống uế nhiễm này! Ta hãy chết tốt hơn!” Rồi cô cột sợi dây trên cây, đưa cổ vào thòng lọng để thắt cổ chết. Trong giây phút cuối cùng, với tất cả kết quả tích lũy từ những nô lực từ trước cho đên nay, cô tập trung triên khai thiên quán. Đôi với cô, đời sống hiện tại thật sự là đời sống cuối cùng. Trong giờ phút cuối cùng, trí tuệ cô được viên mãn và với nội tâm thiền quán, cô chứng được quảA-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Mở thòng lọng ra, cô trở về lại tinh xá. Được thành một vị A-la-hán, cô sung sướng phấn khởi nói lên bài kệ: 77. Không như lý tác ý, Bị dục tham ám ảnh, Ta trước bị dao động, Không chế ngự được tâm.

3 Xem Thag. V. 1150-57.

78. Bị phiền não chi phối, Lạc tưởng ngự trị ta, Tâm ta không thăng bằng, Bị tham tâm chi phối. 79. Bảy năm sống ốm yếu, Vàng da, dung sắc xấu, Đêm ngày không an lạc, Ta sống chịu khổ đau. 80. Do vậy ta lấy dây, Đi vào giữa khu rừng, Tốt hơn, ta treo cổ? Còn hơn sống hạ liệt. 81. Làm chắc dây thòng lọng, Ta cột ở cành cây, Quàng thòng lọng quanh cổ? Tâm ta liền giải thoát.

§41. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI SUNDARĨ NANDÃ ị^Sundarĩnandãtherĩgãthẩy (Thĩg. 132; ThĩgA. 80) Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh trong một gia đình quý tộc thuộc dòng họ Thích-ca, được đặt tên là Nandã. Cô còn có danh xưng là Nandã hoa khôi. Khi đức Thế Tôn giác ngộ, Ngài trở về Kapilavatthu độ cho Nanda và Rãhula xuất gia. Lại khi Vua Suddhodana (Tịnh Phạn) mạng chung, bà Mahãpạjãpatĩ xuất gia, Nandã tự nghĩ: "Anh trưởng của ta đã chối từ, không thừa tự quốc độ, xuất gia và trở thành đấng Thế Tôn, một bậc Siêu Nhân. Con của Ngài là Rãhula cũng xuất gia. Anh của ta là Vua Nanda cũng xuất gia. Mẹ của ta, Mahãpajãpatĩ và chị của ta, mẹ Rãhula cũng xuất gia. Vậy ta ở nhà làm gì? Ta hãy xuất gia!" Như vậy, cô xuất gia không phải vì lòng tin mà chính vì lòng thương yêu bà con trong gia đình. Cô xuất gia như vậy và sau khi từ bỏ gia dinh, cô vẫn tự kiêu với sắc đẹp của mình, không chịu đến yết kiến đức Phật vì sợ đức Phật quở trách cô. Trường hợp của cô cũng giống như trường hợp với Tỷ-kheo-ni Abhirũpa Nandã4 5 nhưng với sự sai khác là khi cô thấy hóa thân của một nữ nhân do đức Phật hiện ra, nữ nhân ấy dần dần trở thành già xấu, tâm của cô dựa trên tánh vô thường và đau khổ, hướng đến thiền định. Rồi đức Phật thuyết pháp cho cô như sau: 82. Nandã, hãy nhìn thân! Bệnh bất tịnh, hôi thối, Hãy tu tâm bất tịnh, Nhất tâm khéo định tĩnh. 83. Như thân này thân ấy, Như thân ấy thân này, Hôi thối và rữa nát, Chỉ kẻ ngu thích thú. 84. Như vậy quán thân này, Ngày đêm không mệt mỏi, Với trí tuệ của con, Do vậy hãy thoát ly, Với trí tuệ của con, Thoát khỏi kiêu sắc dẹp, Và người si nhìn thấy, Với cái nhìn như thật.

4 Xem Thĩg. V. 19, Abhỉrũpanandặtherĩgãthã (Kệ ngôn của Trưởng lão Nỉ Abhỉrũpa Nandã); Ap. II. 572, Nandắtherĩapadãna(Kỷ sự về Trương lão Ni Nanda). 5 Như trên.

Rồi cô nghe theo lời dạy, với trí tuệ an trú vững chắc trên quả thứ nhất. Muốn giúp cô đạt được những quả vị cao hơn, Thế Tôn dạy thêm cho cô: "Này Nandã, trong cái thân này không có một chút gì là tinh túy, chỉ là một đống xương và thịt bị già chết chi ph6i." Như đã được nói trong Kinh Pháp củ\ 85. Thành này làm bằng xương, Quét tô bằng máu thịt, Ở đây già và chết, Mạn, lừa đảo chất chứa.6 Khi đức Phật nói xong, cô liền chứng quả A-la-hán. Và nghĩ đến sự chiến thắng của mình, cô sung sướng với lời dạy của đức Bổn Sư và nói thêm: 86. Với tâm không phóng dật, Như lý quán thân ấy, Tánh như thật thân này, Được thây trong và ngoài. Ta nhàm chán thân thể, Nội tâm được ly tham, Không phóng dật, ly hệ, Ta an bình tịch tịnh.

§42. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI NANDUTTARÃ (Nanduttarãtherĩgãthẩ) (Thĩg. 132; ThĩgA. 87) Trong thời đức Phật hiện tại, cô sanh trong một gia đình Bà-la-môn, nước Kuru, thành Kammãsadamma. Sau khi học hỏi ngoại đạo, cô xuất gia theo phái Ni-kiên-tử và vì cô thuyêt pháp giỏi, cô câm cành cây Diêm-phù và đi khăp xứ Ấn Độ như cô Bhaddã.7 Cô gặp Tôn giả Mahãmoggallãna và bị Ngài chiến thắng trong cuộc tranh luận. Cô nghe theo lời dạy của Tôn giả Moggallãna, xuất gia trong giáo pháp đức Bổn Sư và không bao lâu chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Suy tư trên chiến thắng của mình, cô sung sướng nói lên bài kệ: 87. Trước ta đảnh lễ lửa, Trăng, mặt trời, chư thiên, Ta đi đến bến sông, Ta xuống nước, lễ tắm. 88. Chấp nhận nhiều giới cấm, Ta chỉ cạo nửa đầu, r Ta nằm ngủ dưới đất, Cơm tôi ta không ăn. 89. Thích trang điểm trang sức, Ưa tắm rửa, xoa bóp, Thân này ta cung dưỡng, Thỏa mãn các dục tham. 90. Từ khi được lòng tin, Không nhà, ta xuất gia, Ta thấy thân như Phật, Nhờ sạch các dục tham. 91. Mọi sanh hữu chặt dứt, Cả ham muốn hy cầu, Mọi ách nạn giải tỏa, Ta đạt tâm an tịnh.

6Xem£>/j. V. 150. 7 Xem Thĩg. 134,(46) Bhaddãkundalakesãtherĩgãthã (Kệ ngôn của Trưởng lão NỈBhadda Kundalakesă).

TRƯỞNG LÃO NI KỆ 1105

§43. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI MITTÃKẢLĨ (MittãkãỊĩtherĩgãthẩ) (Thĩg. 132; ThĩgA. 89) Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở xứ dân chúng Kuru, tại thành Kammãsadamma. Khi đến tuổi trưởng thành, cô được nghe giảng vê bôn niệm xứ và xuât gia làm Tỷ-kheo-ni. Trong bảy năm? cô ưa thích được cúng dường, được trọng vọng và thường hay gây lộn cãi vã; về sau, cô biết như lý tác ý triển khai thiền quán và chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Nghĩ đên sự chiên thăng của-mình, cô nói lên sự phấn khởi của cô như sau: 92. Vì lòng tin, xuất gia, Bỏ nhà, sống không nhà, Ta sống tâm hướng mạnh, Theo lợi dưỡng cung kính. 93. Từ bỏ đích tối thượng, Phục vụ đích hạ liệt, Bị phiền não ngự trị, Bỏ đích Sa-môn hạnh. 94. Ngồi trong phòng tinh xá, Ta cảm bị dao động, Ta đi vào tà dạo, Khát ái ngự trị ta. 95. Ngắn ngủi sinh mạng ta, Già, bệnh đang đè nặng, Trước khi thân hủy diệt, Giờ phóng dật không còn. Như thật ta quán sát, Sinh diệt của các uẩn, Tâm giải thoát, ta chứng, Lời Phật dạy làm xong.

§44. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI SAKULÃ ịSakulĩtherĩgãthăỷ (Thĩg. 133; ThĩgA. 91) Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh làm Bà-la-môn ở Sãvatthi, tên là Sakulã. Khi đức Phật nhận tinh xá Jetavana, cô trở thành người tín nữ, và về sau được nghe một vị A-la-hán thuyết pháp, cô phát nguyện xuất gia, tinh cần triển khai thiền quán và cuối cùng chứng quả A-la-hán. về sau tùy theo lời phát nguyện, cô được Thế Tôn tán thán là Thiên nhãn đệ nhất. Sau khi suy tư đến quả chứng của minh, cô phấn khởi hoan hỷ và nói lên bài kệ: 97. Khi sống ở gia đình, Nghe Tỷ-kheo thuyết pháp, Ta thây pháp vô uê, Đạo Niết-bàn bất tử. 98. Từ bỏ con trai, gái, Cả tài sản lúa gạo, Cạo tóc ta xuất gia, Sống đời sống không nhà. 99. Ta làm người Học nữ, Tu tập con đường chánh, Đoạn tận tham và sân, Đoạn từng lậu hoặc một. 100. Thọ giới Tỷ-kheo-ni, Ta nhớ đời quá khứ, Thiên nhãn ta thanh tịnh, Không uế, khéo tu tập.

8 Xem Ap. II. 570, Sakulãtherĩapadãna (Kỷ sự về Trưởng lão Ni Sakulă).

r 101. Thây các hàng ngoại diện, Do nhân sanh biến hoại, Ta đoạn mọi lậu hoặc, Ta mát lạnh, tịch tịnh.

§45. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI SONÃ (Sonãtherĩgãthẩ) (Thĩg. 133; ThĩgA. 95) Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh trong một gia đình quý tộc ở Sãvatthi. Sau khi lập gia đình, cô sanh được mười người con trai, con gái và được biệt danh là ungười nhiều con.,, Khi người chồng xuất gia, cô giao lại cho các con trai, con gái cai quản gia đình và giao cả gia sản cho các con trai, không giữ gì cho thân mình. Các con trai và con dâu nuôi dưỡng c6, không bao lâu trở mặt khinh rẻ cô. Cô buồn cho thái độ các dâu con, xuất gia trở thành Tỷ-kheo-ni. Cô suy nghĩ, cô đã lớn tuổi mới xuất gia, nên hết sức tinh cần, tinh tấn. Trong khi hầu hạ các Trưởng lão Ni, cô thức đêm tu học, cô kiên trì học tập, không biếng nhác, không xao nhãng, như người chụp nắm các cột trong mái hiên, hay chụp nắm cành cây trong đêm tối để tránh đầu khỏi va chạm. Hạnh tinh tân của cô được mọi người biêt, và bậc Đạo sư biêt được trí tuệ của cô đã chín muồi nên phóng hào quang hóa hiện trước mặt cô và nói lên bài kệ: Ai sống một trăm năm, Không thấy câu bất tử, Tốt hơn, sống một ngày? Thấy được câu bất tử.9 Khi đức Phật nói câu này xong, cô chứng được quả A-la-hán. Thế Tôn tán thán là Tỷ-kheo-ni Tinh tấn đệ nhất. Một hôm, suy tư đến quả chứng của minh, cô phấn khởi nói lên những bài kệ: 102. Ta sanh được mười con, Trong thân chất chứa này, Do vậy ta già yếu, Ta đến Tỷ-kheo-ni. 103. Cô thuyết pháp cho ta, về uẩn, xứ và giới, r Nghe pháp cô thuyêt giảng, Cắt tóc, ta xuất gia. 104. Ta học lời cô dạy, Thiên nhãn ta thanh tịnh, Ta biết các đời trước, Chỗ ta sống đời trước.10 105. Ta tu pháp vô tướng, Nhất tâm khéo thiền tịnh, Tức thời ta giải thoát, Không chấp thủ, tịch tịnh. 106. Năm uẩn được liễu tri, Đứng lại? gôc bi cat, Tham dục, ta không có, Căn cứ địa kiên trì, Từ nay ta không còn, Vấn đề phải tái sanh.

9 Xem .V. 114. 10 Xem r/zzg.v. 331.

§46. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI BHADDÃ KUNDALAKESA (Bhaddãkundalakesãtherĩgãthấ) 11 (Thĩg. 134; ThĩgA. 99) Trong thời đức Phật hiện tại, cô sanh ra ở Rajagaha (Vương Xá)? trong gia đình vị thủ khố của nhà vua và được đặt tên là Bhaddă. Từ nhỏ đến lớn lên, cô luôn luôn có người hầu hạ. Một hôm, ngang qua khe cửa, cô thấy Satthuka, con vị giáo sĩ của vua, một kẻ cướp bị dẫn đi hành hình theo lệnh của vua. Cô bỗng yêu Satthuka và nằm trên giường cô nói: "Nếu ta không có được chàng, ta sẽ chết." Người cha vì thương cô nên hối lộ cho những người lính và đưa Satthuka đến gặp cô. Satthuka khởi lòng tham đồ trang sức của cô nên nói với cô: nBhaddã, khi ta bị dẫn đi ngang uhòn núi của kẻ trộm,\ ta có nguyện rằng nếu ta được tha, ta sẽ làm lễ cúng tạ ơn. Cô có sẵn lòng giúp ta việc này chăng?u Muôn được Satthuka băng lòng, cô vâng theo ý muôn của anh ta, tự trang điểm với các đồ trang sức, lên xe với Satthuka và cùng đi đến uhòn núi của kẻ trOm." Satthuka không cho

người hầu đi theo, lấy đồ trang sức cúng dường và leo lên núi một mình với cô, nhimg không nói lời thân ái với cô. Do thái độ của Satthuka, cô nhận ra được mưu kế của anh ta. Rồi Satthuka bảo cô cởi áo ngoài ra9 dùng áo gói đồ trang sức cô đang mang theo, cô hỏi Satthuka rằng cô CÓ làm điêu gì sai chăng, và Satthuka trả lời: “C6 thật ngu si, ta đên đây có phải để làm lễ cúng dường đâu! Ta chỉ đến đây để lấy đồ trang sức của c6." Cô nói: "Này anh yêu, các đồ trang sức này của ai, và đồ trang sức nào thuộc của em." Satthuka nói: "Ta không biết gì về sự phân chia này." Cô nói: í4Thôi được, anh thân yêu, nhưng anh cho em một ước nguyện, cho em mang đồ trang sức và được hôn anh!" Satthuka bằng lòng và cô ôm hôn anh đằng trước, rồi ôm hôn đằng sau và trong khi ấy xô anh ta ngã xuống vực núi. Một thiên nhân ở trên núi thây cô làm vậy liên khen răng: Không phải là lúc nào, Đàn ông cũng khôn hơn! Nữ nhân khi lanh lẹ, Cũng tỏ khôn ngoan hơn, Không phải là lúc nào, Đàn ông cũng khôn hơn. Nữ nhân cũng khôn ngoan, Chỉ nghĩ một phút giây! Rồi Bhaddã suy nghĩ: “Nay ta không thể về nhà được khi sự việc đã xảy ra như vậy. Vậy từ đây ta sẽ xuất gia." Rồi cô xuất gia theo phái Ni-kiền-tử. Họ hỏi cô: UCÔ ưng xuất gia đến mức độ no?” Cô trả lời: uTôi muốn xuất gia vào hạng tối thượng!59 Rồi họ nhổ tóc của cô và khi tóc cô dài và quăn lại, cô được gọi là Bhaddã tóc quăn. Nhưng trong khi cô tập sự học hỏi giáo lý của phái Ni- kiền-tử9 cô biết rằng giáo lý ấy không có gì đặc biệt. Cô từ giã chúng Ni-kiền- tử, tìm học những bậc minh sư có danh tiêng và cuôi cùng không ai có thê tranh luận với cô. Cô vun lên một đống cát gần cửa đi vào làng, trồng lên một nhánh cây Diêm-phù, bảo mấy đứa con nít xem ai nhổ lên nhánh cây ấy. Sau một tuần? không có ai nhổ lên cành cây, cô liền đem cành cây ấy đi một nơi khác.*

Xem Ap. II. 560, Kundalakesãtherĩapadãna (Ký sự về Trưởng lão Ni Kundalakesa).

1108 KINH TIỂU Bộ

Thế Tôn trong khi đi thuyết giảng, đến tinh xá Jetavana gần Sãvatthi, đúng lúc Bhaddã tóc quăn trồng nhánh cây ấy tại cửa thành Sãvatthi. Tôn giả Sãriputta vào thành, thấy cành cây ấy, muốn nhiếp phục cô, bảo các đứa con nít giẫm lên cành cây ấy. Mở đầu cuộc tranh luận, cô nghĩ rằng cuộc tranh luận sẽ không có kêt quả nêu không có quân chúng đỡ đâu, vì vậy cô quy tụ một sô đông quân chúng đến chứng kiến cuộc tranh luận giữa cô và Tôn giả Sãriputta. Trước hết Ton giả Sãriputta để cho cô hỏi và Tôn giả trả lời, cho đến khi cô không còn gì để hỏi nữa và ngồi im lặng. Rồi Tôn giả hỏi cô: "Thế nào gọi là mOt?” Cô Bhaddã tóc quăn thú nhận không thể trả lời được. Tôn giả nói: "MQt chút như vậy mà cô không trả lời được thì cô có thể biết thêm được gi?" Rồi Tôn giả giáo giới cho cô và cô xin quy y Tôn giả. Tôn giả Sãriputta khuyên nên quy ỵ Thế Tôn, bậc Đạo sư loài trời và người. Cô vâng lời, chiều lại đi đến yết kiến Thế Tôn khi Ngài đang thuyết pháp. Sau khi đảnh lễ, cô đứng một bên, Thế Tôn thấy căn cơ cô đã thuần thục liền nói: Dâu nói ngàn câu kệ, Nhưng không chút lợi ích, Tốt hơn nói một câu, Nghe xong được tịnh lạc.1213 Khi đức Phật nói xong bài kệ này, cô chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Cô xuất gia, thọ giới với quả A-la-hán và chính đức Phật trao Đại giới cho cô. Rồi cô đi đến tinh xá Tỷ-kheo-ni, sống an lạc hạnh phúc. Cô sung sướng phấn khởi nói lên những bài kệ: r A 107. Trước ta sông một y, Tóc

cạo, thân mang bùn, Không lỗi, xem có lỗi, Có lỗi, xem là không. 108. Ban ngày rời tinh xá, Trên ngọn núi Linh Thứu, Ta thấy Phật vô uế, Dần đầu chúng Tỷ-kheo. 109. Quỳ gối ta đảnh lễ, Đối diện ta chắp tay, uHãy đến, này Bhadda!" Ta được thọ Đại giới. 110. Ta đi khắp Aồga, Magadha, Vajjĩ, Quốc độ Kosala, Mười lăm năm không nợ, Y y r An đô ăn quôc độ. 111. Làm được nhiều công đức, Tín nam này có tuệ, Cho Bhaddã chiếc y, Thoát khỏi mọi triền phược.

§47. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI PATÃCÃRÃ (Patữcãrãtherĩgũthẩ Ý3 (Thĩg. 134; ThĩgA. 108) Trong thời đức Phật hiện tại, cô sanh trong gia đình vị thủ ngân khố nhà vua ở Sãvatthi. Khi đến tuổi trưởng thành, cô giao du với một người đầy tớ trong

12 Xem V. 101. 13 Xem Ap. II. 557, Patăcãrãtherĩapadãna (Kỷ sự về Trưởng lão Nỉ Patãcãrã).

nhà. Khi cha mẹ cô định ngày gả cô cho một chàng trai xứng đôi, cô trốn đi với người tình nhân và sống tại một ngôi làng nhỏ. Khi cô sắp sanh, cô bảo chồng đưa cô về nhà cha mẹ? vì ở đây không có ai săn sóc cô, nhưng chồng cô cứ hẹn làn hẹn hồi cho đến khi cô biết chồng cô không muốn đi về. Cô liền chờ chồng đi văng, săp đặt công việc, tin cho người láng giêng biêt rôi cô bỏ vê nhà cha mẹ. Khi người chồng về, người chồng liền đuổi theo, sợ cô không có người săn sóc. Chồng cô bắt gặp cô và giữa đường cô sinh được người con, rồi hai vợ chồng lại đi trở về làng. Đên kỳ sinh nở thứ hai, sự việc xảy ra như lân trước, nhimg có điêm khác biệt như sau: Giữa đường mưa to gió lớn nổi lên, người chồng tìm lá và cây làm cái chòi cho cô tránh mưa, nhưng bị con rắn từ gò mối bó ra cắn chồng cô chết tại chỗ. Trong cơn đau khổ chờ đợi chồng, cô bồng đứa con trên ngực và giữa mưa to gió lớn, cô nằm phục xuống đất để che chở cho hai đứa con, trải qua một đêm như vậy cho đến sán^. Đến sáng, cô đi tìm chồng và thấy chồng bị rắn cắn chết rồi, cô khóc than suôt đêm. Vì mưa to, nước sông dâng lên đến đầu g6i, cô lại quá yếu nên không thể bồng hai đứa con lội qua sônẹ? cô để đứa lớn ở bờ bên này và bông đứa nhỏ lội qua sông. Rồi cô đặt đứa nhỏ năm trên khăn trùm đầu, dùng cành cây che lại để nó trên bờ, còn cô lội qua sông lại để đem đứa lớn qua. Nhưng đến giữa dòng? quay mình trở lại thời thấy một con diều hâu, tưởng đứa con nít là một miếng thịt, nên bay xuống tha đứa nhỏ đi. Dầu cho ngườri mẹ có xua đuổi và la lên nhưng vì quá xa nên không làm gì được. Còn đứa lớn bên bờ bên này, nghe tiếng mẹ la tưởng là mẹ kêu, liền lội xuống nước đi qua và bị nước cuốn trôi. Thế là hai đứa con và cả người chồng bị chết. Cô vừa khóc vừa đi về thành Sãvatthi, lại được tin hồi hôm mưa to gió lớn làm sụp đổ căn nhà của cha mẹ cô, giết chết cả cha mẹ và em c6, lễ hỏa táng vừa làm xong. Trong cơn đau khổ khủng khiếp chồng chất, cô hóa điên dại, ăn mặc hở hang, cô vừa khóc vừa than: Hai con ta đã chết, Chồng ta cũng chết luôn, Rồi trên giàn hỏa táng, Cha ta và mẹ ta, Cùng đứa em trai ta, Vừa làm lễ thiêu đốt. Rồi cô đi lang thang đây đó, khóc than nỗi đau khổ của c6, và vì cô mang xiêm áo tả toi, cô được gọi là Patãcãrã (kẻ mang xiêm áo). Người đi đường thấy cô, gọi cô là người điên, có kẻ ném đá, có người thì quăng đồ nhớp bụi bặm trên cô. Bậc Đạo sư ở Jetavana đang thuyết pháp, thấy cô đi lang thang như vậy và biết căn cơ trí tuệ của cô đã chín muồi, ngăn

cản không cho người ta xua đuổi cô và cho phép lại ẹần, khiến cô hồi tỉnh lại, và cảm thấy xấu hổ với cách ăn mặc của mình, cô năm phục xuông đất. Một người quăng cho cô một tấm y, cô quấn y vào mình và thỉnh Phật cứu độ cho c6, và cô kể lại thân phận của cô: "Thế Tôn hãy cứu độ cho con! Một đứa con bị chim diều hâu mang đi; một đứa con bị nước cuốn trôi; còn chồng con bị rắn cắn chết; cha mẹ, em con bị căn nhà sụp đổ giết chết và bị hỏa tang.95

1110 KINH TIỂU Bộ

Đức Phật nói: uNày Patăcãrã, đừng nghĩ rằng cô đến với một người có thể cứu độ cho cô. Như nay cô than khóc vì con chết, v.v... Cũng vậy, cô đã khóc than kiếp luân hồi của cô vì rằng con bị chết, v.v... còn nhiều hơn nước sông b6nbiển." Nước bốn biển ít hơn, Nước mắt của loài người, Khóc than vì đau khổ, Vậy sao cô hủy hoại, Sanh mạng của chính mình, Trong khóc than sầu khổ! Nghe Thế Ton dạy về con đường không thể diệt khổ, nỗi đau khổ của cô được nhẹ dần. Rồi đức Phật khuyên thêm: "Oi Patãcãrã, một người mạng chung thì con cháu, bà con không có thể làm chỗ nương tựa. Cho đến hiện tại5 họ cũng không giúp đỡ được gì. Do vậy, người có trí sông đời sông giới đức thanh tịnh, thành tựu con đường hướng đến Niếtbàn." Rồi đức Phật dạy: Các con, cha, bà con, Không phải chô nương tựa, Khi thân hoại mạng chung, Bà con huyết thống cô, Không thể che chở cô, Thấy được sự thật này, Kẻ trí sống giới đức, Và mau chóng thành tựu, Con đường hướng Niết-bàn. Khi bậc Đạo sư nói xong, cô chứng quả Dự lưu và xin được xuất gia. Đức Phật đưa cô đên chúng Tỷ-kheo-ni và cho phép cô được xuât gia. Rồi cô tinh tấn tu hành, cố gắng thành đạt những quả vị cao hơn. Một hôm lấy nước trong bát rửa chân, khi cô đổ nước, thời nước chảy đến một khoảng đường ngắn rồi biến mất. Cô đổ thêm nước, con đường nước chảy dài hơn và lần thứ ba, cô lại đổ nước, con đường nước chảy còn dài hơn trước khi biến mất. Dựa trên sự kiện này làm nền tảng suy tư, cô nghĩ: "Cũng vậy là loài người, chết trẻ, chết nửa chừng và chết già." Và đức Phật ở tại hương phòng của Ngài phóng hào quang, hiện ra trước mặt cô và dạy răng: "Hối cô Patâcãrã, như vậy là cuộc sống của loài người, cuối cùng cũng phải mạng chung. Vậy tốt hơn là sống như thê nào đê thây sự sanh diệt r củaỊ" năm uân, dâu cho A chỉ thây được một ngày hay chỉ một sát-na, còn hơn sông một trâm năm mà không thây được sự thật 2y." Người sông một trăm năm, Không thây pháp sanh diệt, Tốt hơn, sống một ngày, Thấy được pháp sanh diệt.14 Khi Thế Tôn nói xong, Patãcãrã chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Suy tư đến quả chứng của mình, khi còn là một Học nữ, cô tán thán sự kiện đã giúp cô chứng được quả vị cao hơn và cô nói lên bài kệ: 112. Với roi, cày, ruộng đất, Gieo hạt giống trên đất, Loài người được tài sản, Nuôi dưỡng vợ và con. 113. Sao ta, giới đầy đủ, Làm theo Đạo sư dạy, Lại không chứng Niết-bàn, Không nhác, không dao động.

14XemZ)/2. V. 113.

TRƯỞNG LÃO NIKỆ« 1111

114. Khi ta đang rửa chân, Làm cho dòng nước chảy, Thấy được nước rửa chân, Từ cao chảy xuống thấp, Nhờ vậy tâm được định, Như ngựa hiền khéo luyện. 115. Rồi ta cầm

cây đèn, Bước vào ngôi tinh xá, Năm trên chiêc giường nhỏ, Ta nhìn quán ngọn đèn. 116. Rồi lấy cây kim nhỏ, Dìm tim đèn xuống dần, Thấy cây đèn Niếtbàn, Tâm ta được giải thoát.

§48. KỆ NGÔN CỦABAMƯƠI TRƯỞNG LÃO NI DƯỚI sự LÃNH ĐẠO CỦA PATÃCĂRÃ (Timsamattãtherĩgãthẩ) (Thĩg. 135; ThĩgA. 118) Trong thời đức Phật hiện tại, họ được sanh trong nhiều gia đình khác nhau, khi nghe Patãcărã thuyêt pháp, trở thành tín nữ và cuôi cùng xuât gia. Trong khi họ làm trọn những phận sự của mình và sống đầy đủ giới hạnh, cô thuyết cho họ lời giáo huấn như sau: 117. Loài người trong tuổi trẻ, Cầm chày giã lúa gạo, Loài người được tài sản, Nuôi dưỡng vợ và con.15 118. Hãy hành lời Phật dạy, Không làm gì nhiệt não, Rửa chân thật mau lẹ, Hãy ngồi xuống một bên, Chú tâm tu tâm chỉ, Làm theo lời Phật dạy. Rồi các Tỷ-kheo-ni ấy nghe theo lời dạy của Patâcărã, an trú trên thiền r \ quán, tu tập trí tuệ cho đên khi căn cơ thuân thục, chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Rồi suy nghĩ trên quả chứng, họ phấn khởi sung sướng và họ thêm vào các bài kệ của Patãcărã với những bài kệ của mình: 119. Sau khi nghe lời dạy, Lời Patãcărã, Sau khi rửa chân xong, Họ vào ngồi một bên, Chú tâm tu tịnh chỉ, Làm theo lời Phật dạy. 120. Trong đêm canh thứ nhất, Họ nhớ đời quá khứ, Trong đêm canh chặng giữa, Thiên nhãn được thanh tịnh. Trong đêm canh cuôi cùng, Khối si ám phá tan.1617 121. Đứng dậy9 họ lễ chân, Vị giáo giới cho họ, Như chư thiên Băm Ba, Đảnh lễ vị Sakka, Vị Không bị đánh bại, Ở lại chỗ chiến trường. Đặt Patãcărã, Vào hàng bậc Lãnh dạo, Chúng tôi sẽ được sông, Ba minh, không lậu hoặc. 17

15 Xem Thĩg. V. 175. 16 Xem Thig. V. 172-73, 179-80. 17 Xem 7 V. 181.

§49. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI CANDÃ (Candãtherĩgãthă) (Thĩg. 135; ThĩgA. 120) Trong thời đức Phật hiện tại, cô làm con của một vị Bà-la-môn ít được người biet đến, tại một làng Bà-la-môn. Từ lúc nhỏ, gia đình bị mất hết tài sản và cô lớn lên trong điều kiện rất thiếu thốn. Trong gia dinh, một bệnh thời khí phát ra giết hại cả nhà và cô phải đi xin nhà này qua nhà khác với một cái bát vỡ. Một ngày kia, cô đến chỗ Tỷ-kheo-ni Patãcărã khi vị này vừa ăn xong. Các Tỷ-kheo-ni thấy cô trong tình cảnh đáng thươnậ hại, tiếp cô với lòng từ mẫn và cho cô ăn. Sung sướng được thấy hạnh phúc tốt đẹp của các Tỷ-kheo-ni, cô đến ệần Patãcărã đảnh lễ, cô ngồi xuống một bên để nghe pháp. Cô nghe với tâm hôn phân khởi, và lo lắng vì kiếp sống luân hồi, cô xuất gia. Cô theo lời giáo giới của các vị Tỷ-kheo-ni? cô an trú thiền quán, nhiệt tâm tinh cần; rồi với nghị lực, lời phát nguyện và sự chín muồi của trí tuệ, không bao lâu cô chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ? nghĩa tín thọ. Suy tư đến quả chứng của minh, cô phấn khởi nói lên bài kệ: 122. Trước ta sống bất hạnh, Không chông và không con? Không bè bạn, bà con, Không có cơm có áo. 123. Ta cầm gậy bình bát? Đi0 ăn xin từng nhà,a T Bị lạnh nóng đày đọa, Bảy năm ta sông vậy. 124. Thấy được Tỷ-kheo-ni, Ta nhận đồ ăn uống? Sau khi đến, ta xin? Được xuất gia, không nhà. 125. Co Patãcărã, Thương ta cho xuất gia, Rồi giảng dạy cho ta, Hướng dẫn đến chơn đế. 126. Nghe xong lời người giảng, Ta làm theo lời dạy, Lời giảng bậc Tôn Ni, Không phải lời trống không, Ta chứng được Ba

minh, Ta không còn lậu hoặc.

CHƯƠNG VI SÁU KỆ (CHAKKANĪPĀTA)

§50. KỆ NGÔN CỦA NAM TRĂM TRƯỞNG LÃO NI DƯỚI sự LÃNH ĐẠO CỦA PATĀCĀRĀ (Pancasatamattīkātherīgāthā) (Thīg. 136; ThīgA. 122) Trong thời đức Phật hiện tại, các cô gái đến tuổi trưởng thành trong những gia đình khá giả tại nhiều chỗ khác nhau, lấy chồng, có con, sống lo việc bếp núc trong gia đình. Họ đều chịu sự đau khổ khi con của họ bị chết. Rồi họ đi tìm đến Patācārā, đảnh lễ cô, ngồi xuống một ben và nói cho cô biết nỗi đau khổ của họ. Patācārā, làm cho họ vơi bớt sự đau khổ, nói lên những bài kệ như sau:* 127. Cô không biết con đường, Nó đến hay nó di, Từ đâu hữu tình đến, Cô lại khóc: “Con t6i.” 128. Và khi biết con đường, Nó đến hay nó di, Cô khóc nó làm gì, Pháp hữu tình là vậy! 129. Không có ai yêu cầu, Từ chỗ kia, nó dến, Không có ai cho phép, Từ chỗ này, nó đi, Từ đâu, nó đên đây, Được sống bấy nhiêu ngày! 130. Từ chỗ này, nó đến, Từ chỗ kia, nó di, Nó đến một con đường, Nó đi một con đường, Mạng chung, hình sắc người, Luân hồi, nó sẽ đi. Đen vậy? đi như kia, Ở dây, khóc than gì? Sau khi nghe cô giảng, họ đêu cảm thây dao động và xin xuất gia dưới sự hướng dẫn của Patācārā. Sau khi tinh cần triển khai thiền quán, họ chứng đạt được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Suy tư trên quả chứng của mình, các vị ấy lặp lại bài kệ giáo hóa của Patācārā và cộng thêm những bài kệ của chính mình như sau: 131. Cây tên khó thấy được, Từ tim ta nhổ lên? Cô diệt sầu vì con, Sầu ấy ám ảnh ta.1

Xem Thīg. V. 52.

132. Nay cây tên được nhổ, Không dục cầu, tịch tịnh, Ta quy y Ẩn sĩ, Phật, Pháp và chúng Tăng.23 về sau, năm trăm Tỷ-kheo-ni này rất giỏi về lời dạy của Patācārā, nên họ được gọi theo tên của Patācārā.

§51. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI VĀSETTHĪ (Vāsetthīkātherīgāthā) (Thīg. 136; ThīgA. 124) Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh làm con của một nhà quyên quý ở Vesāli. Lớn lên, cô được gả cho một người chồng tương xứng và cô sống vui vẻ với người chồng. Khi có được đứa con vừa mới tập chạy, nó chết đi và cô quá đau khô. Trong lúc các người bà con chữa bệnh cho chông, cô bỏ trôn và lang thang khắp đó đây, cho đến khi cô đến Mithilā. Tại đây, cô thấy đức Phật đang đi trên đường, tự tại, tự điêu phục, làm chủ các căn. Nhìn thây bậc Đạo sư và nhờ Phật lực, cô lây lại được sự bình tĩnh rôi bậc Đạo sư thuyêt pháp văn tăt cho cô, cô xin được xuất gia và bậc Đạo sư chấp nhận. Rồi sau khi làm tất cả các bổn phận của mình, cô an trú vào thiền quán; và với sự cố gắng vượt bực, với trí tuệ chín muồi, cô chứng quảA-la-hán với pháp tín thọ? nghĩa tín thọ. Suy tư trên quả chứng, cô sung sướng nói lên niềm hân hoan của mình: 133. Ta sầu muộn vì con, Khổ, tâm cuồng tưởng loạn, Lõa thể, tóc rối ren, Đời sông vậy, ta sông. 134. Lang thang đường, đống rác, Nghĩa địa, đường xe đi, Ba năm ta đã sống, Kham khổ, chịu đói khát. 135. Rồi ta thấy Thiện Thệ, Đến thành Mithilā, Điều ngự kẻ chưa điều, Bậc Giác Ngộ Vô Uy. 136. Lấy lại tâm bình tĩnh, Ta đến gần, đảnh lễ, r Thương ta, Gotama, Ngài thuyêt pháp cho ta. 137. Nghe Ngài thuyết pháp xong, Ta xuất

gia, không nhà, Tùy hành lời Đạo sư, Ta chứng đạo an ổn. 138. Mọi sầu muộn chặt đứt, Đoạn tận được chấm dứt, Ta liễu tri nền gốc, Từ đấy sầu muộn sanh.

§52. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI KHEMÃ (Khemãtherĩgãthầý (Thĩg. 137; ThĩgA. 126) Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh tại nước Magadha (Ma-kiệt- đà) ở Sãgala, thuộc gia đình hoàng tộc, tên là Khemã. Nhan sắc đẹp đẽ, với làn da như vàng, cô trở thành Hoàng hậu của Vua Bimbisãra. Khi Thế Tôn ở

2 Xem Thĩg. V. 53. 3 Xem Ap, II. 543, Khemãtherĩapadãna (Kỷ sự về Trưởng lão Ni Khemã).

tại VeỊuvana (Trúc Lâm), cô không đi đến yết kiến đức Phật vì sợ Thế Tôn chỉ trích lỗi của mình. Vua muốn cô đi thăm Trúc Lâm nên nhờ người tán thán ngôi vườn này, và cuôi cùng cô băng lòng cùng vua đi đên tinh xá, không thây Thê Tôn, nhưng vua muốn cô thấy cho được Thế Tôn, dầu phải bắt cô ở lại. Khi cô sắp sửa từ giã tinh xá mà chưa gặp được Thế Tôn, các người hầu cận giữ cô ở lại và đưa cô đến gặp đức Thế Tôn một cách miễn cưỡng. Đức Thế Tôn dùng thần lực hóa hiện một tiên nữ rất đẹp đang đứng quạt cho Ngài, sắc đẹp thắng xa sắc đẹp của cô rất nhiều. Rồi trước mắt cô, nữ nhân được hóa hiện ấy lớn lên? trở thành già yêu, răng rụng, tóc bạc, da nhăn và ngã xuông đât với chiêc quạt. Khemã thấy vậy, tự hỏi không biết thân mình có chịu hoàn cảnh tương tự hay không. Thế Tôn biết được tâm trạng của cô bèn nói lên bài kệ: r ỉ Người đăm say các dục, Tự lao mình xuông dòng, Như nhện sa lưới dệt, Người trí cắt trừ nó, Bỏ mọi khổ5 không màng.4 Chủ giải ghi chép9 khi bậc Đạo sư nói xong, cô chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ. Nhưng theo tập Apadãna, cô chỉ mới chứng quả Dự lưu và sau khi được phép vua cho xuất gia, cô xuất gia và trở thành A-la-hán. Sau đó, cô tu tập thiền quán, có danh tiếng về pháp tu này, và đức Phật khi ở Jetavana (Kỳ Viên) đã tán thán cô là vị Ni Thiền quán đệ nhất. Một ngày kia, cô ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây, Ác ma hiện lên dưới hình thức một thanh niên và cám dỗ cô với lòng dục như sau: 139. Cô vừa trẻ vừa đẹp, Ta vừa trẻ vừa xuân, Với cung đàn năm điệu, Hãy vui hưởng, Khemã! Cô trả lời: 140. Với thân hôi thối này, Bệnh hoạn và mong manh, Ta nhàm chán ghét bỏ, Dục ái đã nhổ lên. 141. Dục ví như gươm giáo, Các uẩn đoạn đầu đài, Điều người nói dục lạc, Nay ta đã xa lìa.5 142. Mọi nơi, hỷ duyệt doạn, Khối si ám tan tành, Hãy biết vậy, Ác ma! Ngươi bị hại, Ma vương.6 143. Ngươi đảnh lễ vầng sao, Ngươi thờ lửa rừng sâu, Ngươi không biết như thật, Kẻ ngu nghĩ rằng tịnh. 144. Còn ta, ta đảnh lễ, Bậc Giác Ngộ, Thượng Nhân. Giải thoát mọi khổ đau, Hành lời Đạo sư dạy.

4 Xem DÃ. V. 347. 5 Xem Thĩg. V. 58, 234. 6 Xem Thỉg. V. 59,61-2, 188, 195, 203, 235.

§53. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI SUJÃTÃ (Sujãtãtherĩgãthẩ) (Thĩg. 137; ThĩgA. 136) Trong thời đức Phật hiện tại, cô sanh ở Sãketa, trong gia đình thủ khố của nhà vua. Được gả chồng là con vị thủ khố tương xứng với gia đình, cô sống hạnh phúc với chồng. Một hôm, sau khi đi dự lễ Sao, cô đi về với những người hầu hạ và thấy bậc Đạo sư ở vườn Anjana. Cô cảm thấy bị hấp dẫn, đến gần đảnh lễ Ngài và nghe Ngài thuyết pháp.

Bậc Đạo sư biết căn cơ cô đã chín muồi nên đặc biệt thuyêt pháp cho cô, và thuyêt pháp xong, cô chứng được quả A-la- hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Đảnh lễ bậc Đạo sư, về nhà cô được chồng và cha mẹ chập thuận, và với sự đông ý của bậc Đạo su, cô được xuât gia làm Tỷ-kheo-ni. Suy tư đến quả chứng của mình, cô sung sướng nói lên như sau: 145. Trang sức, mặc áo đẹp, Vòng hoa, xức chiên-đàn, Đeo mọi loại nữ trang, Dần đầu chúng nữ tỳ. 146. Mang theo đồ ăn uống, Nhiêu món ăn cứng mêm, Từ nhà ta đi ra, Đi đến vườn thưởng ngoạn. 147. Tại đây ta vui chơi, Rồi ta đi về nhà, Ta thấy ngôi tinh xá, Khi ta bước vào rừng, Rừng tên Afijana, Tại xứ Sãketa. 148. Thấy Hào Quang Thế Giới, Đảnh lễ, ta tới gần, Thương ta? bậc Pháp Nhãn, Ngài thuyết pháp cho ta. 149. Nghe xong bậc Đại Tiên, Ta thể nhập chân lý9 Tại đấy ta chứng Pháp, Ly trần tạo bất tử. 150. Do liễu tri Diệu pháp, Ta xuất gia, không nhà, Ba minh ta đạt được, Không trống rỗng lời Phật.

§54. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI ANOPAMÃ (Anopamãtherĩgãthẩ) (Thĩg. 138; ThĩgA. 138) Trong thời đức Phật hiện tại, cô sanh ở Sãketa, trong gia đình của vị thủ kho Majjha. Vì cô rất đẹp, nên cô được tên là Anopamã (không ai sánh nổi). Khi cô đến tuổi trưởng thành, nhiều con nhà giàu, các quan chức nhà vua, các hoàng tử cử các sứ giả đến xin cưới cô. Nghe tin vậy, cô lại có tâm nguyện khác, cô muôn sông đời sông không có gì hêt, nên cô tìm đên bậc Đạo sư, nghe Ngài thuyết pháp, nhờ trí tuệ chín muồi, nhờ nhớ đến lời Ngài dạy, nhờ nhiệt tâm thiền quán, cô chứng được quả thứ ba, quả Bất lai. Xin phép bậc Đạo sư cho xuất gia, cô được nhận làm Tỷ-kheo-ni. Và đến ngày thứ bảy, cô chứng được quả A-la- hán. Suy tư trên quả chứng, cô sung sướng nói lên sự phấn khởi của mình: 151. Sanh gia đình cao quý, Nhiều châu báu, tài sản9 Đầy đủ dung sắc đẹp, Con gái cimg Majjha.

TRƯỞNG LÃO NIKỆ> 1117

152. Được con vua cầu hôn, Con phú gia xin cưới, Sứ giả đến cha ta, Cho tôi Anopamã. 153. Công chúa, con gái ngài, Cân nặng như thế nào? í r 101 sẽ tặng tám lân, Băng vàng ròng châu báu. 154. Ta thấy đấng Giác Ngộ, Bậc Thế Tôn Vô Thượng, Ta đảnh lễ chân Ngài, Đến gần, ngồi một bên. 155. Thương ta, Gotama, Ngài thuyết pháp cho ta, Ngay tại chỗ ngồi ấy, Ta chứng quả thứ ba. 156. Rồi ta cạo bỏ tóc, Xuât gia, sông không nhà, Hôm nay đêm thứ bảy, Khát ái được gột sạch.

§55. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI MAHÃPAJÃPATĨ GOTAMĨ (Mahãpaìãpatìgotamĩtherĩgãthẩ)1 (Thĩg. 138; ThĩgA. 140) Trước khi bậc Đạo sư ra đời, cô được sanh ở Devadaha, trong gia đình Mahãsuppabuddha. Tên gia đình của cô là Gotama và cô là em gái của Mahãmãyã. Các thầy đoán tướng tiên đoán rằng các người con của hai chị em sẽ là vị Chuyên Luân Vương. Vua Suddhodana, khi đên tuôi trưởng thành cưới cả hai chị em. Sau đó? bậc Đạo sư đản sanh, và trong khi chuyển pháp luân, Ngài du hóa đến Vesãli, phụ vương của Ngài chứng được quả A-la-hán trước khi mạng chung. Rồi Mahãpạjãpatĩ muốn xuất gia, xin phép bậc Đạo sư nhưng không được chấp nhận. Cô tự cắt tóc, đắp y, và sau thời giảng kinh về sự tinh cần nỗ lực, cô ra đi với năm trăm Thích-ca nữ mà các người chồng đã xuất gia, đi đến Vèsãli và xin bậc Đạo sư cho xuất gia. Với sự thỉnh cầu của Tôn giả Ãnanda, bậc Đạo r J sư chập nhận và dạy tám

kỉnh pháp cho các Tỷ-kheo-ni. Sau khi xuất gia, Mahãpajãpatĩ đến yết kiến đức Phật và đứng một bên; Ngài thuyết pháp cho cô, và cô tinh cần tinh tấn chứng được quả A-la-hán với trí tuệ trực giác và phân tích. Năm trăm Tỷ-kheo-ni, sau khi nghe Tôn giả Nandaka giáo giới? chứng được Sáu thắng trí. Một ngày kia, khi bậc Đạo sư ngôi giữa Thánh chúng tại tinh xá Jetavana (Kỳ Viên), Ngài ấn chứng Mahãpạjãpatĩ là vị Ni Kinh nghiệm đệ nhất, sống hưởng thọ an lạc giải thoát, Niết-bàn. Để nói lên lòng biết ơn của minh, Mahãpajãpatĩ tuyên bô chánh trí của mình trước mặt Thê Tôn, tán thán hạnh đức của Ngài đã giúp đỡ hộ trì cho cô mà trước đây cô không được gặp: 157. Bậc Giác Ngộ; Anh Hùng! Con xin đảnh lễ Ngài, Ngài là bậc Tối Thượng, Giữa mọi loài chúng sanh, Ngài giải khổ cho con, Cùng rất nhiều người khác.

7 Xem Thag, V. 350, Vakkalittheragãửiã (Kệ ngôn của Trưởng lão Vakkalĩ)\ Ap. II. 529, Mahãpạiãpatigotamĩtherĩapadãna (Kỷ sự vê Trưởng lão Ni Mahãpạiãpatĩ Gotamĩ).

158. Liêu tri mọi đau khô, Gột sạch nhân khát ái, Con đường Thánh tám ngành, Đoạn diệt, ta chứng ngộ. 159. Trước, ta sống là mẹ? Là con, là cha, anh, Là ông nội, ông ngoại, Đời sống trước là vậy, Không rõ biết như thật, Luân hôi tìm không gặp. 160. Nay ta thấy Thế Tôn, Thân này thân tối hậu5 Sanh tử được đoạn tận, Nay không còn tái sanh.89 161. Siêng tinh cân nô lực, Thường kiên trì tinh tấn, Hãy thắng, đệ tử Phật? Hòa hợp, đảnh lễ Ngài. 162. Vì hạnh phúc nhiều người, Mãyã sanh Cù-đàm, Giải tỏa khối khổ đau, Cho người bị bệnh, chết.

§56. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI GUTTÃ (Guttãtherĩgãthẩỷ (Thĩg. 139; ThĩgA. 157) Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở Sãvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và tên là Guttã. Khi đến tuổi trưởng thành, cô nhàm chán đời sống gia đình và được phép gia đình cho xuất gia dưới sự lãnh đạo của Mahãpạiãpatĩ. Sau đó, dầu cô hành trì với tín tâm, nhưng tâm của cô cứ chạy theo ngoại cảnh và do vậy cô không thiền định được. Rồi bậc Đạo sư muốn khích lệ c6, phóng hào quang, hiện ra trước mặt cô và nói lên bài kệ như sau: 163. Vì mục đích tối thượng, Guttã, người xuất gia, Từ bỏ cả con cái, Cho đến bản thân mình, Hãy nhiệt tâm hành trì, Chớ để tâm chi phối. 164. Tâm lừa đảo chúng sanh, Ưa Ác ma lãnh địa, Luân hồi nhiều đời sống, Chúng rong ruổi, si mê. 165. Dục vọng và sân hận, Kể cả với thân kiến, Cộng thêm giới cấm thủ, Với nghi hoặc thứ năm. 166. Hỡi này, Tỷ-kheo-ni, Từ bỏ kiết sử này, Là hạ phần kiết sử, Ngươi hết lại đời này. 167. Hãy tránh xa tham, mạn, Vô minh và trạo cử, Chặt đứt kiết sử xong, Ngươi sẽ dứt đau khổ. 168 Quăng bỏ vòng sanh tử, Liễu tri sự tái sanh, Hiện tại không ước vọng, Ngươi sẽ sống an tịnh.

8 Xem Thĩg. V. 22. 9 Tham chiếu: Dh. V. 153; Pháp củLao mạo phẩm^íẾ(04. 0210.19. 0565Ồ25); Pháp củ thỉ dụ ÂỊ:Qu^ng dien phẩm" (r.04. 0211.29. 0598a24); Xuất dieukinh â Yphẩn^ (7Ý04. 0212.32. 0758cl2); Phap tập yếu tụng kỉnh ^Hộ tam phẩm>, (r.04. 0213.31. 0795Ồ06).

§57. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI VUAYẢ (yìjayãtherĩgãthẩ) (Thĩg. 139; ThĩgA. 159) Trong thời đức Phật hiện tại? cô sanh ở Rajagaha (Vương Xá), trong một gia đình thường dân, lớn lên cô trở thành bạn của Khemã, và Khemã đưa cô đi xuất gia, trở thành Trưởng lão Ni. Khi ấy còn là nữ cư si, nghe Khemã xuất gia, cô nói: "Khem là Hoàng hậu còn xuất gia được, huống nữa là ta." Cô đi đến Khemã, và Khemã biết tâm nguyện, căn cơ của cô nên thuyết pháp, khiến cô suy tư đến sanh-lão-bệnh-tử và tìm được sự an ổn trong đạo pháp. Rồi Khemã cho cô xuất gia, theo học hỏi, làm tròn bổn phận của mình, tu tập thiền quán và khi trí tuệ thuần thục, cô chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Rồi suy tư trên quả chứng của mình, cô nói lên sự sung sướng, phấn khởi: 169. Bốn lần và năm lần, Ta ra khỏi tinh xá, Tâm không được an tịnh, Không chế ngự được tâm.10 170. Ta đến Tỷ-kheo-ni5 Ta hỏi, đàm luận pháp, Cô thuyết pháp cho ta, về giới và về xứ. 171. Bốn sự thật bậc Thánh, về các căn, các lực, Giác chi, tám đường chánh, Đạt đạo tôi thượng nghĩa. 172. Nghe lời vị ấy dạy, Ta làm theo giáo huấn, Trong đêm canh thứ nhất, Ta nhớ đến đời trước.11 173. Trong đêm canh chặng giữa, Thiên nhãn được thanh tịnh, Trong đêm canh cuối cùng, Khối si ám tan tành. 174. Từ đây ta được sông, Biến mãn thân hỷ lạc, Đêm thứ bảy, duỗi chân, Khôi si ám tan tành.

10 Xem Thĩg. V. 37, 42. 11 Xem Thig. V. 120, 179-80.

CHƯƠNG VII BẢYKỆ (SATTÂKANIPẢTÃ)

§58. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI UTTARÃ (Uttarãtherĩgãthẫ) (Thĩg. 140; ThĩgA. 161) Trong thời đức Phật hiện tại, cô sanh ở Sãvatthi, trong một gia đình thường dân, tên là Uttarã. Khi đến tuổi trưởng thành, cô nghe Patãcãrã thuyết pháp, trở thành một tín nữ, sau đó xuất gia và trở thành vị A-la-hán. Rồi suy tư trên quả chứng của minh, cô phấn khởi nói lên bài kệ: 175. Loài người trong tuổi trẻ; Câm chày giã lúa gạo, Tuổi trẻ được tài sản, Nuôi dưỡng vợ và con.1 176. Hãy hành lời Phật dạy, Không làm gì nhiệt não, Rửa chân thật mau lẹ, Hãy ngồi xuống một bên.2 177. Sau khi an trú tâm, Nhất tâm khéo định tĩnh, Hãy quán sát các hành, Thuộc ngoại, không thuộc ngã. 178. Ta nghe lời giáo huấn, Lời Patãcãrã, Sau khi ta rửa chân, Bước vào ngồi một bên. 179. Trong đêm canh thứ nhất, Ta nhớ đời quá khứ, Trong đêm canh chặng giữa, Thiên nhãn được thanh tịnh.3 180. Trong đêm canh cuối cùng, Khối si ám tan tành, Từ Ba minh đứng dậy? Giáo huấn Ngài làm xong. 181. Như Thiên chủ Sakka, Ở cõi trời Băm Ba, Không bao giờ bại trận, Ở tại các chiến trường, Ta sống tôn xưng Ngài, Là bậc Thầy lãnh dạo, Ta chứng được Ba minh, Ta không còn lậu hoặc.4 Một hôm, cô tu tập thiền quán dưới sự hướng dẫn của Patãcãrã, ngồi trong phòng của mình, cô suy nghĩ: "Ta sẽ không đứng dậy nếu tâm ta không giải thoát khỏi các lậu hoặc." Quyết tâm như vậy, cô triển khai trí tuệ thiền quán,

^XemThĩg.v. 117.

2 Xem Thĩg. V. 13.

3 Xem Thig. V. 120, 172-73.

4 Xem Thĩg. V. 121.

chứng được quảA-la-hán với sức mạnh trực giác và thâu triệt Chánh pháp. Sau khi tiếp tục quán mười

186. Ngài thuyết tám Thánh đạo, về khổ, nguyên nhân khổ, về vượt qua đau khổ? Và con đường khổ diệt.7 187. Ta nghe lời Phật dạy, Sống vui thích giáo pháp, Ba minh đã đạt được, Lời Phật dạy làm xong.8 188. Mọi nơi, hỷ duyệt đoạn, Khôi si ám tan tành. Hãy biết vậy, Ác ma! Ngươi bị hại, Ma vương.910 11

§60. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI UPACẢLÃ (Upacãlãtherĩgãthẩ)^ (Thĩg. 141; ThĩgA. 165) Câu chuyện của Trưởng lão Ni upacãlã giống như câu chuyện trên. Như Trưởng lão Ni Cãlã, cô chứng quả A-la-hán và bị Ác ma cám dỗ, nhưng Ác ma đã thất bại: 189. Trú niệm, có pháp nhãn, Tỷ-kheo-ni luyện căn, Thể nhập đạo an tịnh, Bậc Thượng nhân hành trì. [Ác ma:] 190. Sao ngươi không thích sanh? Có sanh mới hưởng dục, Hãy hưởng thọ dục lạc, Chớ hối tiếc về sau. [Ưpacãlã:] 191. Đã sanh thời bị chết, Tay chân bị đứt đoạn, r 7

Bị giết, trói, phiền não? Sau đưa đên khô đau. 192. Sanh gia tộc Thích-ca, Đức Phật không chiến bại, Ngài thuyết pháp cho ta, Vượt qua khỏi sự sanh.11 193. Ngài thuyết tám Thánh đạo, về khổ, nguyên nhân khổ, Vê vượt qua đau khô, Và con đường khổ diệt. 194. Ta nghe lời Ngài dạy, Sống vui thích giáo pháp, Ba minh đã đạt được, Lời Phật dạy làm xong.12 195. Mọi nơi, hỷ duyệt đoạn, Khối si ám tan tành, Hãy biết vậy, Ác ma! Ngươi bị hại, Ma vương.13

7Xem Thĩg.N. 193, 311,322. 8 Xem Thig. V. 194, 202.

9 Xem Thig. V. 59, 61-2, 142, 195, 203, 235. 10 Tham chiếu: Thag. V. 1209; Thĩg. V. 189, 291, 312; s. I. 132, Cãlãsuttạ (Kỉnh Cãỉa)\ s. II. 185, Puggalasutta (Kinh Người); Dh. y. 191; It. 17, Atthipunjasutta (Kinh Đông xương)', Pháp củ kinh “T(T.04. 0210.22. 0567a01); Pháp củ thỉdụ Aị phẩm” (T.04. 0211.32. 0600c22); Xuất*“1^5(r04. 0212.28. 0736Ồỏ6); Pháp tập yếu tụng kinh 4Quán sát phẩnT (T.04. 0213.27. 0791b03). 11 Kệ 192-94, xem Thĩg. V. 185-87. 12 Xem Thĩg. V. 187, 202. 13 Xem Thỉg. V. 59, 61-2, 142, 188, 203, 235.

CHƯƠNG VIII TÁM KỆ (ATTHAKANIPATA)

§61. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI SĨSUPACẢLÃ (Sĩsũpacãỉãtherĩgãthẩ)1 (Thĩg. 142; ThĩgA. 168) Câu chuyện giông như hai câu chuyện trước. Cô theo gương người anh, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Hưởng thọ sự an lạc, cô suy tư đến quả chứng, đã làm những điều cần làm và nói lên sự sung sướng của cô: 196. Tỷ-kheo-ni giữ giới, Khéo hộ trì các căn, Đạt được đạo an tịnh, Nước cam lồ thuần tịnh. [Ác ma:] 197. Chư thiên cõi Ba Ba, Dạ-ma và Đâu-suất, Chư thiên trời Hóa Lạc, Chư thiên cõi Tự Tại, Hãy hướng tâm chỗ ấy, Chô xưa kia cô sông. Khi Trưởng lão Ni nghe vậy, liền nói: "Hãy dừng lại, Ác ma! Dục giới mà ngươi nói đến, cho đến cả thế giới vũ trụ đều bị lửa tham, lửa sân, lửa si đốt cháy. Tại chỗ ấy, người có trí không ưa thích." Nêu rõ cho Ác ma thấy tâm của

mình đã xa lìa ma giới, cô trách mắng Ác ma như sau: 198. Chư thiên cõi Ba Ba, Dạ-ma và Đâu-suất, Chư thiên trời Hóa Lạc, Chư thiên cõi Tự Tại. 199. Đời này đến đời khác, Hữu này đến hữu khác5 Chúng đều bị thân kiến, Lãnh đạo và chi phối, Chúng không vượt thân kiến, Luân chuyển vòng sanh tử. 200. Toàn thế giới bốc cháy, Toàn thế giới đồng cháy, Toàn thế giới bừng cháy, Toàn thế giới rung động. 201. Phật thuyết pháp cho ta, Pháp bất động vô tỷ, Pháp ấy không thể hành, Bởi các người phàm phu, Pháp ấy tâm ý ta, Hân hoan và ưa thích.

1 Xem s. I. 133, Upacãlãsutta (Kinh Upacãlă).

202. Ta nghe lời vị ấy, Sống vui trong giáo pháp, Ba minh đã đạt được, Lời Phật dạy làm xong.2 203. Mọi chỗ hỷ duyệt đoạn, Khối si ám tan tành, Hãy biết vậy, Ác ma! Ngươi bị hại, Ma vương.3

2 Xem Thĩg. V. 187, 194. 3 Xem T.V. 59,61-2, 142, 188, 195, 235.

CHƯƠNG IX CHÍN KỆ (NAVAKANIPẴTA}

§62. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI MẸ CỦA VADDHA (Vaddhamãtutherĩgãthẩ) (Thĩg. 142; ThĩgAAlỉ) Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ra ở thành phố Bharukaccha, trong một gia đình thường dân. Sau khi lập gia đình, cô sanh được một người con, đặt tên là Vaddha và cô được biết là mẹ Vaddha. Khi nghe một Tỷ-kheo thuyết pháp, cô trở thành một tín nữ, và giao lại con cho bà con, cô đi đến các Tỷ-kheo-ni và xuất gia.1 Vaddha đi thăm mẹ, đi một mình vào tinh xá Tỷ-kheo- ni và bị mẹ khiển trách như sau: 204. Vaddha, chớ bao giờ, Rơi vào cõi tham dục5 Này con, chớ chia phần, Trong đau khổ liên tục. 205. Hạnh phúc là ẩn sĩ, Không tham, nghi đoạn tận, Sống mát lạnh, chế ngự, Không còn các lậu hoặc. 206. Ân sĩ ấy hành trì, Con đường đạt chánh kiến, Chấm dứt sự khổ đau, Vaddha, hãy tiến tu! Rồi Vaddha suy nghĩ: "Mẹ ta chắc đã chứng quả A-la-han^, nên nói như sau: 207. Với tự tín mẹ nói? Mục đích này cho con, Mẹ thân! Con nghĩ rằng, Mẹ không còn tham dục. ỉ 208. Vaddha! Phàm hành gì, Thâp, cao hay bậc trung, Một tí nhỏ tham dục, Không có ở nơi ta. 209. Ta đoạn mọi lậu hoặc, Không phóng dật, thiên tu, Ba minh đã đạt được, Làm xong lời Phật dạy. Người con dùng lời khuyên của mẹ để tự sách tấn, đi vào tinh xá, ngồi trên chỗ mình thường ngồi, triển khai thiền quán và chứng quả A-la-hán. Suy tư trên hạnh phúc về quả chứng của mình, Vaddha đi đến mẹ và nói lên chánh trí của mình:

1 Chỗ này có thêm câu chuyện về Trưởng lão Vaddha được đề cập trong ThagA. II. 141, Vaddhattheragãthãvannanã (Chủ giải Kệ ngôn của Trưởng lão Vaddhcỉ).

210. Vi diệu thay, mẹ ta! Khích lệ? thúc đẩy ta, Những kệ thuộc chơn đế, Với lòng từ thương tưởng. 211. Ta nghe lời mẹ dạy, Lời giáo giới mẹ hiền, Ta hành pháp cảm kích, Đạt an ổn khổ ách. 212. Ta tinh tấn tinh cần, Ngày đêm không biêng nhác, Được mẹ khéo khích lệ, Ta chứng tịnh tối thượng.

CHƯƠNG X MƯỜI MỘT KỆ (EKẢDASANIPẢỈ4)

§63. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI KISÃ GOTAMĨ (Kisãgotamĩtherĩgãthă) 1 (Thĩg. 143; ThĩgA. 174) Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở Sãvatthi, trong một gia đình nghèo khổ? tên là Gotamĩ, và vì cô yếu đuối nên được gọi là Kisã Gotamĩ (Gotamĩ ôm yêu). Khi lập gia đình, cô bị khinh thường và được gọi là con gái của một người không có gì, nhưng khi có con, cô được kính trọng. Đứa con lớn lên khi có thể chạy được thì bị chết, cô cảm thấy đau khổ và nhớ đến sự đối xử với mình được thay đổi khi sinh đứa con. Cô nghĩ: "Hq sẽ mang đứa con của ta ra nghĩa Rồi cô ôm đứa con đã chết vào lòng và đi vào từng nhà xin: "Hãy cho con tôi thuốc!,9 Và được trả lời: “Nay thuốc còn dùng được gì nữa?,, Nhưng cô không hiểu. Có người thương xót khuyên cô đến đức Phật để xin thuốc, cô đi đến tinh xá và xin đức Phật: uHãy cho con tôi thuốc Bậc Đạo sư thấy được sự hy vọng tu chứng nơi cô bèn nói: "Hãy đi đến nhà nào không có người chết và đem lại một hột cải!,, Cô vâng lời, đi đến nhà đầu tiên và yêu cầu như vậy, nhưng bị từ chối vì trong nhà có người chết. Cô đi đến nhiều nhà khác cũng được trả lời như vậy và cô nghĩ: "Bây có thể là bậc Đạo sư dạy khéo cho ta”, nên cô mang đặt con cô ở nghĩa địa và nói: Pháp này không riêng làng, Không riêng thành, gia tộc, Không riêng cho một ai, Cho đến toàn thế giới, Kể cả các chư thiên, Ở tại mọi tầng trời, Pháp nhĩ là như vậy, Tất cả là vô thường. Rồi cô đi đến bậc Đạo sư và khi Ngài hỏi có tìm được hột cải không, cô trả lời: "Việc làm về hột cải đã xong. Hãy xác chứng cho con!" FTnl Ạ FT _ £ • _
The Tôn nói: Tâm còn bị đăm say, Con cái và súc vật, Tử thần bắt người ấy, Như lụt trôi làng ngủ.1 2

1 Xem Ap. II. 564, Kisãgotamĩtherĩapadãna (Ký sự về Trưởng lão Ni Kỉsã Gotamĩ). 2XemD/2. V. 287.

Khi đức Phật nói xong, cô chứng được Sơ quả (quả Dự lưu) và xin được xuất gia. Đức Phật chấp nhận và cô được các Tỷ-kheo-ni cho thọ giới. Sau đó không bao lâu? cô quán chiếu về nguyên nhân của sự vật khiến thiền quán tăng trưởng. Rồi bậc Đạo sư nói lên bài kệ: Người sông một trăm năm, Không thây pháp sanh diệt, Tốt hơn, sống một ngày, Thấy được pháp sanh diệt.3 Khi đức Phật nói xong, cô chứng quả A-la-hán. Vì cô đặc biệt tu hạnh khắc khổ nên cô mặc thô y, và đức Phật ngồi tại tinh xá Kỳ Viên ấn chứng cho cô là vị Ni có hạnh Mặc thô y đệ nhất. Suy tư trên quả chứng của mình, cô nói lên những bài kệ này trước mặt Thế Tôn, những bài kệ tán thán sự thân cận với các bậc Hiền Thánh: 213. Bạn lành được ẩn si, Khăp thê giới ngợi khen, Thân cận với bạn lành, Kẻ ngu thành người trí. 214. Hãy thân bậc chân nhân, Thân vậy trí tăng trưởng, Thân cận bậc chân nhân, Mọi khổ đau được thoát. 215. Hãy biết bốn Thánh dế, Khổ và khổ tập khỏi, Biết về đau khổ diệt, Và đường Thánh tám ngành. 216. Khổ thay phận nữ nhân, Chính Ngài đã nói lên, Bậc Đánh Xe Điều Ngự, Những ai đáng điều ngự, Khô thay phận chông chung, Nhiều người một lần sanh. 217. Trong đau khổ, đâm họng, Mẹ yêu uông thuôc độc, Trường hợp gặp bào thai, Bị chết khi đang sanh, y . Cả hai mẹ và con, Đêu cùng gặp tai nạn. 218. Khi mang thai đi về, Ta thấy chồng chết đường, Và khi ta sanh đẻ, Ta không về đến nhà. 219. Hai con đều bị chết, Chồng nữ nhân khốn khổ, Lại

bị chết giữa đường, Mẹ? cha và cả anh, Đều cùng bị thiêu đốt, Dồn chung trên đống lửa. 220 Ôi5 nữ nhân khốn khổ, Sanh gia cảnh khốn cùng, Người phải chịu khô đau5 Vô lượng không kể xiết. Nước mắt người đã khóc, Trải nhiều ngàn lần sanh. 221. Ta thấy giữa nghĩa trang, Thịt con ta bị ăn, Gia đình bị tàn hại, Bị mọi người khinh bỉ, Tuy vậy, người chêt chông, Đạt được sự bất tử. 222. Ta tu tập Thánh dạo, Đường tám ngành bất tử, Ta chứng được Niêt-bàn? Thấy được gương Chánh pháp.

3 Xem Dh. V. 113.

223. Trên ta, mũi tên đâm? Đã được rút ra khỏi,
Gánh nặng đã đặt xuông? Việc nên làm đã làm,
Ta là Trưởng lão Ni, Kisã Gotamĩ,
Với tâm khéo giải thoát, Ta nói lên lời này.
CHƯƠNG XI MƯỜI HAI KỆ (PVẴDASAKANIPATÃ)

§64. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI UPPALAVANNA (Uppaỉavannãtherĩgãthẩ)1 (Thĩg. 144; ThĩgA. 182) Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở Sãvatthi, con gái của vị trưởng kho bạc. Vì da cô màu tim của sen xanh, nên cô được gọi là Uppalavanna. Khi cô đến tuổi trưởng thành, vua và thường dân giành nhau đến cưới cô. Vị trưởng kho bạc không thể làm cho mọi người bằng lòng, bèn nghĩ đến một kế để giải quyết. Ong cho gọi Uppalavannã và yêu câu cô xuất gia. Vì căn cơ đã thuân thục, cô nhận lời ngay, và cô được đưa đến tinh xá Tỷ-kheo-ni để xuất gia. Sau một thời gian, khi cô phụ trách công việc dọn dẹp phòng làm lễ Bố- tát, cô thắp ngọn đèn để quét phòng, rồi lấy ngọn đèn làm tướng để thiền quán, không bao lâu cô chứng được quả A-la-hán. Cô trở thành vị Ni Thần thông đệ nhat. Và bậc Đạo sư ngồi giữa đại chúng ở Jetavana ấn chứng cho cô là Thần thông đệ nhất. Cô sống an lạc với thiền, Thánh quả và Niết-bàn. Một ngày nọ, khi đang quán sát sự nguy hiêm, hạ liệt và uê nhiêm của các dục, cô thôt lên những lời kệ với trưởng lão bên bờ sông Hằng về nỗi đau buồn khi mẹ và con gái phải sống chung chồng:

224. Hai, mẹ và con gái, Chúng tôi sống một chồng, Lời cô đã nói lên, Làm ta xúc động mạnh, Cảnh ngộ thật hy hữu, Làm tóc lông dựng ngược. 225. Đáng ngán thay các dục, Bất tịnh, hôi, nhiều gai, Ở dây, mẹ, con gái, Chúng tôi lấy một chồng. 226. Thấy nguy hiểm trong dục, Viên ly, an ôn vững, Cô xuất gia Vương Xá, Bỏ nhà, sống không nhà.

1 Xem s. I. 131, Uppalavannãsutta (Kỉnh Uppalavannã)} Ap. II. 551, Uppalavannãtherĩapadãna (Kỷ sự về Trưởng lao Ni Uppalavanna).

II Sung sướng cô nói lên quả chứng của mình: 227. Ta biết các đời trước, Thiên nhãn được thanh tịnh, Trí biết được tâm người, Nhĩ giới được trong sạch. 228. Ta chứng được thần thông, Lậu tận ta đạt được, Ta chứng Sáu thắng trí, Lời Phật dạy làm xong.2 III Cô hiện lên một thần thông với sự chấp thuận của bậc Đạo sư và nói như sau: 229. Do hóa hiện thần thông, Ta đến xe bốn ngựa, Ta đảnh lễ chân Phật, Thế Giới Chủ Quang Vinh.

IV Cô bị Ác ma đến quấy phá tại rừng cây Sãla và trách móc Ác ma. [Ac ma:] 230. Cô đi đến gốc cây, Đang nở hoa tuyệt dẹp, Cô đến? đứng một mình, Dưới gốc cây có hoa. Cô đến chỉ một mình, Này kẻ dại khờ kia, Sao cô lại không sợ, Có kẻ cám dỗ cô! [Cô] 231. Trăm ngàn người cám dỗ, CÓ đến đây như ngươi, Mảy lông ta không động, Ta không gì hoảng hốt, Ác ma làm gì ta, Khi ngươi đến một mình? 232. Ta có thể biến mất, Hay vào bụng nhà ngươi, Ta đứng giữa hàng mi, Ngươi không thấy ta đứng. 233. Với tâm khéo nhiếp phục, Thần túc khéo tu trì, Sáu thắng trí ta chứng, Lời Phật dạy làm xong. 234. Các dục giống gươm giáo? Chém nát các uẩn ta, Những dục mà ngươi gọi? Là lạc thú cuộc đời, Ngày nay dục lạc ấy, Với ta không hấp dẫn.3 235. Ở tất cả mọi noi, Hỷ lạc được đoạn tận, Khối tối tăm mù ám, Đã bị làm tan nát. Hỡi này kẻ Ác ma! Ngươi hãy biết như vậy9 Ngươi chính là Ác ma, Ngươi đã bị bại trận.4

2 Xem TTzzg. v.70-1. 3 Xem Thĩg. V. 58, 141. 4 Xem Thig. V. 59,61-2, 142, 188, 195, 203.

CHƯƠNG XII MƯỜISÁUKỆ (SOLASANIPATA)

§65. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI PUNNA (Punnãtherĩgũthă)1 (Thĩg. 146; ThĩgA. 199) Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở Sãvatthi trong gia đình ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc)? con gái của một người nô lệ. Cô chứng được quả Dự lưu khi nghe Kinh Sư tử hống} về sau, khi cô hóa độ được một Bà- la-môn tin tưởng nhờ nước làm cho thanh tịnh, được cảm tình của ông chủ, cô được thoát khỏi giới nô lệ, và với sự băng lòng của ông chủ, cô được xuất gia. Và nhờ triển khai thiền quán, cô chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Suy tư trên quả chứng của minh, cô nói lên những bài kệ như sau: 236. Mùa đông ta mang nước, Luôn luôn xuống dòng nước, Ta sợ các hình phạt, Lời trách móc các bà. 237. Hỡi này Bà-la-môn, Ngươi sợ hãi vì ai, Luôn luôn xuông dòng nước, Tay chân run cầm cập. Ngươi phải chịu cảm thọ, Rét lạnh 238. Và cô có biết chăng, Sao cô lại đến hỏi, Vị đã chặn đứng lại, 239. Vị ấy già hay trẻ, Người ấy nhờ rảy nước, 240. Ai nói với ngươi vậy, Người tin nhờ rảy nước, 241. Tất cả những ếch, rùa, Cùng các rắn, cá sấu,

1 Còn được gọi là Punnikã. Xem Ap. II. 611, Punnikãtherĩapadãna (Kỷ sự về Trưởng lão Ni Punnika); J. V. 264, Samkiccqjataka (Chuyện Hiền gia Sanikỉccă), số §530. 2 Xem M. I. 63, Cũlasĩhanãdasutta (Tiểu kỉnh Sư tử hống), số lì; M. ĩ. 67, Mahãsĩhanãdasutta (Đại kinh Sư tử hổng), sổ 12.

242. Kẻ giết bò9 giết heo? Kẻ đánh cá9 săn thú, Các kẻ cướp giết người, Các người làm ác khác, Họ nhờ có rảy nước, Có thể thoát ác nghiệp. 243. Nếu những con sông này, Có thể làm trôi mất, Ác nghiệp xưa ngươi làm, Chúng cũng làm trôi luôn, Các thiện nghiệp ngươi làm, Khiến ngươi thành rỗng không. 244. Phạm chí vì cái gi, Ngươi sợ phải xuống nước, Cái ấy chớ có làm, Chớ để lạnh hại da? 245. Ta đi theo tà dạo, Cô hướng ta Thánh đạo, Thưa cô, ta cho cô, Cái áo thấm nước này. 246. -Ngươi giữ cái áo lại, Ta không muốn cái áo! Nêu ngươi sợ đau khô, Nếu ngươi không thích khổ. 247. Chớ làm các điều ác? Công khai hay kín đáo? Nếu ngươi làm, sẽ làm9 Làm các điều ác nghiệp. 248. Ngươi không thoát đau khổ, Dầu thấy đến, ngươi chạy, Nếu ngươi sợ đau khổ,

Không ưa thích đau khổ. 249. Hãy đến quy y Phật, Quy y Pháp và Tăng, Hãy chấp nhận giới luật, Ngươi sẽ được lợi ích. 250. - Ta đến quy y Phật, Quy y Pháp và Tăng, Ta chấp nhận giới luật, Ta sẽ được lợi ích. 251. Trước ta là bà con, Với tộc họ Phạm thiên, Nay ta là Phạm chí, Chơn thật là như vậy, Ta chứng ngộ Ba minh, Đầy đủ trí Vệ-đà, An ổn đến với ta, Tâm tư được gột sạch.3 Vị Bà-la-môn quy y và thọ năm giới, về sau được nghe bậc Đạo sư thuyết pháp, trở thành một thiện nam và xuất gia. Nhờ tinh cân tu tập, không bao lâu chứng được Ba minh, và nghĩ đến quả chứng của mình, nói lên bài kệ này. Và vị Tỷ-kheo-ni lặp lại bài kệ ấy, trở thành bài kệ của mình.

3 Kệ 248-51, xem Thĩg. V. 288-91.

CHƯƠNG XIII HAI MƯƠI KỆ (ylSATINIPẢTA)

§66. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI AMBAPÃLĨ (Ambapãlĩtherĩgãthẩ)1 (Thĩg. 147; ThĩgA. 206) Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh dưới một gốc cây xoài trong vườn của vua xứ Vesãli và được gọi là Ambapãlĩ. Cô rất đẹp nên đến khi lớn lên, nhiêu vương tôn công tử cạnh tranh đê chiêm đoạt cô. Vê sau, đê tránh những cạnh tranh ấy và cũng do nghiệp lực của cô, cô trở thành một kỹ nữ. Vì lòng tin đối với bậc Đạo su, cô xây dựng một tinh xá trong ngôi vườn của cô và cúng cho đức Phật và chúng Tăng. Khi cô nghe con cô? tức là Trưởng lão Vimala Kondanna thuyết pháp, cô triển khai thiền quán về lý vô thường như thân c6, cô chứng tam minh và nói lên những bài kệ sau đây: 252. Đen như sắc cơn ong, Tóc dài ta khéo uốn, Nay biến đổi vì già, Như vải gai, vỏ cây, Đúng như lời giảng dạy, Của bậc Nói Sự Thật. 253. Thơm như hộp ướp hương, Đầu ta đầy những hoa, Nay biến đổi vì già, Hôi như lông con th6, Đúng như lời giảng dạy, Của bậc Nói Sự Thật. 254. Như rừng khéo vun trông, Lược trâm cài chói sáng, Nay biến đổi vì già, Tóc lơ thơ rơi rụng, Đúng như lời giảng dạy, Của bậc Nói Sự Thật. 255. Trang điểm với bện tóc, Sáng chói nữ trang vàng, Tóc mêm mại êm dịu, Thơm ngát với mùi hương, Nay biến đổi vì già5 Rơi rụng đầu sói trọc, Đúng như lời giảng dạy, Của bậc Nói Sự Thật. 256. Trước lông mày của ta, Chói sáng khéo tô vẽ, Nay biến đổi vì già, Nhăn nheo rơi suy sụp? Đúng như lời giảng dạy, Của bậc Nói Sự Thật.

1 Xem Ap. II. 613, Ambapãlỉtherĩapadãna (Kỷ sự về Trưởng lão Ni Ambapãlĩ).

257. Măt ta xanh và dài, Sáng đẹp như châu báu, Nay biến đổi vì già, Hư hại không chói sáng, Đúng như lời giảng dạy, Của bậc Nói Sự Thật. 258. Lỗ mũi mềm và thon, Sáng chói và trẻ măng, Nay biến đổi vì già, Héo khô và tàn tạ, Đúng như lời giảng dạy, Của bậc Nói Sự Thật. 259. Trước tai ta sáng chói, Như vàng vòng khéo làm, Nay biến đổi vì già, Nhăn nheo chảy xệ xuống, Đúng như lời giảng dạy, Của bậc Nói Sự Thật. 260. Trước răng ta sáng chói, Như búp nụ chuối hoa, Nay biến đổi vì già, Bể gãy, vàng như lúa? Đúng như lời giảng dạy, Của bạc NÓI Sự Thật 261. Ngọt là giọng nói ta, Như chim cu rừng hót, Nay biến đổi vì già, Tiếng bể bị đứt đoạn, Đúng như lời giảng dạy, Của bậc Noi Sự Thật. 262. Trước cổ ta chói sáng, Mêm, đây đặn, nhu nhuyên, Nay biến đổi vì già, Nhiều ngấn và khô cằn, Đúng như lời giảng dạy, Của bậc Nói Sự Thật. 263. Trước cánh tay của ta, Sáng như hai cột tròn, Nay biến đổi vì già, Như hoa kèn yết ớt, Đúng

như lời giảng dạy, Của bậc Nói Sự Thật 264. Trước bàn tay của ta, Mềm mại như cành hoa, Sáng như nữ trang vàng, Nay biến đổi vì già, Như rễ cây khô cằn, Nhăn nheo và thô nhám, Đúng như lời giảng dạy, Của bậc Nói Sự Thật. 265. Trước vú ta sáng chói, Căng, thăng và tròn dây, Nay biến đổi vì già? Trống rỗng treo lủng lẳng, Như túi da hết nước, Trống không, không căng tròn, Đúng như lời giảng dạy, Của bậc NÓI Sự That. 266. Trước thân ta chói sáng, Như giáp vàng đánh bóng, Nay biến đổi vì già, Đầy vết nhăn nhỏ xíu, Đúng như lời giảng dạy, Của bậc Nói Sự Thật. 267. Trước băp vê của ta, Sáng chói như vòi voi, Nay biến đổi vì già, Giống như những ống tre, Đúng như lời giảng dạy, Của bậc Nói Sự Thật 268. Trước ống chân của ta, Mầm mại điểm vòng vàng, Nay biến đổi vì già, Chẳng khác gậy cây mè9 Đúng như lời giảng dạy, Của bạc Nói Sự That.

TRƯỞNG LÃO NI KỆ 1139

269. Trước chân ta chói sáng, Với lông mềm như bông, Nay biến đổi vì già, Nứt nẻ đầy đường nhăn, Đúng như lời giảng dạy, Của bậc Nói Sự Thật. 270. Thân này là như vậy, Nay già chứa nhiều khổ, Ngôi nhà đã cũ kỹ, Vôi trét tường rơi xuống, Đúng như lời giảng dạy, Của bậc Nói Sự Thật. Và vị Trưởng lão Ni thấy được những hình tướng vô thường trên thân của mình, nhận thức được tánh vô thường của ba giới: Dục giới, sắc giới và Vô sắc giới, tâm tư quán triệt tánh vô thường, khô, vô ngã và phát triên tuệ quán trên con đường tu tập, chứng được quả A-la-hán.

§67. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI ROHINĨ (Rohinītherīgāthẩ) (Thīg. 150; ThīgA, 214) Trong thời đức Phật hiện tại, cô sanh ở Vèsãli, trong nhà một phú gia Bà- la-môn và được đặt tên là Rohinĩ (con bò nâu đỏ). Đến tuổi trưởng thành, khi đức Phật còn ở Vesãli, cô đến nghe pháp, chứng được quả Dự lưu. Rồi cô giảng pháp cho cha mẹ, cha mẹ chấp nhận pháp và cho phép cô xuất gia. Cô khai triển thiền quán và không bao lâu chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Suy tư đến một cuộc đàm thoại về pháp với phụ thân khi cô mới chứng quả Dự lưu, cô nói lên sự phấn khởi của cô với những bài kệ sau đây về nội dung cuộc đàm thoại: 271. Cô chỉ cho ta thấy, Đây là một Sa-m6n, Cô thức ta tỉnh dậy, Đây là một Sa-môn, Cô khen tặng Sa-môn? Muốn thành nữ Sa-môn. 272. Cô tìm cho Sa-môn, Rất nhiều đồ ăn uống, Này hỡi Rohinĩ, Sao cô quý Sa-môn? 273. Họ nhác, không thích làm, Sống với đồ người cho, Họ ham lợi, thích ngọt, Sao cô quý Sa-môn? 274. Cha thân, đã lâu rồi, Cha hỏi về Sa-môn, Con sẽ tán thán họ, Tuệ, giới hạnh tinh cần. 275. Họ thích làm, không nhác? Họ làm việc tối thắng, Họ trừ bỏ tham, sân, Vì vậy con quý họ. 276. Ba cội gôc điêu ác, Họ quét sạch, thanh tịnh, Mọi điêu ác đoạn tận, Vì vậy con quý họ. 277. Thân nghiệp họ trong sạch, Khẩu nghiệp họ cũng vậy, Ý nghiệp họ trong sạch, Do vậy con quý họ.

1140 KINH TIỂU Bộ

278. Không cấu uế, giải thoát, Như vỏ ốc trong sạch, Trong sạch cả bên trong, Trong sạch cả bên ngoài, Công đức họ trắng tinh, Do vậy con quý họ. 279. Nghe nhiều, thọ trì pháp, Mạng sống đúng Chánh pháp, Họ thuyết nghĩa, thuyết pháp, Do vậy con quý họ. 280-81. Nghe nhiều, thọ trì pháp, Mạng sống đúng Chánh pháp, Nhất tâm giữ chánh

niệm, Lời sáng suốt khiêm nhường, Họ châm dứt đau khô, Do vậy con quý họ. 282. Từ làng họ ra đi, Không nhìn ngó vật gì, Họ đi không mong chờ, Do vậy con quý họ. 283. Không tầm cầu kho tàng, Không kho chứa, kho cất, Họ tầm cầu cứu cánh, Do vậy con quý họ. r 284. Họ không nắm giữ tiền, Không năm vàng, năm bạc, Họ sống với hiện tại, Do vậy con quý họ. 285. Từ gia đình, quốc độ? Họ xuất gia khác nhau, Nhưng họ thương kính nhau, Do vậy con quý họ. 286. Hỡi này Rohinĩ, Cô sanh trong gia đình, Cô đem lại hạnh phúc, Cho gia đình chúng tôi, Cô tin Phật, Pháp, Tăng, Lòng tín kính sắc bén. 287. Cô biết rõ cái này, Là ruộng phước vô thượng, Chúng tôi cùng tín kính, Các vị Sa-môn này, 288. Tế đàn thiết lập đây, Đối với tôi rất lớn. Nêu cha sợ đau khô, Nếu cha không thích khổ, 289. Hãy quy y Phật-đà, Quy y Pháp và Tăng, Hãy chấp nhận giới đức, Cha sẽ được hạnh phúc. 290. - Tôi quy y Phật-đà, Quy y Pháp và Tăng, Tôi chấp nhận giới luật, Tôi sẽ được hạnh phúc. 291. Lúc trước ta chỉ là, Bà con của Phạm thiên, Nay ta thật chính là, Một vị Bà-la-môn, Ta chứng đạt Ba minh, Được an toàn yên ổn, Ba Vệ-đà chứng ngộ, Ta tắm rửa thật sạch.2 Và vị Bà-la-môn sau khi quy y và thọ các giới, xin xuất gia và chứng quả A-la-hán. Nghĩ đến sự chứng quả vị này nói lên những câu kệ cuối cùng để tỏ lộ sung sướng của mình.

2 Kệ 288-91, xem Thĩg. V. 248-51.

TRƯỜNG LÃO NI KỆ 1141

§68. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI CÃPÃ (Cãpãtherĩgãthăý (Thĩg. 151; ThĩgA. 220) Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở xứ Vankahãra, trong làng những người thợ săn đặt bẫy mồi, con người chủ thợ săn và được đặt tên là Cãpã. Trong lúc ây, upaka một ân sĩ khô hạnh gặp bậc Đạo sư khi Ngài đi từ Bồ-đề đạo tràng đến Ba-la-nại để chuyển pháp luân và hỏi Ngài: "Này Ngài, hình như Ngài được dồi dào sức khỏe. Da của Ngài thật trong sáng. Này Ngài, Ngài từ ai xuất gia? Vị đạo sư của Ngài là ai? Hay Ngài tin tưởng giáo lý gi?” Và bậc Đạo sư trả lời như sau: Ta chinh phục tất cả, Mọi sự việc, Ta biết, Sống giữa vật không nhiễm, Ta từ bỏ tất cả, Mạng chung, ác đoạn tận, Kiến thâm sâu, Ta chứng, Ta chỉ ai cho ông, Ta không có Bổn sư, Trên đời đứng một mình, Không ai sánh bằng Ta. Nay Ta đang đi đến, Thành phố Ba-la-nại, Đê vận chuyên pháp luân, Quay bánh xe Chánh pháp, Thức tỉnh và hướng dẫn, Quân chúng đang mê muội. Đánh tiếng trống bất tử, Rưới cam lồ giải thoát. Vị ân sĩ, biêt được sự giác ngộ và sứ mạng của Ngài nên nói: "Này Ngài, mong rằng sự việc sẽ như Ngài nói, Ngài xứng đáng là bậc Chiến Thắng Bất Diet.” Rồi Upaka đi con đường tắt đến Vaủkahãra, và sống gần chỗ các người thợ săn. Người chủ thợ săn lo cung phụng cho Upaka. Một hôm9 người chủ đoàn thợ săn đi săn băn xa với các con trai và anh em, bảo Cãpã lo cúng dường cho upaka. Nhưng Cãpã rât đẹp và khi Upaka đên tại nhà đê khât thực, upaka mê say sắc đẹp của cô đến nỗi ăn không được, phải đem thức ăn về nhà và nguyện thà chịu chết nếu không lấy được Cãpã. Sau bảy ngày, người chủ thợ săn trở vê hỏi vị A-la-hán của mình ở đâu, và được biêt upaka chỉ đên nhà mình một lần rồi thôi không đến nữa. Người thợ săn tìm đến Ưpaka và upaka than khóc thú nhận sự đăm say của mình. Người thợ săn hỏi Upaka có biêt nghê gì không, upaka trả lời là không và chịu đi lượm các loài chim thú bị bắt được đem bán. Người thợ săn bằng lòng, cho Ưpaka một

cái áo khoác ngoài, đưa về nhà và gả Cãpã cho. Sau một thời gian, Cãpã sanh được một người con trai và đặt tên là Subhadda. Khi đứa con khóc, Cãpã liền hát lên như sau để chế nhạo chông mình: “Con của Upaka! Con của vị ân sĩ! Con kẻ bán đô săn! Chớ khóc, chớ khóc này con." Cuối cùng, Ưpaka tức quá trả lời: "Này Cãpã, đừng nghĩ rằng không có ai che chở cho ta! Ta có một người bạn, một vị Chiến Thắng Bất

3 Tham chiếu: Thag. V. 1209; Thĩg. V. 189,291, 312; s. II. 185, Puggalasutta (Kỉnh Người); Dh. V. I9l; It. 17, Atthipunjasutta (Kinh Đong xươngỴ Pháp củ kỉnh "Thuật"phật phẩm,, (04 0210.22. 0567a01); Phap^ củ thidy kinh 2A1 dục pham?,(r.04.
0211.32. 0600c22); Xuất diệu p” (T.Ó4. 0212.28. 0736b06); Pháp tạpyếu tụng
kinh t4Quán sat phẩm,, (704. 0213.27. 0791b03).

Diệt, ta sẽ đên với người bạn 2y." Cãpã biêt chông mình tức giận, nhimg vân trêu chọc chông. Cho đên một hôm, Upaka cưcnig quyêt ra di, cô cô cản ngăn nhưng không được và cuối cùng Upaka ra đi để gặp Thế Tôn ở Sãvatthi. Thế Tôn dặn các Tỷ-kheo khi nào có ai đến hỏi: uVị Chiến Thắng Bất Diệt ấy ở đâu?5\ thời đưa người ấy vào gặp đức Phật. Khi upaka đến tirủi xá và hỏi: Chiến Thắng Bất Diệt ấỵ ở dâu?“, các Tỷ-kheo đưa upaka đến gặp đức Phật. Đức Phật cho upaka xuất gia và cuối cùng upaka chứng được quả Bất lai. Sau khi mạng chung, Ưpaka được sanh lên cõi trời Avihã; và sau khi tái sanh, Ưpaka chứng được quả A-la-hán. Còn Cãpã đau buồn vì chồng bỏ di, giao con lại cho ông ngoại rồi đi theo upaka, xin được xuất gia và chứng được quảA-la-hán. Và lấy bài kệ của Upaka hợp chung với bài kệ của cô, cô nói lên sự phấn khởi của mình: upaka nói: 292. Ta trước tay cầm gậy, Nay ta thành thợ săn, Sa đầm lầy khốn cùng, Ta không đến bờ kia. 293. Cãpã chọc đứa con, Mỉa mai ta say dắm, Chặt trói buộc Cãpã? Ta nay đã xuất gia. Cãpã nói: 294. Chớ có tức giận em, Hỡi bậc Đại chiến thắng, Chớ có tức giận em, Hỡi bậc Đại ẩn sĩ, Kẻ bị giận chi phối, Khổ hạnh khó thanh tịnh. 295. Ta sẽ rời Nãlã! Ai ở lại Nãlã, Khi nếp sống đúng pháp, Tại đấy vị Sa-môn5 Bị sắc đẹp nữ nhân, Trói buộc vào quyến rũ. 296. Hãy trở lại thưa chàng, Chàng mắt đen của thiếp, Hãy hưởng thọ dục lạc, Như trước chàng đã hưởng, Thiếp xin phục tùng chàng, Lại còn bà con thiếp. 297. Này Cãpã, phần tư, Điều cô đã nói lên5 Đối kẻ say mê cô, Có thể thành lớn mạnh. 298. - Chàng mắt đen của thiếp, Thiếp chẳng đẹp hay sao, Như cây lựu nảy mâm, Nở hoa trên đầu núi, Như dây leo giăng hoa, Hay như bông thổi kèn, Trong nội địa hoang đảo, Hãy nhìn săc đẹp thiêp. 299. Ướp thơm với mùi hương, Hương chiên-đàn đỏ thắm, Thiếp mặc lụa Kãsi, Lụa Kãsi tối thượng, Thiếp đẹp như thế này, Sao chàng bỏ rơi thiếp. 300. Như thợ săn bắt chim, Muốn dùng mồi bắt chim, Dầu bủa giăng sắc đẹp, Cô không ngăn ta được!

301. Còn đứa con trai này, Do chàng, thiêp sanh ra, Chàng mắt đen của thiếp, Sao chàng lại từ bỏ, Đứa con trai của thiếp, Đứa con trai của chàng. 302. Bậc trí bỏ con trai, Bỏ bà con, tài sản, Bậc Đại hùng xuất gia, Như voi biết trói buộc. 9 r 303. Con trai này của chàng, Nay thiêp dùng gậy dao, Đánh ngã nó trên đất, Hãy tự cứu con chàng,

Vì sâu muộn đứa con, Chàng không thể bỏ đi. 304. Nếu cô quăng con trai, Cho chó sói, loài chó, Kẻ sanh con trai ta, Không động lòng trắc ân, Cô sẽ không làm được, Khiến ta quay trở lại. 305. - Nay mong chàng tốt lành, Chàng mắt đen của thiếp, Chàng sẽ đi đến đâu? Làng nào, thị trấn nào? Chàng đi thành phố nào? Chàng đi kinh đô nào? 306. Xưa đời sống chúng tôi, Tổ chức thành đồ chúng, Không phải là Sa-môn, Chúng tôi tưởng Sa-môn. Chúng tôi sống bộ hành, Làng này qua làng khác, Sống trong những thành phố, Cũng như tại thủ đô. 307. Nay Phật, Thế Tôn này, Dọc bờ sông Ni-liên, Ngài thuyết giảng Chánh pháp, Cho các loài hữu tình, Đoạn tận mọi khổ đau, Ta nay đi đến Ngài, Ngài sẽ là Đạo sư, Đạo sư của chúng ta. 308. Nay chàng đi đảnh lễ, Bậc Thế Tôn Vô Thượng, Đi hữu nhiễu quanh Ngài, Dâng Ngài lòng cung kính! 309. Cãpã, như cô nói, Lợi ích cả hai ta, Nay ta thay mặt cô, Le Thế Tôn Vô Thượng, Đi hữu nhiễu quanh Ngài, Ta dâng lòng cung kính! 310. Rời Nãlã ra di, Dọc sông Ni-liên-thiền, Thấy bậc Chánh Đẳng Giác, Thuyết pháp đạo bất tử. 311. Thuyết khổ, khổ tập khởi, Vượt qua sự đau khổ, Thuyết đường Thánh tám ngành, Đưa đến khổ tịnh chỉ.4 312. Đảnh lễ chân Ngài xong, Hữu nhiễu quanh Ngài xong, Trình lên lời ước nguyện, Của Cãpã vợ chàng. Rồi chàng xin xuất gia, Sống đời không gia đình, Chứng đạt được Ba minh, Làm xong lời Phật dạy.

4 Xem Thĩg. V. 186, 193, 322.

§69. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI SUNDARĨ (Sundarītherīgāthẩỷ (Thĩg. 153; ThĩgA. 228) Trong thời đức Phật hiện tại, cô sanh ở Benares (Ba-la-nại), con của Sujata, một Bà-la-môn. Vì thân cô đẹp đẽ? cô được gọi là Sundarĩ. Khi cô lớn, em trai cô chết, cha cô quá đau khổ đi lang thang và gặp Trưởng lão Ni Vasitthĩ. Khi Trưởng lão Ni hỏi cha cô bị đau khổ gì, cha cô trả lời bằng hai câu kệ đầu. Để làm nhẹ bớt đau khô, Trưởng lão Ni nói hai câu kệ tiếp và nói lên tâm trạng giải thoát khỏi đau khổ của chính cô. Vị Bà-la-môn hỏi làm sao Trưởng lão Ni lại được giải thoát khỏi đau khổ như vậy, vị Trưởng lão Ni trả lời về Ba ngôi báu và sự quy y. Khi được biết bậc Đạo sư nay ở Mithilã, vị Bà-la-môn đánh xe đến Mithilã yết kiến đức Phật. Đức Phật thuyết pháp, vị Bà-la-môn khởi lòng tin, xin xuất gia, vào ngày thứ ba chứng quả A-la-hán sau khi tinh tấn, tinh cần phát triển thiền quán. Người đánh xe, đánh xe về nhà vị Bà-la-môn và nói cho nữ Bà-la-môn sự việc đã xảy ra. Sundarĩ nghe vậy, cô xin mẹ xuất gia. Bà mẹ nói nay toàn thể tài sản đều thuộc của cô, hãy thọ hưởng tài sản ấy. Sundarĩ nói rằng tài sản không có nghĩa gì đôi với cô, cô chỉ muôn xuất gia. Sau khi được bà mẹ băng lòng, cô bỏ cả tài sản như những vật vô giá trị. Nhờ tinh cần tinh tấn, nhờ chủng tử tốt lành, nhờ trí tuệ chín muồi, không bao lâu cô chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Sống trong sự an lạc giải thoát, cô nghĩ: “Ta sẽ rống lên tiếng rống con sư tử trước mặt bậc Đạo su!” Sau khi xin phép vị Thầy của mình, cô rời khỏi Benares với một số đông Tỷ-kheo-ni, và cuối cùng đến Sãvatthi yết kiến đức Phật, đảnh lễ Ngài rồi đứng một bên. Đứng một bên, cô nói lên chánh trí của cô, xem mình như là con gái được sanh ra từ miệng đức Bổn Sư. Và tất cả bà con c6, bắt đầu từ mẹ cô và các người hầu cận đều xuất gia. Suy nghĩ đến quả chứng của mình và dùng lời tuyên bố của người

cha, cô nói lên sự phấn khởi của cô như sau: [Sujata:] 313. Hỡi nữ Bà-la-môn, Những con cô đã chết, Trong thời gian quá khứ, Thần chết ăn nghiến chúng, Cả ngày và cả đêm, Khô đau nung nâu cô. 314. Nay có đến bảy con, Bị thần chết vồ lấy, Nhưng này Vãsitthĩ, Chính vì lý do gì, Cô không bị đau khổ, Não hại và nung nấu?

5 Tham chiếu: Thag. V. 1209; Thĩg. V. 189,291,312; s. II. 185, Pùggaỉasutta (Kinh Người); Dh. V. 191; It. 17, Atthipunjasutta (Kinh Đông xương); Pháp củ kinh uThuật Phật phâm,^ (04. 021205 aÓl);FR củ thỉ dykinh 2A1 dục pham,5 (T.04. 0211.32. 060ỎC22); Xuất diệu kinh 44Quan phamn (7.04. 0212.28. 0736ÒO6); Pháp tập yếu tụng kỉnh ctQuán sát phẩm,, (T.04. 0213.27. 0791b03).

[Vãsitthĩ] 315. Nhiêu frăm con trai ta, Hàng trăm chúng bà con, Đã bị thần chết ăn, Của ta và của ngươi! 316. Ta biết đường giải thoát, Khỏi sanh và khỏi chết, Ta không sầu, không khóc, Ta không bị nung nấu. [Siýãta:] 317. Hỡi co Vãsitthĩ, Vi diệu thay, lời người! Cô biết pháp của ai, Cô nói được như vậy? [Vãsitthĩ:] 318. Hỡi này, Bà-la-môn, Bậc Chánh Đẳng Giác này, Ở thành Mithilã, Ngài thuyết cho hữu tình, Chánh pháp thật vi diệu, Đoạn tận mọi khổ đau. 319. Hỡi này Bà-la-môn9 Ta nghe La-hán ấy, Thuyết pháp không sanh y, Ở đây, nhờ hiểu rõ? Ta biết pháp vi diệu, Sầu vì con quét sạch. [Sụjãta:] 320. Con sẽ đi ngay đến, Thành phố Mithilã! Mong bậc Thế Tôn ấy, Giúp con thoát mọi khổ, Bà-la-môn thấy Phật, Bậc Giải Thoát Mọi Kho. 321. Bà-la-môn thấy Phật, Bậc Giải Thoát Vô Sanh, Bậc Mâu-ni Vượt Khổ, Thuyết pháp cho vị ây. 322. Thuyết khổ, khổ tập khởi, Vượt qua sự đau khổ, Thuyết Thánh đạo tám ngành, Con đường lắng dịu khổ.6 323. Ở đây hiểu Diệu pháp, Hoan hỷ chọn xuất gia, Sụjãta ba đêm, Chứng đạt được Ba minh. 324. Hãy đi, người đánh xe, Đánh xe này về nhà, Chúc nữ Bà-la-môn, Được sức khỏe, không bệnh, Và nói vị Phạm chí, Nay đã xuất gia rồi, Siýãta ba đêm, Chứng đạt được Ba minh. 325. Người đánh xe lấy xe, Cùng với ngàn đồng tiền, Chúc nữ Bà-la-môn, Được sức khỏe, không bệnh, Và nói vị Phạm chí, Nay đã xuất gia rồi, Siụãta ba đêm9 Chứng đạt được Ba minh. [Mẹ của Sundarĩ:] 326. Hỡi này người đánh xe, Xe ngựa, ngàn tiên này, Khi nghe vị Phạm chí, Đã đạt được Ba minh, Ta cho ngươi đầy bát, Cả xe và ngàn tiên.

6 Xem Thĩg. V. 186, 193, 311.

327. - Hỡi nữ Bà-la-môn! Hãy giữ lại cho ngươi, Xe ngựa và ngàn tiền, Tôi sẽ đi xuất gia, Sống thân cận gần gũi, Bậc Tn Tuệ Tôi Thăng. 328. - Vòi, trâu bò và ngựa, Châu báu và vòng vàng, Những gì làm gia tài, Trở nên giàu có này, Cha con đã xuất gia, Đã bỏ lại tất cả... Này con Sundarĩ, Con thừa tự gia đình, Hãy thọ hưởng tài sản, Của đại gia đình này. 329. - Vòi, trâu bò và ngựa, Châu báu và vòng vàng, Những gì làm gia tài, Trở nên cám dỗ cô, Sầu khổ vì đứa con, Cha con đã xuất gia, Đã từ bỏ tất cả Gia sản sự nghiệp này, Con nay sẽ xuất gia, Sầu khổ vì anh con. 330. Hỡi này Sundarĩ, Nêu đây ước nguyện con, Mong răng tâm tư\ ây, Được thành tựu viên mãn9 r \ Nuôi sông băng đô ăn9 Tích lũy nhờ khất thực, Y áo được tác thành, Với miếng vải lượm lặt, Những nếp

sống như vậy, Được thành tựu viên mãn. Khiến lậu hoặc đoạn tận, Trong thế giới đời sau. [Sundarĩ:] 33 L Kính thưa Trưởng lão Ni, Con đã học, tu tập, Thiên nhãn được thanh tịnh, Con biết các đời trước, Tại chỗ con được sống, Trước kia như thế nào.7 332. Nhờ Ni su, con được, Ôi, bạn lành của con! Bậc Sáng chói tốt đẹp, Trong chúng Trưởng lão Ni Ba minh đã chứng đạt, Lời Phật dạy làm xong. 333. Ni sư hãy cho phép, Con đi đến Xá-vệ? Con sẽ rống vang lên, Tiêng rông con sư tử, Trước mặt bậc Giác Ngộ, Phật-đà, bậc Tối Thượng. 334. - Hỡi này Sundarĩ, Cô thấy bậc Đạo sư, Màu da sắc màu vàng, Như vàng ròng sáng chói! Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, Không điều gì sợ hãi? Bậc Đã Điều Phục Được, Kẻ chưa được điều phục. 335. Đang đi đến trước Ngài, Ngài thấy Sundaiĩ! Ly tham, không hệ lụy, Giải thoát, không sanh y, Đã làm việc phải làm, Không còn các lậu hoặc.

7 Xem Thĩg. V. 104.

336. Từ thành Ba-la-nại, Con đã bước ra di, Con đến bậc Đại Hùng, Con là Sundaiĩ, Con chính đệ tử Ngài, Con đảnh lễ chân Ngài. 337. Ngài là bậc Giác Ngộ, Ngài là bậc Đạo su, Con là con gái Ngài, Ôi5 bậc Bà-la-môn! Con sanh từ miệng Ngài, Đã làm việc phải làm, Không còn có lậu hoặc, Con là Sundarĩ. 338. — Hiền nữ, Ta mừng con, Đường còn lại không xa, Như vậy bậc Tự điều, Đảnh lễ chân Đạo sư, Bậc Ly Tham, Ly Hệ, Không hệ lụy trói buộc? Đã làm việc phải làm, Không còn các lậu hoặc.

§70. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI SUBHÃ, CON NGƯỜI THỢ VÀNG ^Subhãkammãradhĩutherĩgãthầ) (Thĩg. 156; ThĩgA. 236) 339. Ta trước mặc áo trắng, Được nghe giảng Chánh pháp5 Do ta không phóng dật, Chứng tri được chân lý. 340. Nhờ vậy đối mọi dục, Không còn tham muôn lớn, Thấy sợ hãi thân kiến, Ta mong muôn viên ly. 341. Ta bỏ chúng bà con, Bỏ lao công, nô tỳ, Làng ruộng đất phì nhiêu, Khiển người thích hân hoan. 342. Từ b6, ta xuất gia, Gia sản đâu có ít, Nhờ Diệu pháp khéo thuyết, Ra đi với lòng tin. 343. Ta không thể hy cầu, Vật gì thuận gia sản9 Vàng bạc ta đã bỏ, Sao lại đi đến chúng? 344. Vàng bạc không giác ngộ, Không làm người an tịnh, Không hợp hạnh Sa-môn5 Không phải tài sản Thánh. 345. Chính vàng hay bạc này, Làm tham ái5 đắm say, Làm con người ngu si, Làm tăng trưởng bụi trần, Nguy hiêm nhiêu ưu não, Đây không gì trường cửu. 346. Đây loài người tham đăm9 Phóng dật, tâm uế nhiễm, Chống đối, thù địch nhau, Rộng đường, đấu tranh nhau. 347. Giết hại, trói, tra tấn, Hao tài, sầu, ưu tư5 Những ai chìm trong dục, Gặp phải nhiều tai họa. 348. Vì sao bà con ta, Giống như kẻ thù ta, Lại trói buộc ta vào, Trong vòng các dục lạc, Hãy biết ta xuất gia, Vì thấy dục đáng sợ.

349. Bạc, vàng không có thể, Đoạn được các lậu hoặc5 Các dục là thù địch, Sát nhân, chuyên giết hại, Chúng là kẻ oán thù, Là mũi tên, dây trói. 350. Vì sao bà con ta, Giống như kẻ thù ta, Lại trói buộc ta vào, Trong vòng các dục lạc, Hãy biết ta xuất gia, Cạo tóc đắp đại y. 351. Nuôi sống bằng đồ ăn, Tích lũy nhờ khất thực, Y áo được tác thành, Với miếng vải lượm lặt, Sống vậy thích hợp ta, Cơ bản, sống không nhà. 352. Dục, Đại sĩ từ

bỏ, Dục loài trời, loài người, Trú an ổn? giải thoát, Không dao động, an lạc. 353. Chớ để ta đến dục, Trong dục không an toàn, Dục? thù địch sát nhân, Gây khổ dụ đống lửa. 354. Đường hiểm đầy sợ hãi, Đầy khổ hoạn, gai góc, Tham ái đường gập ghênh, Cội căn lớn của si. 355. Tai họa đầy hãi hùng, Các dục dụ đầu rắn, Kẻ ngu thích thú dục, Kẻ mù lòa, phàm phu. 356. Chúng sanh chìm bùn đục9 Những kẻ không thấy đời, Họ không có rõ biết, Sự chấm dứt sanh tử. 357. Loài người vì nhân dục, Con đường đến ác thú? Phân nhiêu đi đường ây, Khiến tự ngã bệnh hoạn. 358. Như vậy dục sanh thù, Nung nâu, làm uê nhiêm, Dục thuộc về thể vật, Trói người vào tử vong. 359. Dục làm cho điên cuồng, Loạn ngôn, tâm thác loạn, Làm uế nhiễm chúng sanh, Sắp rơi bẫy Ác ma. 360. Dục nguy hiểm khôn cùng, Nhiều khổ, thuốc độc lớn, Ngọt ít, tạo đấu tranh, Héo tàn ngày tươi sáng. 361. Ta quyết định như vậy? Không trở lui dục nhân, Tác thành điều bất hạnh, Luôn vui hưởng Niêt-bàn. 362. Quyết đấu tranh với dục, Chờ đợi mát, lắng dịu, Sẽ sống không phóng dật? Đoạn diệt kiết sử dục. 363. Ta đi theo đường ấy, Đường Đại sĩ đi qua, Không sầu, không cấu uế, An ôn thăng tám ngành. 364. Hãy xem Subhã này, An trú trên Chánh pháp, Con gái một thợ vàng, Đạt được không tham dục, Ngồi hành trì thiền định, Ở dưới một gốc cây.

TRƯỞNG LÃO NI KỆ 1149

365. Hôm nay5 ngày mùng tám, Từ khi cô xuất gia, Với lòng đầy tin tưởng, Sáng chói Chơn diệu pháp, Uppalavannã, Huân luyện, giảng dạy cô, Cô chứng được Ba minh, Vượt qua được thần chết. 366. Cô tự mình giải thoát, Không còn có nợ nần, Là vị Tỷ-kheo-ni, Các căn được tu tập, Ly hệ mọi khổ ách, Việc cần làm làm xong, Đối với các lậu hoặc, Cô đoạn diệt hoàn toàn. 367. Sakka đến với cô, Cùng với chúng chư thiên, Với thần thông diệu dụng, Chúng đảnh lễ Subhã, Cô chỉ là con gái? Con một người thợ vàng, Nhimg nay là Hội chủ, Của mọi loài chúng sanh. Vào ngày thứ tám sau khi cô đã thọ giới, cô chứng quả A-la-hán. Thế Tôn ngồi dưới một cành cây, nói lên bài kệ (364-66) để tán dương cô và chỉ cô cho các Tỷ-kheo biết. Câu kệ cuối cùng do các Tỷ-kheo thêm vào để tán dương Sakka đã đến đảnh lễ cô.

CHƯƠNG XIV BAMƯƠIIẸậ (TIMSANIPATA)

§71. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI SUBHÃ Ở VƯỜN XOÀI CỦA JIVAKA (Subhãjĩvakambavanikãthengãthă) (Thĩg. 159; ThĩgA. 245) Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở Rậjagaha (Vương Xá), trong gia đình một Bà-la-môn nổi tiếng và được đặt tên là Subhã. Chính vì thân the của cô tuyệt đẹp9 nhất là tay chân, nên được gọi là Subhã (Người Đẹp). Khi bậc Đạo sư ở Rajagaha (Vương Xá)? cô khởi lòng tin và trở thành một nữ cư sĩ. về sau, cô nghĩ đến kiếp người, thấy sự nguy hiểm của các dục lạc và thấy được sự an tịnh trong nếp sống viễn ly, cô xuất gia với sự hướng dẫn của bà Mahãpạiãpatĩ. Cô đã phát triển thiền quán và chứng được quả Bất lai. Một hôm, một thanh niên trẻ tuổi ăn chơi ở Rậjagaha đứng nơi vườn xoài của Jĩvaka và thấy cô đi vào vườn để nghỉ trưa. Người thanh niên chặn đường cô lại và xin thỏa mãn dục lạc. Cô nói pháp, dạy cho người thanh niên biết với nhiều bài kệ về sự nguy hiểm của dục lạc và sự lựa chọn của cô đối với đời sống viễn ly, nhưng người thanh niên không nghe cô nói, vẫn đòi thỏa mãn dục lạc. Vị Trưởng lão Ni, lúc này không dùng những lời khuyên nhủ

nữa, thấy người thanh niên mê say con mắt của mình, liền móc một con mắt đưa cho người thanh niên và nói đây là con mắt có tội của cô. Người thanh niên hoảng sợ9 khủng khiếp và xin lỗi cô. Cô đi đến trước vị Đạo sư và khi thấy Ngài, con mắt của cô được chữa lành như cũ. Do vậy, trước đức Thế Tôn, cô chấn động, hoan hỷ tột cùng. Bậc Đạo sư biết được tâm trạng của cô nên khích lệ và giúp cô đạt được quả vị cao nhất. Điều phục tâm hoan hỷ của mình, cô phát triển thiền quán, chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Sau đó, an trú trong an lạc Niết-bàn, cô nghĩ đến những gì đã chứng được và nói lên câu chuyện của mình với người thanh niên ăn chơi bằng những bài kệ như sau: 368. Trong rừng xoài tươi đẹp? Của ông Jivaka, Tỷ-kheo-ni Subhã, Đang bộ hành đi tới. Có chàng trẻ ăn choi, Ngăn chặn Subhã lại, CÔ nói với người ây, Những lời nói như sau: 369. Ta đã xúc phạm gì5 Đe ông đứng chặn ta? Thật là không xứng đáng, Để một người đàn ông? Xúc phạm nữ xuất gia, Hỡi Hiền giả, hiểu cho.

1152 KINH TIÊU Bộ

370. Bậc Tôn sư ta day, Chính học pháp như vậy, Được bậc Thiện Thệ thuyết, Là con đường thanh tịnh, Không có câu uê nào, Sao ông đứng chặn ta? 371 . Tâm ta thật thanh tịnh, Tâm người không thanh tịnh, Tâm người đầy tham ái? Ta không tham, không uế, Mọi nơi ý giải thoát, Sao ông đứng chặn ta? 372. Cô trẻ, không ác pháp, Cô xuất gia làm gì? Hãy bỏ áo cà-sa! Đến lạc hưởng rừng hoa. 373. Toàn hoa tỏa hương ngát, Cây rưới bụi muôn hoa, Xem tuổi xuân, tuổi trẻ, Là thời tiết hạnh phúc, Hãy đến thọ hưởng lạc, Trong rừng nở trăm hoa. 374. Con đường dưới vòm hoa, Xào xạc gió lay động, Cô được lạc thú gì, Khi một mình vào rừng? 375. Trú xứ chúng thú dữ, Vang tiếng voi rống dục, Rừng lớn trống không người, Nhiều hiện tượng hãi hùng, Cô lại muốn đi vào, Không một ai bạn đường. 376. Như búp bê vàng chói, Giống tiên nữ vườn trời, Cồ đắp vải Kãsi, Đẹp mịn, sáng chói cô. 377. Ta sống nô lệ cô, Nêu cô sông ở rừng, Không một sanh loại nào, Mà ta yêu hơn cô, Hỡi cô mắt dịu hiền, Như mắt Kinnan. 378. Nếu cô theo lời ta, Cô sẽ được hạnh phúc, Hạnh phúc sống gia đình, Sống lâu đài che gió, Sống có các nữ nhân, Hầu hạ phục vụ cô. 379. Mang lụa mịn Kãsi, Dùng vòng hoa, sáp đỏ, Ta làm nhiều trang sức, Vàng, châu báu, ngọc ngà. 380. Cô leo lên giường quý, Gỗ chiên-đàn lõi thơm, Che màn đẹp tinh sạch, Trải nệm mới lông dài. 381. Như sen vươn từ nước, Phục vụ cho phi nhân, Như vậy cô Phạm hạnh, Sống toàn hảo đến già. 382. Ở đây là cái gì, Ông xem là tuyệt diệu, Trong nghĩa địa ứ đầy, Tràn đầy những thân xác, Ông được thấy cái gì, Trong thân xác hủy hoại, Khi ông thốt ra lời, Si mê, vô ý thức? 383. Chính mắt như sơn dương, Như Kinnarĩ giữa rừng, Ta thấy con mắt cô, Dục lạc liền tăng trưởng.

TRƯỞNG LÃO NI KỆ 1153

384. Trong gương mặt không uế, Sáng chói như vàng ròng, Chẳng khác gì hoa sen, Đặt chính giữa đài sen, Thây con măt của cô, Lòng dục liền tăng trưởng. 385. Tuy xa ta vẫn nhớ, Lông mi dài tuyệt đẹp, Không gì ta yêu hơn, Mắt Kinnarĩ của cô. 386. Ông muốn dùng phi dạo, Tìm mặt trăng mà chơi, Muốn nhảy qua Meru, Muốn tìm đến con Phật. 387. Trên đời này, cõi trời, Ta nay không tham ái, Ta không biết người ấy, Người ây như

thê nào, Đường đạo đã giết sạch, Giết hại tận gốc rễ. 388. Quăng đi như hố than, Than hừng đang cháy đỏ5 Đánh giá như thuốc độc, Đang xâm nhập đên thân, Ta không biết người ấy, Người ấy như thế nào, Đường đạo đã giết sạch, Giết hại tận gốc rễ. 389. Hãy cám dỗ nữ nhân, Không có biêt quán sát, Hay Đạo sư người ấy, Đang còn phải học tập, Ông mê hoặc người ấy, Làm hại được người ấy. 390. Còn ta đã chánh niệm, Đối khen chê, lạc khổ? Biết hữu vi bất tịnh, Bám chặt tư tưởng ây. 391. Ta là đệ tử Ni, Của bậc Đại Thiện Thệ, Ta đã dấn thân bước, Trên đường đạo tám ngành, Mũi tên đã nhổ lên, Không còn các lậu hoặc, Ta đi đến nhà trống, Tâm tư ta hoan hỷ. 392. Ta đã được thấy nó, Một búp bê khéo vẽ, Với trục quay gỗ mới, Khéo cột với dây que, Búp bê ấy nhảy múa, Nhiều điệu múa khác nhau. 393. Dây que ấy được rút, Mở lòng rời phân tán, Thành trống không, miếng nhỏ, Chỗ nào ý say đắm? 394. Thân ta ví dụ vậy, Không bộ phận, không động, Không bộ phận, không động, Chỗ nào ý say đắm? 395. Như thấy một bức vẽ, Tô màu đỏ trên tường, Cái thấy ông đảo lộn, Vì trí người thiếu sót. 396. Ảo thuật xem tối thượng, Như cây vàng trong mộng, Mù lòa người chạy theo, Cái trống không, không thật, Như cái trò múa rối, Được xem giữa quân chúng. 397. Mắt tựa như hòn bi, Được đặt trong cái hốc, Chính giữa là con ngươi, Có nước mắt ươn ướt, Nơi đó sanh mủ ghèn, Và mắt xoay nhiều dạng.

1154 KINH TIỂU Bộ

398. Thiêu nữ đẹp tuyệt ây, Với tâm không chấp trước,
Bóc một con mắt cô, Trao liền cho người ấy,
Và nói hãy cầm lấy, Con mắt này của ngươi.
399. Khi ấy tham liền diệt, Ong khân câu xin lôi,
Mong rằng Phạm hạnh Ni, Được an ổn trở lại,
A *
Tôi sẽ không còn dám, Xâm phạm thê này nữa. 400. Hại hạng người thê này, Chẳng khác ôm lửa hừng, Tôi như nắm rắn độc, Mong an ổn tha thứ. 401. Thoát khỏi bị xúc phạm, Vị Tỷ-kheo-ni ấy, Từ đấy đi đến gần, Bậc Giác Ngộ Thù Thắng, Thấy được tướng công đức, Tốt đẹp và thù thắng, Mắt của cô hồi phục, Được trở lại như xưa.

CHƯƠNG XV BÓN MƯƠI KỆ (cattâlĩsanipẢta) §72. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI ISIDÃSĨ ựsidãsĩtherĩgãthă) (Thĩg. 163; ThĩgA. 260) Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở Ụjjenĩ, con gái của một thương gia có giới đức, được kính trọng và giàu có, và cô được đặt tên là Isidãsĩ. Khi đến tuổi trưởng thành, người cha gả cô cho con trai của một người thương gia xứng đôi vừa lứa. Trong một tháng, cô sông với chông đúng với bôn phận của một người vợ trung thành. Nhimg vì nghiệp đời trước của cô, người chồng trở nên lạnh nhạt và đuổi cô ra khỏi nhà. (Sự việc này được ghi rõ trong nguyên bản Pãli). Cô buôn chán bởi vì không muôn hêt lây người chông này đên người chông khác và khi được cha cho phép, cô đã xuât gia tu tập dưới sự hướng dân của Trưởng lão Ni Jinadatta. Sau khi tu tập thiền quán, không bao lâu cô chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Trú trong sự an lạc Niết-bàn, một hôm, sau khi đi khất thực trong thành Patna và ăn xong, cô ngồi bên bờ cát sông Hằng và đáp lời hỏi của Trưởng lão Ni Bodhĩ, cô nói lên kinh nghiệm tu tập của mình ngang qua những bài kệ này. Và để cho

có sự liên hệ giữa các câu trả lời trước và sau, có bài kệ được các vị kết tập về sau thêm vào: 402. Trong thành được đặt tên, Tên chỉ một đóa hoa, 'Tãtaliputta, Con của đóa bông kèn9\ Sống hai Tỷ-kheo-ni, Có giới hạnh tốt đẹp, Thuộc gia đình Thích-ca, Gia đình cao quyền quý. 403. Một Isidãsĩ, Thứ hai tên Bodhí, Cả hai có giới hạnh, Ưa thích tu thiền định9 Được nghe kinh điên nhiêu, Kiết sử được trừ bỏ. 404. Họ đi khất thực xong, Ản xong, bát rửa sạch, Ngồi hưởng lạc viễn ly, Nói lên những lời này: 405. Hỡi Isidãsĩ, Căn cô thật thoải mái, Tuổi thọ chưa tổn giảm, Cô thấy khuyết điểm gì, Khiên tâm chú trọng nhiêu, Đên hạnh nguyện xuât ly.

1156 KINH TIỂU Bộ

406. Như vậy sống viễn ly, Thiện xảo về thuyết pháp, Isidãsĩ thuyết, Lời nói như thế này: Hãy nghe, này Bodhĩ, Ta xuất gia thế nào. 407. Tại thành phố thù thắng, Đặt tên Ujjenĩ, Cha ta là triệu phú, Có đức độ giới hạnh, Ta là con gái một, Được cha thương yêu quý. 408. Từ thành Sãketa, Một người dạm hỏi dến, Một gia đình quyền quý, Hỏi ta cho con trai, Triệu phú bèn gả ta, Làm dâu người giàu ây. 409. Sáng và chiều ta đến, Đảnh lễ cha mẹ chồng, Cúi đầu đảnh lễ chân, Như ta được dạy bảo. 410. Với chị, với em anh, Với bà con chông ta, Thấy một người bước vào, Ta e sợ mời ngồi. 411. về đồ ăn5 uống5 nhai, Được cất giữ có chỗ, Ta thết đãi cho ăn, Thích hợp từng người một. 412. Ta thức dậy đúng thời, Đi vòng quanh khắp nhà, Rồi chà rửa chân tay, Ta đến lễ chồng ta. 413. Cầm theo lược, trang liệu, Thuôc xoa măt5 gương nhỏ, 9 y

Ta trang điêm chông ta, Như thị tỳ hầu hạ. 414. Ta tự nấu dọn cơm, Ta tự rửa chén bát, Như mẹ đối với con, Ta hầu chồng như vậy. 415. Như vậy phục vụ chồng, Với phục vụ tôi thượng, Dậy sớm không biếng nhác, Với tâm tư khiêm tốn, r Với giới hạnh tôt đẹp, Nhưng chồng ác cảm ta. 416. Chồng ta nói mẹ cha: "Xin phép con sẽ đi! Với Isidãsĩ, Con không thể sống chung, Cùng dưới một mái nhà, Con không thể cùng 417. "Chớ nói vậy, này con! Vợ con, người có trí, Thông minh, biết dậy sớm, Sao con không hoan hỷ?" 418. "C6 không hại gì con, Nhưng con không bao giờ, Có thể sống chung được, Với Isidãsĩ, Con ghét cay, chán ngây, Xin phép con sẽ di!" 419. Được nghe lời chồng n6i, Cha mẹ chồng hỏi ta: "Làm gì xúc phạm chông? Hãy thẳng thắn n6i that." 420. "Con không xúc phạm gì! Không hại, không mưu tính. Với lời nói khó chịu, Có thể làm gì được? Tuy vậy chồng của con, Lại ác cảm chống con."

TRƯỞNG LÃO NI KỆ 1157

421. Họ đưa ta về nhà, Nhà thân phụ của ta, Với tâm tư khổ não, Sửng sốt và bối rối, Không muốn mất con trai, Họ muốn bảo vệ n6, Ôi? chúng ta bại trận, Bởi nữ thần may rủi! 422. Cha ta lại gả ta, Cho gia đình thứ hai, Một gia đình giàu c6, Băng lòng nửa sô tiên, Là tiên gả bán ta. 423. Ta chỉ sống một tháng, Trong gia đình vị ấy, Vị ấy trả lui ta, Dầu ta tận tụy làm, Chẳng khác người nô lệ? Không lỗi lầm, có đức. 424. Cha ta nói khất si, Sống điều phục chế ngự, "Ngươd hãy làm rể ta, Bỏ áo rách, ghè binh!" 425. Vị ây sông nửa tháng, Rồi nói với cha ta, "Hãy trả lại áo rách, Ghè bình và bình bát, Con nay muôn sông lại, Nghề khất sĩ của con." 426. Cha mẹ, toàn bà con, Liền nói với vị ấy: "d đây có cái gi, Làm con không bằng lòng? Hãy nói gấp cái gì, Làm con không vừa V?" r

427. Được nói vậy, vị ây, Liền trả lời như sau: “N&u đối với tự ngã, Con có thể bằng lòng, Nhưng con không chung sống, Với Isidasi!^ 428. Từ giã, vị ấy đi, Một mình ta suy nghĩ: r Ta đến để xin phép, Hoặc chêt hay xuât gia. 429. Rồi Jinadattã? Vị Ni sư ấy đến? Trong khi đi khất thực, Đến gia đình cha ta, Vị thọ trì giới luật, Nghe nhiều, có giới hạnh. 430. Thấy Ni sư, chúng tôi, Đều đứng lên kính cẩn, Và ta liền sửa soạn, Chỗ ngồi cho Ni su, Ngồi xuống ta đảnh lễ, Dưới chân bậc Ni sư, Lễ xong ta cúng dường, Các đồ ăn5 đồ uống. 431. Các món ăn, uông5 nhai, Tại đấy được dự trữ, Làm Ni sư thỏa mãn, Ta thưa với Ni sư, Nay ta muốn xuất gia, Sống đời không gia đình, Cha ta nói với ta: “Này con, hãy ở đây! 432. Hành tri đúng Chánh pháp, Với đồ ăn đồ uống, Hãy làm cho thỏa mãn, Sa-môn, hai lần sanh?9 433. Vừa nói, ta khóc lóc? Chắp tay vái cha ta: 66Với điều ác con làm, Con sẽ tiêu nghiệp ấy."

1158 KINH TIỂU Bộ

434. Cha ta nói với ta: "Hãy chứng ngộ Bồ-đề, Và Chánh pháp tối thượng! Hãy chứng đắc Niết-bàn, Đã được Lưỡng Túc Tôn, Thành tựu và chứng dạt!” 435. Ta đảnh lễ mẹ cha, Cùng tât cả bà con, Sau bảy ngày xuất gia, Ta chứng được Ba minh. 436. Ta biết bảy đời trước, Quả gì nay thành thục, Ta sẽ nói cho bạn, Hãy một lòng lắng nghe. 437. Tại thành phố đặt tên? Erakaccha, Ta sống là thợ vàng, Tài sản thật phong phú. 438. Say đắm với tuổi trẻ, Ta xâm phạm vợ người, Do vậy sau khi chết, Trong cảnh giới địa ngục, Ta bị đôt nung nâu, Trong một thời gian dài, Thoát khỏi sự nung đốt5 Ta sanh trong bụng khỉ. 439. Bảy ngày từ khi sanh, Ta bị khỉ chúa thiến, Đây là quả của nghiệp, Do đi đến vợ người. 440. Từ đây ta chết di, Mạng chung rừng Sindha, Sanh trong bụng con dê, Một mắt và què quặt. 441. Mười hai năm bị thiến, Mang nặng những đứa con5 Sán trùng ăn vô bụng, Do đi đến vợ người. 442. Từ đấy ta chết di, Sanh làm con bò cái, Của một lái buôn bò, Con nghé màu đỏ sẫm, Khi được mười hai tháng, Lại bị người ta thiến. 443. Rồi ta lại kéo cày, Kẻo xe cho chúng nó, Mù, lo lắng, vô dụng, Do đi lại vợ người. 444. Từ đấy chết được sanh, Nhà nữ tỳ gần đường, Không là nữ không nam, Do đi lại vợ người. 445. Đến tuổi ba mươi lăm, Bị chết, ta được sanh, Sanh làm người con gái, Gia đình người đánh xe, Nghèo khổ9 ít tài sản, Rơi vào tay vay lãi. 446. Do tiền nợ tăng trưởng, Chủ lữ đoàn bắt ta, Kéo ta, dâu ta khóc, Lôi ta ra khỏi nhà. 447. Khi ta mười sáu tuổi, Lớn lên thành thiếu nữ, Con trai thương gia ấy, Bắt ta lấy làm vợ. 448. Nhưng nó có vợ khác, Có giới đức, danh xưng, Lại biêt thương mên chông, Chính ta tạo thù hằn. 449. Do quả của nghiệp này, Họ khinh ghét chống ta, Dầu ta như nô tỳ, Hầu hạ phục vụ họ9 Nhưng nay ta chấm dứt, Mọi sự việc như trên.

CHƯƠNG XVI ĐẠI TẬP (MAHÃNIPẴTA)

§73. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI SUMEDHÃ (Sumedhãtherĩgãthấý (Thĩg. 167; ThĩgA. 272) Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở thành Mantãvatĩ, con gái của Vua Konca và được đặt tên là Sumedhã. Khi đến tuổi trưởng thành, cha mẹ cô bằng lòng để Anikadatta, vua xứ Vãranavatĩ xem mắt cô. Nhưng từ lúc nhỏ, trong một thời gian dài, cô thường đi cùng với các công chúa trang lứa và những người hầu đến tinh xá nghe các Tỷ-kheo-ni thuyết pháp, vì chí nguyện từ lúc còn nhỏ nên cô sợ hãi sự sanh tử luân hồi, tâm tư thiên về đời sống xuất gia, không ưa thích các dục lạc. Khi nghe

quyết định của cha mẹ và bà con, cô nói: "Bổn phận của con không phải ở trong đời sống gia đình, con sẽ xin xuất gia" và cha mẹ5 bà con không thể khuyên cô từ bỏ quyết định của cô. Cô suy nghĩ: “Nhu vậy, ta sẽ được phép xuất gia” và cương quyết theo chí nguyện của mình, cô cắt tóc và dùng tóc làm đề mục quán chiếu như phương pháp thiền quán của các Tỷ-kheo-ni thường thực tập. Cô chú tâm vào tánh bất tịnh của sắc đẹp thân xác và chứng được Sơ thiền. Khi cô ở trong định Sơ thiền, cha mẹ và bà con đến phòng để nói chuyện gả chồng, nhưng cô khiến cho mọi người, kể cả người hầu cận của vua đến để rước cô về cũng tin vào đạo pháp. Rồi cô từ bỏ gia đình, đi đến tinh xá Tỷ-kheo-ni để xuất gia. Sau khi tu tập thiền quán chín muồi, cô chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Quán chiếu đến thành quả của mình, cô nói lên sự phân khởi, hoan hỷ: 450. Con gái Vua Konca, Với hoàng hậu chánh ngôi, Tại Mantãvatĩ, Được sanh Sumedhã, Hân hoan gắng thực hành, Lời dạy bậc Đạo sư. 451. Giới hạnh thuyết giảng khéo, Nghe nhiều, khéo huấn luyện, Theo lời đức Phật dạy, Cô đến cha mẹ cô9 Nói rằng: “Thua mẹ cha, Cả hai, hãy nghe con! 452. Con hân hoan Niết-bàn, Dâu sanh hữu chư thiên, Sanh hữu ấy vô thường, Giá trị gì các dục, Trống không, vị ngọt ít, Còn tàn hại thời nhiều.

Xem Ap. II. 512, Sumedhãtherĩapadãna (Kỷ sự về Trưởng lão Ni Sumedhã).

453. Các dục thật cay đắng, Ví như nọc rắn độc, Kẻ ngu mới tham đắm, Trong các loại dục ấy. Những ai thọ hưởng dục, Trong một thời gian dài, Bị khổ đau địa ngục, Hành hạ và tàn hại. 454. Những kẻ làm nghiệp ác5 Những kẻ tâm trí ác, Bị đau đớn sầu khổ, Trong cảnh giới đọa xứ. Kẻ ngu thường không nhiếp, Chế ngự thân, khẩu, ý. 455. Kẻ ngu có liệt tuệ, Không tư duy quyết định, Không ngăn chặn khổ tập, Khi có thời thuyết pháp, Không biết lo học hỏi, Không giác tri Thánh đế. 456. Những sự that, thưa mẹ, Phật thù thắng thuyết giảng, Phần lớn chúng quần sanh, Không hiểu sự thật ấy, Họ hoan hỷ tái sanh, Ước muốn sanh thiên giới. 457. Sanh thiên không thường trú, Sanh hữu là vô thường, Kẻ ngu không sợ hãi, Luôn luôn phải tái sanh. 458. Bị sanh bốn đọa xứ, Được sanh thiên, nhân giới, Được chúng khó khăn thay, Những ai rơi đọa xứ, Trong cảnh giới địa ngục, Không có sự xuất gia. 459. Mong cả hai cha mẹ, Cho con được xuất gia, Trong giáo pháp thuyết giảng, Của bậc chứng Mười lực, Sống thong dong nhàn hạ, Nỗ lực đoạn sanh tử. 460. Sao con ưa tái sanh, Với thân tội lỗi này, Thân trống rỗng, không lõi, Vì mục đích đoạn diệt, Tham ái được tái sanh, Xin cho con xuất gia. 461. Nay thời Phật ra đời? Phi thời đã từ bỏ, Thời cơ nay đã đến, Cho đến trọn đời con, Con không làm tổn thương, Giới luật và Phạm hạnh.” 462. Sumedhã nói vậy, Cô lại thưa mẹ cha: “Con nguyện không ăn uông5 Khi còn là cư sĩ, Ở đây con sẵn sàng9 Chờ chết đến với con." 463. Mẹ sầu khổ khóc than, Cha hoàn toàn sửng sốt, Họ gắng thuyết phục ta, Nằm dưới đất lâu dài. 464. “Này, con hãy đứng dậy! Có gì là sầu khổ? Khi con được cả nước, Vãranavatĩ, Anikadatta, Đẹp trai, xứng đôi con. 465. Con sẽ là hoàng hậu, Vợ chính Anika! Này con, thật khó thay! Đời sống vị xuất gia, Giữ gìn các giới luật, Sống đời sống Phạm hạnh.

466. Uy lực của vị vua, Tiền của và quyền thế, Sản nghiệp và hạnh phúc, Với tuổi trẻ thanh xuân, Hãy thọ hưởng dục lạc, Hãy nhận lời lấy chong!" 467. Sumedhã thưa rằng: "Thôi đừng sự việc ấy, Họ đi đến tái sanh, Họ trống không, không lõi, Hoặc xuất gia hoặc chết, Con chỉ cưới như vậy. 468. Sá gì thân hôi nhớp, Phát mùi gây sợ hãi, Bao da đựng xác chết, Rỉ chảy đồ bất tịnh. 469. Sá gì thân ta biết, Ghê tởm, lấm máu thịt, Chỗ chứa đựng loài giòi, Mồi ăn cho chim chóc, Thân xác này là vậy, Nay đem đến cho ai? 470. Thân thể bỏ nghĩa địa, Không lâu mất thức tri, Như khúc gỗ quăng bỏ, Bà con đều ghê tởm. 471. Thân ấy quăng nghĩa địa, Làm mồi ăn kẻ khác, Trước chúng tắm rửa sạch, Nay chúng sanh ghê tởm, Cha mẹ còn như vậy, Nói gì đến quần chúng. 472. Họ mê thân không lõi, Ràng buộc bởi gân xương, Đầy nước miếng, nước mắt, Đầy phân tiểu hôi hám. 473. Nếu thân được mổ xẻ, Lột nội phần ra ngoài, Chính mẹ phải ghê tởm, Không chịu nổi mùi hôi. 474. Chính do uẩn, xứ, giới, Tác thành các thân này, r 9

Gôc tái sanh, đau khô, Chúng như lý nói lên, Hoàn toàn không vui thích. Vậy ai, con muốn cưới? 475. Từng ngày trăm ngọn giáo, Luôn luôn đâm vào thân, Dầu bị hại trăm năm, Như vậy còn tốt hơn, Vì khổ ấy cuối cùng, Rồi cũng được tiêu diệt. 476. Người trí quyết bằng lòng, Sự giết hại như trên, Bậc Đạo sư dạy rằng: 'Họ luân hồi dài dài, Với tâm tư giết hại, Liên tục nối tiếp nhau. 477. Trong cảnh giới trời, người, Bàng sanh, a-tu-la, Ngạ quỷ và địa ngục, Chịu giết hại vô lượng. 478. Trong địa ngục rất nhiều, Kẻ tâm uế đọa lạc, Chỗ trú ẩn thiên giới, Không có lạc Niết-bàn/ 479. Những ai đạt Niết-bàn, Họ liên hệ mật thiết, Với những lời thuyêt dạy, Của bậc Đủ Mười Lực, Thong dong, không rộn ràng, Nỗ lực đoạn sanh tử. 480. Thưa cha ngày hôm nay, Con quyết tâm ra di, Những tài sản rỗng không, Không có giá trị gì,

Con ghê tởm các dục, Con chán ngấy các dục, Chúng đã được tác thành, Như thân cây tala." 481. Cô trả lời phụ thân? Với lời nói như vậy. Anikaratta, Được hứa gả công chúa, Đi đến gân xin cưới, Theo như giờ hẹn định. 482. Mái tóc đen, dày mịn, Với gươm, cô cắt ngang, Cửa lầu được đóng lại, Cô chứng được sơ thiên. 483. Cô sống trong cảnh thiền, Anika đến thành, Sumedhã trong cung, Tu tập tưởng vô thường. 484. Trong khi cô tác ý? Vua bước lên tam cấp, Trang sức vàng châu báu, Chăp tay câu xin cô. 485. Hãy trị vì quốc độ, Với tiền của, uy quyền, Với tài sản, hạnh phúc, Với tuổi trẻ thanh xuân, Hãy thọ hưởng các dục, Thật khó kiếm ở đời. 486. Ta giao nàng vương quốc, Hưởng tài sản, bố thí, Nàng chớ có buồn nản, Khiên mẹ cha khô đau. 487. Sumedhã trả lời5 Với vua từng vấn dề, Đối với cô, các dục, Không cầu, không si mê, Chớ hoan hỷ các dục, Hãy thây dục nguy hiêm. 488. Mandhãtã là vua, Chúa bốn châu hưởng dục, Dục lạc ấy tối thượng, Tuy vậy, khi vua chêt, Cũng chưa được thỏa mãn, Ước vọng chưa đầy đủ. 489. Dầu có mười bảy báu, Khắp mười phương đầy tràn, Không có dục thỏa mãn9 Người chết chưa thỏa mãn. 490. Các dục ví gươm giáo, Các dục ví đầu rắn, Ví như bó đuốc cháy, Giông xương gặm trơn tru. 491. Các dục không thường còn? Cũng không có thường hằng, Khổ nhiều, thuốc độc lớn, Như hòn đạn cháy đỏ, Nguôn gôc của bât hạnh, Kết quả là đau khổ. 492. Dục như trái của cây? Như miếng thịt, khổ lụy, Giống như mộng như huyễn, Dục như của vay mượn. 493. Dục như gươm, như cọc, Bệnh tật và

cục bướu, Bất hạnh và dao động, Ví như hố than hừng, Nguồn gốc của bất hạnh, Sợ hãi và tàn sát. 494. Như vậy dục nhiều khổ, Được gọi chướng ngại pháp5 Hãy đi, từ bỏ tôi, Khi tôi còn tái sanh, _ Thời đôi với tự ngã, Tôi không có lòng tin.

TRƯỞNG LÃO NI KỆ 1163

495. Ai giúp gì tôi được, Khi đâu tôi đang cháy, Khi già, chết bám sát, Tôi cần phải nỗ lực, Đối với tàn hại ấy! 496. Không đi đến gần cửa, Cô thây mẹ và cha, Và Vua Anika, Ngồi dưới đất khóc than, Thây vậy cô tỏ lời, Thưa mọi người như sau: 497. "Kẻ ngu đã lâu rồi? Khóc luân hồi nối tiếp, Từ vô thỉ đến nay, Khóc phải bị mạng chung, Khóc anh em bị giết, Khóc tự mình bị giết. 498. Hãy nhớ từ vô thí, Nước mắt, sữa và máu, Tuôn chảy theo luân hồi, Không bao giờ dừng nghỉ, Hãy nhớ các chúng sanh, Luân hồi xương chất đống. 499. Hãy nhớ tràn bốn biển, Đầy nước mắt, sữa, máu, Hãy nhớ xương một kiệp, Cao bằng Vipula. 500. Hãy nhớ từ vô thỉ, Cả đất nước Diêm-phù, Không đủ để làm thành, Những nấm mồ hột táo, Của người mẹ luân hồi. 501. Hãy nhớ từ vô thỉ, Những cỏ cây cành lá, Không đủ để làm thành, Những ghè bốn ngón tay, Chứa người cha luân hồi. 502. Hãy nhớ tới hình ảnh, Con rùa mù biển Đông, Cho đầu nó lọt vào, Lỗ hổng khúc cây trôi, Để nói lên ví dụ? Được làm người khó vậy. 503. Hãy nhớ thân sắc người, Được ví bong bóng nước, Đầy cả những bất hạnh, Trống không, không có lõi, Hãy thấy uẩn vô thường! Nhớ địa ngục nhiêu họa. 504. Hãy nhớ nghĩa địa lớn, Do tái sanh tiếp tục, A \

Nhớ sợ hãi thuông luông, Hãy nhớ bốn sự thật. 505. Nước bất tử có dây, Sao người uông trăm đăng, Tất cả các dục lạc, Thật trăm cay ngàn đắng. 506. Nước bất tử có đây, Sao người ưa dục não? . r Mọi dục lạc đôt cháy, Sôi sùng sục nung nấu. 507. Đây không có kẻ thù, Sao thích dục thù địch! Vua, lửa, trộm, nước, oán, Thù chung thật là nhiều. 508. Ở đây có giải thoát, Sao để dục giết trói! Trong dục có giết trói, Mê dục nhiều khổ đau.

1164 KINH TIÊU Bộ

509. Đuốc cỏ đang cháy rực, Nắm không thả, bị đốt, Dục ví như bó đuốc, Đốt cháy ai không thoát. 510. Chớ nhận dục lạc nhỏ, Bỏ lạc lớn rộng rãi, Chớ như cá nuôt câu, Sau phải chịu hoạn nạn. 511. Hãy nhiếp phục trong dục, Như chó bị dây cột, Chớ để dục ăn ngươi, Như dân đói ăn chó. 512. Khổ thật là vô lượng, Khiến tâm nhiều ưu tư, Ngùod hệ lụy với dục, Hãy bỏ dục vô thường! 513. Ở dây, không có già, Sao theo dục bị già! Mọi sanh ở khắp nơi, Bị bệnh chết chi phối. 514. Đây không già, không chết, Đây con đường không già? Không chết, không sầu não, Không thù địch trói buộc, Không vấp ngã sợ hãi, Không nung nâu đọa đày. 515. Đích này nhiều người đạt, Đích này là bất tử, Nay cần phải chứng được, Ai như lý chú tâm, Nếu không có nỗ lực, Không sao chứng đạt dug" 516. Sumedhã nói vậy, Không thích đi đến thành, Cô thuyết phục được vua, Với tóc quăng trên đất. 517. Đứng dậy Anika, Chắp tay xin cha cô, Hãy cho Sumedhã, Được xuất gia tu học, Để cho cô thấy được, Giải thoát và chân lý. 518. Mẹ cha cho xuất gia, Thoát sầu, sợ, khiếp đảm, Sáu thắng trí chứng đạt, Chứng luôn quả tôi thượng, Dầu còn là Học nữ. 519. Thật vi diệu, hy hữu! Một công chúa con vua, Lại đạt được Niết-bàn! Cô nói lên như sau: “Th&i trước đời cuối cùng. 520. Trong thời đức Thế Tôn, Konãgamana!

Trong trú xứ mới làm, Tại cảnh Tăng già-lam9 Với bạn là ba người, Chúng tôi cúng tinh xá. 521. Mười lần, một trăm lần5 Mười trăm, trăm trăm lần? Chúng tôi sanh chư thiên, Còn nói gì làm người. 522. Giữa chư thiên, chúng tôi, Có được thần lực lớn, Còn nói gì chúng tôi, Khi được làm thân người, Ta hoàng hậu, bảy báu! Ta chính là nữ báu.

TRƯỞNG LÃO NI KỆ 1165

523. Đây là nhân, là nguồn, Đây chính là căn gốc? Kham nhẫn lời Đạo sư, Đây dây chuyền thứ nhất, Đấy chính là Niết-bàn, Nếu chúng ta mến ph"2 524. Như vậy với lòng tin, Họ thuyết rõ nên lời, Lời nói đày trí tuệ, Thù thắng và tối thượng, Họ chán ghét tái sanh, Do chán ghét, tham diệt.

2 Kệ 520-3, xem Ap. II. 512, Sumedhātherīapadānam (Kỷ sự về Sumedhā).

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.